

CÔNG TY TNHH HOÀNG HÙNG



BÁO CÁO
ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của Cơ sở
NHÀ MÁY CHẾ BIẾN LÂM SẢN XUẤT KHẨU VÀ
TIÊU THỤ NỘI ĐỊA

Địa điểm: Lô B18 (Số lô cũ A9), Khu công nghiệp Phú Tài,
phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Quy Nhơn, tháng ... năm 2024

CÔNG TY TNHH HOÀNG HƯNG



BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG của Cơ sở NHÀ MÁY CHẾ BIẾN LÂM SẢN XUẤT KHẨU VÀ TIÊU THỤ NỘI ĐỊA

Địa điểm: Lô B18 (Số lô cũ A9), Khu công nghiệp Phú Tài,
phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH HOÀNG HƯNG

Giám Độc

CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM
HỮU HẠN
HOÀNG HƯNG

Lê Minh Thiện

Digitally signed by CÔNG TY TRÁCH
NHIỆM HỮU HẠN HOÀNG HƯNG
DN: C=VN, L=BÌNH ĐỊNH, CN=CÔNG
TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HOÀNG
HƯNG,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:
4100480974
Reason: I am the author of this
document
Location: your signing location here
Date: 2024.10.29 08:28:00+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 11.0.1

ĐƠN VỊ LẬP BÁO CÁO

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG TÍN MỸ

Giám Độc

CÔNG TY
TNHH CÔNG
NGHỆ MÔI
TRƯỜNG
TÍN MỸ

Nguyễn Thành Nhân

Digitally signed by CÔNG TY
TNHH CÔNG NGHỆ MÔI
TRƯỜNG TÍN MỸ
DN: C=VN, S=BÌNH ĐỊNH,
L=Huyện Tuy Phước, CN=CÔNG
TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI
TRƯỜNG TÍN MỸ,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=M
ST:4101455681
Reason: I am the author of this
document
Location: your signing location here
Date: 2024-10-28 16:27:47
Foxit Reader Version: 9.5.0

Quy Nhơn, tháng ... năm 2024

MỤC LỤC

MỤC LỤC	i
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT	iv
DANH MỤC BẢNG	v
DANH MỤC HÌNH	vi
CHƯƠNG I	7
THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ	7
1.1 Tên chủ cơ sở	7
1.2. Tên cơ sở	7
1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:	4
1.3.1. Công suất của cơ sở:	4
1.3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở.....	4
1.3.3. Sản phẩm của cơ sở	6
1.3.4. Danh mục máy móc, thiết bị phục vụ cho sản xuất	6
1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở	6
1.4.1. Nhu cầu nguyên vật liệu cho quá trình sản xuất.....	6
1.4.2. Nhu cầu sử dụng điện	7
1.4.3. Nhu cầu sử dụng nước	8
1.4.4. Nhu cầu hóa chất.....	9
1.5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở	9
1.5.1. Hiện trạng hạ tầng KCN	9
1.5.2. Tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư mở rộng	10
1.5.3. Nhu cầu về lao động	10
1.5.4. Tiêu thụ sản phẩm.....	10
1.5.5. Cây xanh	10
1.5.6. Tổ chức quản lý và thực hiện cơ sở	11
CHƯƠNG II.....	12
SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH,.....	12
KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG.....	12

2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.....	12
2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường.....	12
CHƯƠNG III	14
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP.....	14
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	14
3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải	14
3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa.....	14
3.1.2. Thu gom, thoát nước thải.....	15
3.1.3. Xử lý nước thải	15
3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải:	16
3.2.1. Giảm thiểu ô nhiễm bụi, khí thải từ quá trình vận chuyển nguyên liệu, sản phẩm.....	16
3.2.2. Đối với bụi từ hoạt động sản xuất.....	17
3.2.3. Đối với khí thải từ lò sấy	20
3.3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường	22
3.3.1. Đối với chất thải rắn sinh hoạt.....	22
3.3.2. Đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường	23
3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải công nghiệp phải kiểm soát và chất thải nguy hại	24
3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung	26
3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.....	26
3.7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác.....	27
3.8. Các nội dung thay đổi so với bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường.....	28
CHƯƠNG IV	30
NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	30
4.1. Nội dung đề nghị cấp giấy phép môi trường đối với nước thải	30
4.1.1. Nội dung cấp phép xả nước thải	30
4.1.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý nước thải.....	30
4.2. Nội dung đề nghị cấp giấy phép đối với khí thải	31
4.2.1. Nội dung cấp phép khí thải	31
4.2.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý bụi, khí thải	33

4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung	34
4.3.1. Nội dung đề nghị cấp phép	34
4.3.2. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với tiếng ồn, độ rung	35
4.4. Yêu cầu quản lý chất thải	35
4.4.1. Quản lý chất thải	35
4.4.2. Yêu cầu về phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường	37
CHƯƠNG V	39
KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	39
5.1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải:	39
5.2. Kết quả quan trắc môi trường đối với bụi, khí thải:	39
CHƯƠNG VI	41
CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	41
6.1. Kế hoạch vận hành công trình xử lý chất thải của cơ sở	41
6.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm.....	41
6.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải	41
6.2. Chương trình quan trắc chất thải theo quy định của pháp luật	42
6.2.1. Chương trình quan trắc định kỳ	42
6.2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải	42
6.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường	42
CHƯƠNG VII.....	43
KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA	43
VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ.....	43
CHƯƠNG VIII	44
CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ	44

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở: “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa” của Công ty TNHH Hoàng Hưng.

Địa điểm thực hiện: Lô B18, Khu công nghiệp Phú Tài, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

BTCT	: Bê tông cốt thép
BTNMT	: Bộ Tài nguyên Môi trường
CTNH	: Chất thải nguy hại
KCN	: Khu công nghiệp
PCCC	: Phòng cháy chữa cháy
QCVN	: Quy chuẩn Việt Nam
TCVN	: Tiêu chuẩn Việt Nam
TCXDVN	: Tiêu chuẩn Xây dựng Việt Nam
TNHH	: Trách nhiệm hữu hạn
UBND	: Ủy ban nhân dân

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. 1. Bảng cơ cấu sử dụng đất	3
Bảng 1. 2. Các hạng mục công trình tại nhà máy.....	3
Bảng 1. 3. Danh mục máy móc, thiết bị của nhà máy	6
Bảng 1. 5. Nhu cầu sử dụng điện trong 06 tháng đầu năm 2024	7
Bảng 1. 6. Tổng hợp nhu cầu dùng nước	9
Bảng 1. 7. Nhu cầu hóa chất sử dụng	9
Bảng 3. 1. Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý bụi.....	18
Bảng 3. 2. Thông số kỹ thuật hệ thống xử lý khí thải lò sấy 2,5 tấn/giờ.....	21
Bảng 3. 3. Thành phần và khối lượng phát sinh CTR công nghiệp thông thường.....	24
Bảng 3. 4. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động	24
Bảng 3. 5. Các công trình bảo vệ môi trường đã được điều chỉnh so với bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường.....	28
Bảng 4. 1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải số 01	32
Bảng 4. 2. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải số 02,03,04	33
Bảng 4. 3. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh	35
Bảng 4. 4. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường	36
Bảng 5. 1. Kết quả phân tích môi trường không khí của nhà máy	39
Bảng 6. 1. Thời gian dự kiến thực hiện vận hành thử nghiệm	41
Bảng 6. 2. Thông tin quá trình lấy mẫu	41
Bảng 6. 3. Dự kiến kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm	42

DANH MỤC HÌNH

Hình 1.1. Vị trí nhà máy	2
Hình 1.2. Sơ đồ công nghệ sản xuất gỗ	4
Hình 1.3. Dải cây xanh tại khu vực nhà máy	11
Hình 1.4. Sơ đồ tổ chức quản lý của cơ sở	11
Hình 3. 1. Sơ đồ mạng lưới thu gom và thoát nước mưa của nhà máy	14
Hình 3. 2. Sơ đồ mạng lưới thu gom thoát nước thải của nhà máy	15
Hình 3. 3. Sơ đồ mạng lưới thu gom, thoát nước thải của dự án	15
Hình 3. 4. Sơ đồ hệ thống bể tự hoại	16
Hình 3. 5. Sơ đồ hệ thống bể tự hoại	17
Hình 3. 6. Hệ thống thu gom bụi điển hình tại nhà máy	19
Hình 3. 7. Hệ thống thu gom và xử lý bụi nhà xưởng	20
Hình 3. 8. Sơ đồ xử lý khói thải	21
Hình 3. 9. Hệ thống xử lý khí thải lò đốt	22
Hình 3. 10. Sơ đồ quy trình thu gom chất thải rắn sinh hoạt	22
Hình 3. 11. Thùng chứa chất thải sinh hoạt	23
Hình 3. 12. Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại	25

CHƯƠNG I

THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1.1 Tên chủ cơ sở

- Tên chủ cơ sở: Công ty TNHH Hoàng Hưng
- Địa chỉ văn phòng: Lô B27, Khu công nghiệp Phú Tài, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.
- Người đại diện: (Ông) Lê Minh Thiện
- Chức vụ : Giám đốc
- Điện thoại : 0563.741.109 – 0913.440.600
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100480974 đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 02 năm 2003, thay đổi lần thứ 11 ngày 10 tháng 09 năm 2014 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Bình Định cấp.
- Phiếu xác nhận bản đăng ký Đạt tiêu chuẩn môi trường số 593/KHCNMT ngày 22 tháng 09 năm 2003 của cơ sở: Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa do Sở Khoa học, công nghệ và môi trường thuộc UBND tỉnh Bình Định cấp.

1.2. Tên cơ sở

“Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa”

(Sau đây gọi tắt là Cơ sở hoặc Nhà máy)

- Địa điểm cơ sở: Lô B18, Khu công nghiệp Phú Tài, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Vị trí tiếp giáp của các khu vực sau:

- Phía Đông tiếp giáp: Hành lang kỹ thuật rộng 10m;
- Phía Tây tiếp giáp: Đường số 14- Đường nội bộ KCN;
- Phía Nam tiếp giáp: Đường số 19- Đường nội bộ KCN;
- Phía Bắc tiếp giáp: Công ty TNHH Ánh Vy.



Hình 1. 1. Vị trí nhà máy

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BK 160039, số vào sổ cấp GCN số CT01520 ngày 21/09/2012 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Định cấp.

- Phiếu xác nhận bản đăng ký Đạt tiêu chuẩn môi trường số 593/KHCNMT ngày 22 tháng 9 năm 2003 của cơ sở: Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa do Sở khoa học, công nghệ và môi trường cấp.

- Cơ quan thẩm định thiết kế xây dựng, cấp các loại giấy phép liên quan đến môi trường của cơ sở: Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định là cơ quan phê duyệt thiết kế xây dựng và các loại thủ tục liên quan đến cơ sở như sau:

+ Giấy chứng nhận đầu tư số 35221000075 do Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh Bình Định chứng nhận lần đầu ngày 27/04/2001 và thay đổi lần thứ nhất ngày 30/12/2009.

+ Quyết định số 343/QĐ-BQL ngày 11/3/2010 về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết mặt bằng tổng thể tỷ lệ 1/500 số do Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh Bình Định cấp.

+ Giấy phép xây dựng số 18/GPXD ngày 30/7/2010 do Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh Bình Định cấp.

+ Giấy phép xây dựng số 21/GPXD ngày 18/5/2012 do Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh Bình Định cấp.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở: “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa” của Công ty TNHH Hoàng Hưng.

Địa điểm thực hiện: Lô B18, Khu công nghiệp Phú Tài, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Quy mô cơ sở của nhà máy:

+ Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa của công ty TNHH Hoàng Hưng được xây dựng trên khu đất có tổng diện tích 14.392 m² nhưng trên thực tế đo đạc thì tổng diện tích là 15.673 m² (theo Hợp đồng thuê lại đất gắn kết cấu hạ tầng tại KCN Phú Tài giai đoạn I, II, III số 14/2011/HĐ-TLD-A ngày 09/05/2011).

+ Căn cứ vào khoản 3, Điều 10 Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/06/2019, thì “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa” của Công ty TNHH Hoàng Hưng có tổng vốn đầu tư là 4.352.000.000 đồng thuộc nhóm C.

+ Quy mô đầu tư xây dựng các hạng mục công trình của nhà máy:

Bảng 1. 1. Bảng cơ cấu sử dụng đất

STT	Loại đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
1	Đất xây dựng công trình	9.465	65,75
2	Đất trồng cây xanh	1.438	10
3	Đất sân bãi	954	6,6
4	Đất hành lang an toàn PCCC & Giao thông nội bộ	2.535	17,65
Tổng diện tích		14.392	100

Nguồn: Bản vẽ điều chỉnh Quy hoạch 1/500

Bảng 1. 2. Các hạng mục công trình tại nhà máy

STT	Hạng mục	Đơn vị	Diện tích	Ghi chú
1	Xưởng sản xuất hiện trạng	m ²	4.077	Hiện trạng
2	Xưởng sản xuất xây dựng mới	m ²	3.360	Hiện trạng
3	Khu vực nghỉ giữa ca	m ²	129	Hiện trạng
4	Nhà vệ sinh công nhân	m ²	20	Hiện trạng
5	Cụm lò sấy hiện trạng	m ²	674	Hiện trạng
6	Xưởng cưa CD	m ²	766	Hiện trạng
7	Cụm lò sấy cải tạo	m ²	300	Không sử dụng
8	Đài nước cứu hỏa	m ²	8	Hiện trạng
9	Nhà vệ sinh công nhân	m ²	24	Hiện trạng

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở: “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa” của Công ty TNHH Hoàng Hưng.

Địa điểm thực hiện: Lô B18, Khu công nghiệp Phú Tài, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

STT	Hạng mục	Đơn vị	Diện tích	Ghi chú
10	Nhà hút bụi	m ²	56	Hiện trạng
11	Trạm biến áp	m ²	6	Hiện trạng
12	Nhà bảo vệ	m ²	9	Hiện trạng
13	Bể nước cứu hỏa	m ²	30	Hiện trạng

Nguồn: Bản vẽ quy hoạch điều chỉnh mặt bằng

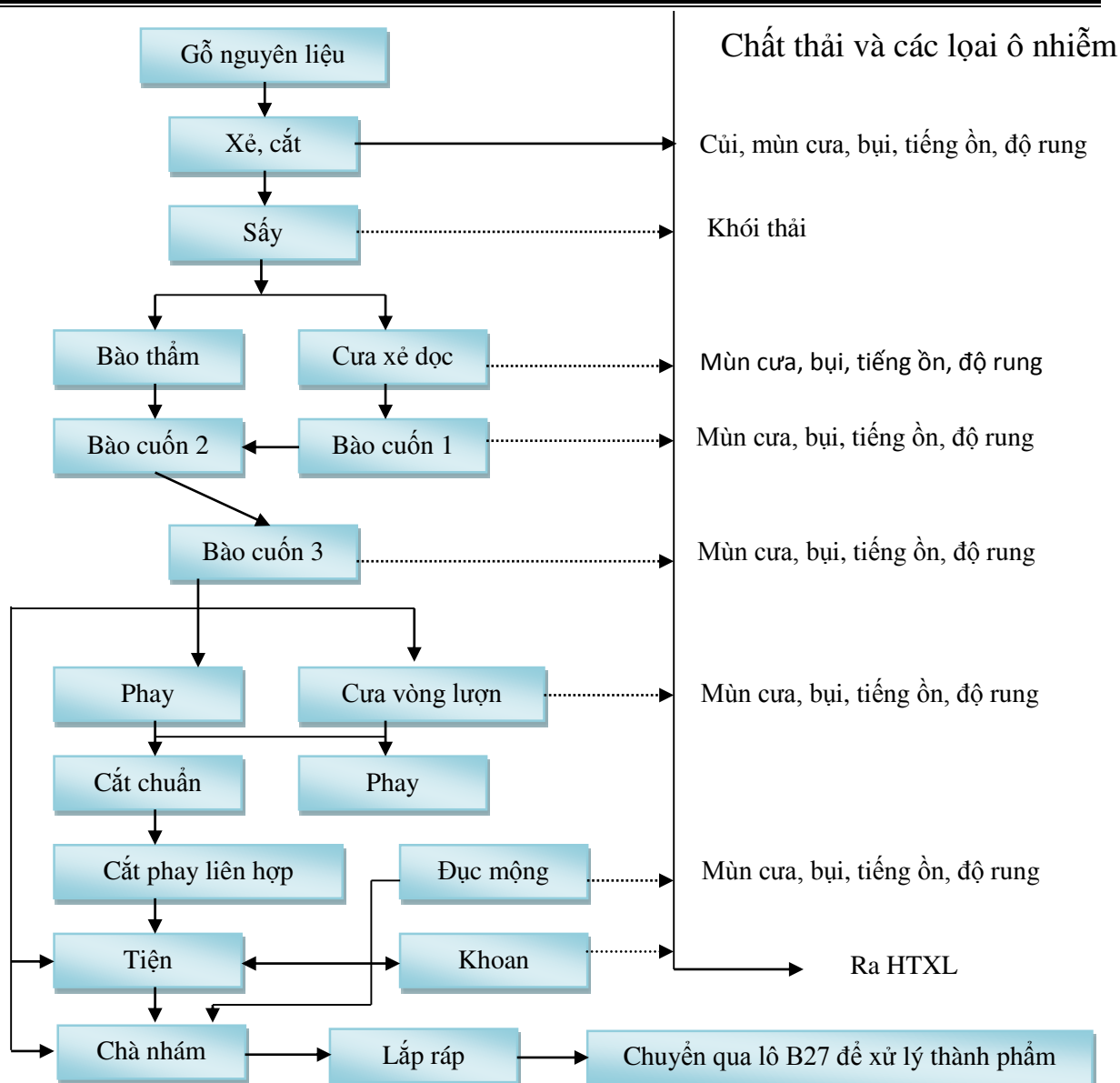
1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:

1.3.1. Công suất của cơ sở:

- Gỗ tròn: 6.000m³/năm.

1.3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở

Trong sản xuất chế biến gỗ thì quy trình sản xuất luôn là điều quan trọng quyết định đến giá thành và chất lượng sản phẩm. Để cho những sản phẩm tốt nhà máy đã nghiên cứu và đưa ra quy trình chuẩn để đầu tư, nhằm nâng cao chất lượng của sản phẩm từ gỗ như sau:



Hình 1. 2. Sơ đồ công nghệ sản xuất gỗ

❖ **Thuyết minh quy trình công nghệ sản xuất:**

- Nguyên liệu đầu vào phục vụ cho quá trình sản xuất của Công ty TNHH Hoàng Hưng là các loại gỗ thô được nhập khẩu từ nhiều nước như: Malaysia, Indonesia, Myanmar,... và mua lại của các công ty có chức năng khai thác trong nước.

- Nguyên liệu sau khi nhập về sẽ được tập kết tại bãi phơi nguyên liệu, tùy theo số lượng và loại sản phẩm cần sản xuất thì một lượng nguyên liệu gỗ thô sẽ được chuẩn bị. Ban đầu nguyên liệu gỗ được cưa xẻ theo quy cách, sau đó chuyển đến khu vực sấy với mục đích tạo cho gỗ có độ ẩm 12 – 16% để thuận tiện cho quá trình thi công chế tác. Khi đạt đến độ ẩm quy định thì gỗ được chuyển đến khu vực gia công chế tác (khu vực sản xuất) để tạo các bộ phận chi tiết cho từng loại sản phẩm. Tiếp đến các chi tiết gỗ sẽ được định hình sản phẩm tại khu lắp ráp, làm nguội hoàn chỉnh, sau đó sản phẩm sẽ được đưa qua lô B27 của

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở: “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa” của Công ty TNHH Hoàng Hưng.

Địa điểm thực hiện: Lô B18, Khu công nghiệp Phú Tài, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

công ty để chuẩn bị những công đoạn tiếp theo (phun sơn, nhúng dầu bóng,...) để tạo sự sắc xảo cho sản phẩm và đóng gói thành phẩm. Sản phẩm hoàn thành sẽ được bộ phận KCS kiểm tra chất lượng sản phẩm và số lượng rồi mới nhập kho hoặc xuất thành phẩm theo đơn đặt hàng của khách hàng.

1.3.3. Sản phẩm của cơ sở

Đồ gỗ nội, ngoại thất làm từ gỗ có nguồn gốc nội địa hoặc nhập khẩu, sản xuất và xuất khẩu đến thị trường nước ngoài : Châu Âu, Mỹ....và thị trường trong nước.

- Sản phẩm của nhà máy chủ yếu là bàn, ghế và các sản phẩm outdoor khác được phép xuất khẩu theo quy định của Chính phủ.
- Công suất: 6.000 m³ gỗ tròn/năm.

1.3.4. Danh mục máy móc, thiết bị phục vụ cho sản xuất

Bảng 1. 3. Danh mục máy móc, thiết bị của nhà máy

STT	Tên thiết bị	Số lượng	Xuất xứ	Tình trạng
1	Máy cắt ngang	18	Trung Quốc	70%
2	Máy Lọng	7	Trung Quốc	65%
3	Máy Rong	10	Trung Quốc	65%
4	Máy Bào	10	Trung Quốc	75%
5	Máy Tupi	10	Trung Quốc	70%
6	Máy Mộng	19	Trung Quốc	70%
7	Máy khoan	17	Trung Quốc	65%
8	Máy đục	8	Trung Quốc	70%
9	Máy chà nhám	22	Trung Quốc	75%
10	Máy cắt cánh gà	6	Trung Quốc	60%
11	Máy nổ PCCC	1	Fusheng	70%

Nguồn: Công ty TNHH Hoàng Hưng

1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở

1.4.1. Nhu cầu nguyên vật liệu cho quá trình sản xuất

a. Nguyên liệu gỗ sản xuất:

- Nguồn nguyên liệu chính để đáp ứng cho hoạt động sản xuất của Nhà máy là gỗ rừng trồng, nguồn gốc chủ yếu nhập khẩu từ nước ngoài (90%), ngoài ra có một số nguồn gỗ từ các rừng trồng trong nước và gỗ tự nhiên được Nhà nước cho phép.

- Về định mức tiêu thụ nguyên liệu:

Gỗ tròn → 35% gỗ xẻ → 45% gỗ tinh chế

- Tổng nhu cầu nguyên liệu gỗ tròn hằng năm: 6.000 m³.

- Nguồn nguyên liệu nhập bằng đường biển qua cảng Quy Nhơn: Indonesia, Malaysia, Myanmar và các nước thuộc Châu Phi, ...

- Nguồn nguyên liệu trong nước từ các rừng tự nhiên và rừng trồng (Xoan đào, Cao su, Bạch đàn, Sầu đông, ...) của các tỉnh lân cận như: Gia Lai, KonTum, Quảng Ngãi, ...

- Nguồn cung cấp: chủ yếu nhập khẩu từ nước ngoài (90%), ngoài ra có một số nguồn từ trong nước.

c. Nhiên liệu sử dụng cho lò sấy:

- Công ty đầu tư, lắp đặt 01 lò hơi 2,5 tấn/h để sấy gỗ, sử dụng nguồn bụi từ nhà chứa bụi và củi gỗ thừa từ quá trình chế biến của nhà máy để làm nguồn nhiên liệu đốt cho hệ thống lò sấy. Với định mức tiêu hao nhiên liệu khoảng 50kg củi/1 tấn (với độ ẩm <35%) thì lượng củi tiêu hao dùng để đốt lò hơi khoảng 1,5 tấn/ngày (với thời gian đốt củi là 12 giờ/ngày đốt theo ca).

1.4.2. Nhu cầu sử dụng điện

- Nguồn cung cấp: Nguồn điện cung cấp cho hoạt động của nhà máy được lấy từ hệ thống cấp điện 22Kv của KCN thông qua Trạm biến áp nằm phía Tây nhà máy giáp đường số 14 của Khu công nghiệp.

- Mục đích sử dụng: Chiếu sáng, chạy máy bơm nước và vận hành máy móc thiết bị sản xuất.

- Điện năng sử dụng tại Công ty theo thực tế trung bình khoảng 61.603,8 KWh/tháng trong 6 tháng đầu năm 2024 (từ tháng 01/2024 đến tháng 06/2024), tương ứng khoảng 2.024 KWh/ngày (Hóa đơn điện đính kèm phụ lục). Điện năng thực tế sử dụng được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 1. 4. Nhu cầu sử dụng điện trong 06 tháng đầu năm 2024

STT	Tháng	KWh/tháng	KWh/ngày
1	01/2024	86.640	2.794,8
2	02/2024	49.860	1.719,3
3	03/2024	94.801,5	3.058,1

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở: “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa” của Công ty TNHH Hoàng Hưng.

Địa điểm thực hiện: Lô B18, Khu công nghiệp Phú Tài, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

STT	Tháng	KWh/tháng	KWh/ngày
4	04/2024	60.560,5	2.018,7
5	05/2024	36.372	1.173,3
6	06/2024	41.388,5	1.379,6
Trung bình		61.603,8	2.024

Nguồn: Hóa đơn tiền điện tháng 01/2024 đến tháng 06/2024

1.4.3. Nhu cầu sử dụng nước

- Nguồn cấp: Nhu cầu sử dụng nước của nhà máy chủ yếu là cho mục đích sinh hoạt của công nhân, tưới cây xanh, cấp nước cho PCCC. Hiện tại, nhà máy đang sử dụng nguồn nước cấp hiện hữu tại Khu công nghiệp do Công ty Cổ phần cấp thoát nước Bình Định đầu tư và cung cấp để phục vụ nhu cầu sử dụng nước của nhà máy. Vị trí đầu nối tại hành lang phía Bắc của nhà máy.

- Nhu cầu sử dụng nước: lượng nước sử dụng cho nhu cầu của Nhà máy được sử dụng cho sinh hoạt, sản xuất và tưới cây xanh trung bình khoảng 211,2 m³/tháng (*Theo hóa đơn tiền nước từ tháng 01/2024 đến tháng 06/2024*).

❖ *Nước cấp cho mục đích sinh hoạt:*

Với số lượng CBCNV hiện tại của nhà máy là 160 người. Căn cứ theo tiêu chuẩn TCVN 13606:2023 – Cấp nước, mạng lưới đường ống và công trình, tiêu chuẩn thiết kế của Bộ xây dựng thì tiêu chuẩn cấp nước phục vụ cho mục đích sinh hoạt là 45 lít/người/ca. Lượng nước cấp cho sinh hoạt của CBCNV của nhà máy là:

$$Q_{\text{sinh hoạt}} = 160 \text{ người} \times 45 \text{ lít/người/ca} = 7.200 \text{ lít/ngày} = \mathbf{7,2 \text{ m}^3/\text{ngày}}$$

❖ *Nước sử dụng tưới cây, rửa đường:*

Căn cứ theo tiêu chuẩn TCVN 13606:2023 thì lượng nước dùng cho mục đích tưới cây có thể được ước tính như sau:

$$Q_{\text{tưới}} = 1.438 \text{ m}^2 \times 3 \text{ lít/m}^2 = 4.314 \text{ lít/ngày} \approx \mathbf{4,3 \text{ m}^3/\text{ngày}}$$

- Tuy nhiên, thực tế lượng nước phục vụ cho tưới cây không cao như tính toán, nhà máy thực hiện tưới xen kẽ các khuôn viên và chỉ tưới gốc cây. Ước tính hằng ngày công tác tưới tiêu, chăm sóc cây trồng trong khuôn viên nhà máy khoảng 3m³/ngày.

❖ *Nước cấp cho bể lắng bụi lò sấy*

- Nhà máy sử dụng lò sấy với công suất 2,5 tấn hơi/giờ và khí thải của lò sấy sẽ được xử lý trước khi thải ra môi trường. Tại phía dưới của ống khói lò hơi xây dựng một bể đập bụi bằng nước có diện tích xây dựng là 1,4m x 1,25m x 1,4m. Do đó, lượng nước cấp cho bể này là (1,4m x 1,25m x 1,4m) = 2,45 m³/ lần.

- Nhà máy sẽ tiến hành vệ sinh vớt cặn và thay nước từ 6 đến 12 tháng tùy theo nhu cầu sấy gỗ của nhà máy, vì vậy lượng nước cấp vào cho bể lắng bụi lò sấy là từ 6 đến 12 tháng/lần.

❖ **Nước cấp cho PCCC**

- Nước dự phòng cho PCCC được chứa tại đài nước cứu hỏa có lượng nước 10m³ và bể nước cứu hỏa có lượng chứa 45m³ (Tổng lượng chứa 55m³ nước chỉ sử dụng trong trường hợp nhà máy cháy) vị trí của đài nước cứu hỏa nằm ở phía Bắc của nhà máy và Bể nước chứa nước PCCC nằm ở phía Nam của nhà máy.

- Như vậy, tổng lượng nước cấp cho nhà máy khi hoạt động ổn định (không tính nước cấp cho hoạt động PCCC) là:

Bảng 1. 5. Tổng hợp nhu cầu dùng nước

STT	Nhu cầu cấp nước	Lưu lượng
1	Nước cấp sinh hoạt	7,2 m ³ /ngày
2	Nước tưới cây xanh, rửa đường	3 m ³ /ngày
3	Nước cấp cho bể lắng bụi	2,45 m ³ / 06 – 12 tháng

Nguồn: Công ty TNHH Hoàng Hưng

1.4.4. Nhu cầu hóa chất

Bảng 1. 6. Nhu cầu hóa chất sử dụng

STT	Nguyên liệu	Đơn vị/năm	Số lượng
1	Dầu DO	Lít	500
2	Keo đóng chốt	Tấn	01

Nguồn: Công ty TNHH Hoàng Hưng

1.5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở

1.5.1. Hiện trạng hạ tầng KCN

- Thoát nước mưa, nước thải: tại khu vực nhà máy, chủ đầu tư KCN Phú Tài đã đầu tư hoàn thiện hệ thống thu gom và thoát nước mưa, nước thải dọc theo tuyến đường trục và các tuyến đường nội bộ của KCN, để phục vụ cho việc lưu thoát nước mưa, nước thải của các nhà máy, nước thải được thu gom đầu nối đưa về hệ thống xử lý nước thải 2.000 m³/ngày đêm đã được Chủ đầu tư KCN Phú Tài đầu tư xây dựng để xử lý nước thải phát sinh của các nhà máy trong KCN Phú Tài, Long Mỹ theo đúng quy định. Hệ thống XLNT đã lắp đặt trạm quan trắc nước thải tự động với các chỉ tiêu giám sát cơ bản là lưu lượng (đầu vào, đầu ra), nhiệt độ, BOD, pH, TSS, amoni theo quy định.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở: “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa” của Công ty TNHH Hoàng Hưng.

Địa điểm thực hiện: Lô B18, Khu công nghiệp Phú Tài, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- **Giao thông:** giao thông nội bộ trong KCN hiện đã được Chủ đầu tư hạ tầng KCN xây dựng hoàn thiện đáp ứng nhu cầu vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm ra vào KCN.
- **Cấp điện:** Hệ thống cấp điện trong KCN đã lắp đặt hoàn thiện và đảm bảo cung cấp nguồn điện phục vụ cho các nhà máy trong KCN.
- **Cấp nước:** Khu vực nhà máy đã có đường ống cấp nước sạch do Công ty Cổ phần cấp thoát nước Bình Định đầu tư và cung cấp nước sạch cho các nhà máy.
- **Hiện trạng thu gom và xử lý chất thải rắn:** Hiện nay, trên địa bàn KCN đã có công ty Cổ phần Môi trường Bình Định tiến hành thu gom xử lý toàn bộ lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ các doanh nghiệp; Công ty TNHH TM&MT Hậu Sanh thu gom, xử lý chất thải công nghiệp và nguy hại.

1.5.2. Tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư mở rộng

- **Vốn đầu tư của cơ sở tại thời điểm hiện tại:** 4.352.000.000 (*Bốn tỷ, ba trăm năm mươi hai triệu đồng*).

1.5.3. Nhu cầu về lao động

Hiện tại nhà máy đang hoạt động và sử dụng 100% nguồn nhân lực trong nước. Tổng số cán bộ công nhân viên cần thiết để vận hành nhà máy là 160 người. Nhà máy ưu tiên sử dụng lao động tại địa phương.

1.5.4. Tiêu thụ sản phẩm

Thị trường tiêu thụ là các nước thuộc khối EU (Na Uy, Đan Mạch, Pháp, Bỉ, Đức, Hà Lan...), Bắc Mỹ, các nước trong khu vực Đông-Nam Châu Á (Đài Loan, Nhật Bản, Singapo, Indonesia, Malaysia,...) và tiêu thụ nội địa.

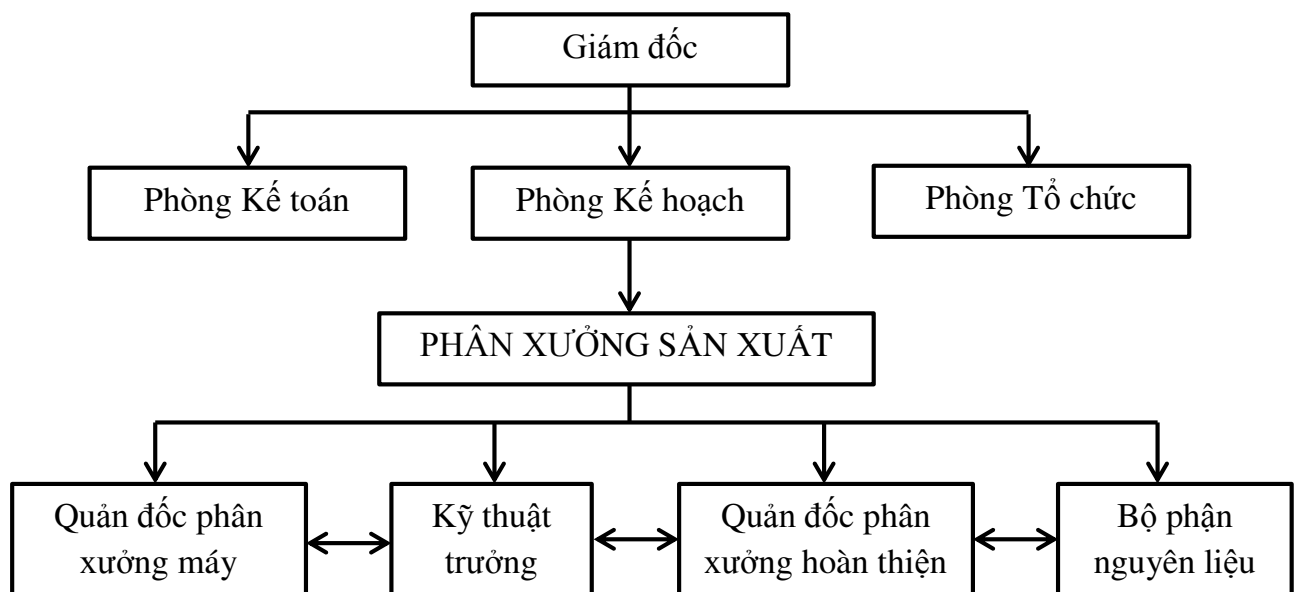
1.5.5. Cây xanh

Khu vực nhà máy đã trồng dải cây xanh cách ly theo quy định với diện tích 1.438m², tạo không gian xanh cho khu vực cũng như là giảm thiểu lượng bụi phát tán ra ngoài môi trường.



Hình 1. 3. Cây xanh tại khu vực nhà máy

1.5.6. Tổ chức quản lý và thực hiện cơ sở



Hình 1. 4. Sơ đồ tổ chức quản lý của cơ sở

CHƯƠNG II

SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.

- “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa” của Công ty TNHH Hoàng Hưng được Ban Quản lý khu Kinh tế thuộc UBND tỉnh Bình Định cấp quyết định phê duyệt quy hoạch điều chỉnh mặt bằng tổng thể tỷ lệ 1/500 số 343/QĐ-BQL ngày 11/03/2010.
- “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa” đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK160039 ngày 21/09/2012.
- Cơ sở “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa” đã được Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường tỉnh Bình Định cấp phiếu xác nhận Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường số 593/KHCNMT ngày 22/09/2003.
- Bên cạnh đó Nhà máy nằm trong KCN Phú Tài nên không có dân cư sinh sống, khu vực có nguồn lao động trẻ dồi dào, do đó nhà máy sẽ tạo việc làm cho lao động và cải thiện đời sống sinh hoạt của người dân. Điều này cho thấy địa điểm đầu tư Nhà máy hoàn toàn phù hợp với đặc điểm môi trường tự nhiên, kinh tế - xã hội tại khu vực.

2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường

- Cơ sở thực hiện tại Lô B18 của KCN Phú Tài, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định. KCN Phú Tài đã đầu tư hoàn chỉnh hệ thống cấp điện, cấp nước và xử lý nước thải nên toàn bộ lượng nước thải của nhà máy được thu gom và xử lý theo quy định.
- Khu công nghiệp Phú Tài hiện đã được cấp GPMT, chủ đầu tư KCN Phú Tài đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải 2.000m³/ngày.đêm đảm bảo khả năng tiếp nhận toàn bộ lượng nước thải phát sinh của nhà máy.
- Nước thải của nhà máy chủ yếu là nước thải sinh hoạt, được xử lý sơ bộ và một lượng nước thải từ công đoạn vệ sinh bề mặt. Toàn bộ lượng nước thải này để được đầu nối vào hệ thống thoát thải chung của KCN Phú Tài.
- Toàn bộ lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ nhà máy cũng đã được công ty hợp đồng với công ty Cổ phần Môi trường Bình Định tiến hành thu gom xử lý theo quy định.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở: “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa” của Công ty TNHH Hoàng Hưng.

Địa điểm thực hiện: Lô B18, Khu công nghiệp Phú Tài, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Lượng chất thải công nghiệp phải kiểm soát và chất thải nguy hại phát sinh tại nhà máy được lưu chứa tại kho chứa chất thải nguy hại và định kỳ chuyển giao cho Công ty TNHH TM&MT Hậu Sanh với tần suất là 6 tháng/lần.

→ Từ những lý do nêu trên cho thấy các thành phần có nguy cơ gây ô nhiễm phát sinh tại nhà máy đều được thu gom và xử lý đạt quy chuẩn hiện hành trước khi thải ra ngoài môi trường nên nhà máy được triển khai ở khu vực này hoàn toàn đáp ứng khả năng chịu tải của môi trường.

CHƯƠNG III

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa

- Hệ thống thu gom nước mưa được xây dựng riêng biệt với nước thải, tự chảy theo độ dốc của mặt bằng nhà máy. Hệ thống thoát nước mưa nội bộ của nhà máy được xây dựng bằng mương xây đá chẻ 400 x 600, nắp đan bằng bê tông cốt thép dày 50, các đoạn qua đường đan dày 100.

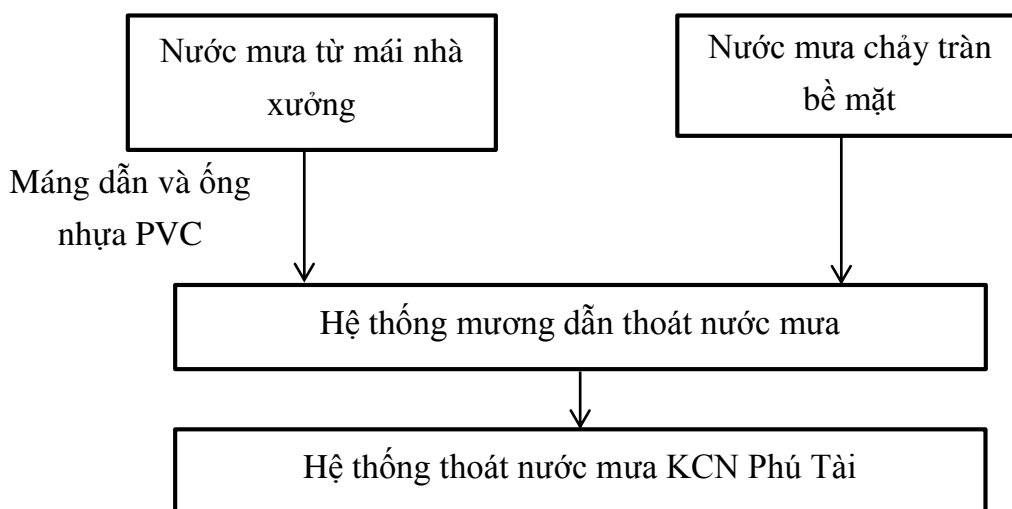
- Theo hướng từ Tây sang Đông được thu gom bằng 2 hệ thống:

+ Hệ thống 1: Thu đón nước từ xưởng cửa CD, cụm lò sấy hiện trạng, nhà hút bụi, một phần xưởng sản xuất hiện trạng và cụm lò sấy cải tạo sẽ được thu gom vào hệ thống mương thu nước xây dựng theo hướng dốc tự chảy theo độ dốc của mặt bằng hiện có sau đó đầu nối ra hệ thống thoát nước của KCN tại điểm M1 phía Đông Bắc của nhà máy.

+ Hệ thống 2: Thu đón nước từ một phần xưởng sản xuất hiện trạng, xưởng sản xuất xây mới, khu vực nghỉ giữa ca và nhà bảo vệ sẽ được thu gom vào hệ thống mương thu nước xây dựng theo hướng dốc tự chảy theo độ dốc của mặt bằng hiện có sau đó đầu nối ra hệ thống thoát nước của KCN tại điểm M2 phía Nam của nhà máy.

Ghi chú: Điểm thoát nước mưa M1, M2 được thể hiện trong bản vẽ mặt bằng thoát nước được đính kèm phụ lục.

- Mạng lưới thu gom và thoát nước mưa của nhà máy được thể hiện theo sơ đồ sau:

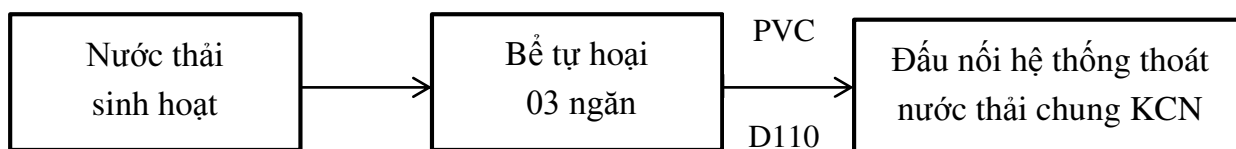


Hình 3. 1. Sơ đồ mạng lưới thu gom và thoát nước mưa của nhà máy

3.1.2. Thu gom, thoát nước thải

a. Nước thải sinh hoạt:

- Toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt từ các khu nhà vệ sinh được thu gom và xử lý bằng bể tự hoại 03 ngăn chống thấm đặt ngầm dưới nhà vệ sinh, sau đó theo đường ống nhựa PVC D110 đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải tập trung của KCN Phú Tài tại điểm T phía Đông Bắc mặt bằng nhà máy.



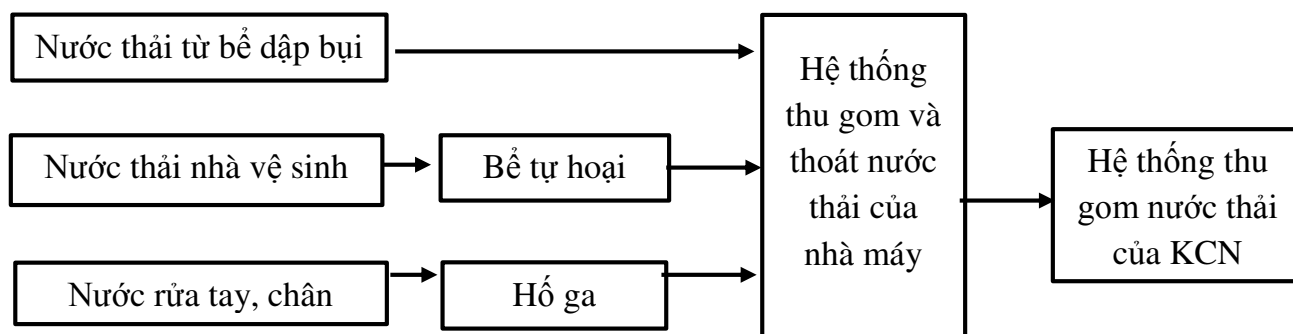
Hình 3. 2. Sơ đồ mạng lưới thu gom thoát nước thải của nhà máy

b. Nước thải sản xuất:

- Hiện nay, nhà máy không có công đoạn luộc gỗ nên không có nước thải sản xuất phát sinh từ công đoạn này.

- Nước thải từ hệ thống xử lý lò sấy: Nước thải từ bể đập bụi của hệ thống xử lý khói thải phát sinh khoảng 2,45m³/lần xả, lượng nước này được lưu chứa trong bể đập bụi và tuần hoàn tái sử dụng. Định kỳ 06 tháng, nhà máy sẽ vệ sinh và thay nước, lượng nước này sẽ theo tuyến ống PVC D114 đầu nối về hệ thống thoát nước thải của KCN.

❖ Sơ đồ thu gom nước thải của nhà máy như sau:



Hình 3. 3. Sơ đồ mạng lưới thu gom, thoát nước thải của dự án

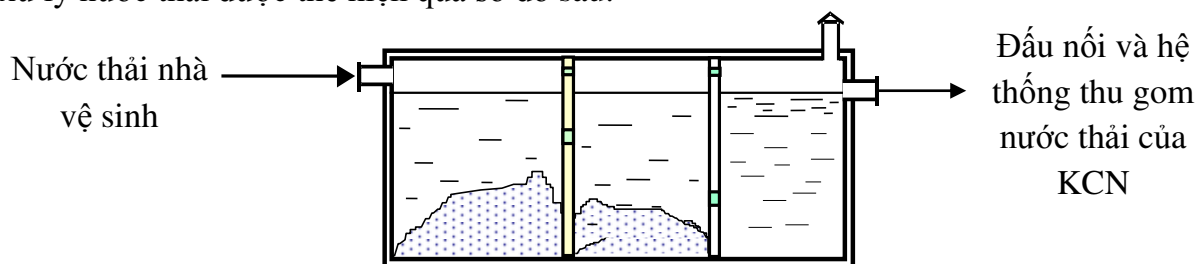
- Toàn bộ lượng nước thải của nhà máy thu gom dẫn về hệ thống thu gom và thoát nước thải chung của nhà máy, sau đó đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Phú Tài, cam kết không xả nước thải ra ngoài môi trường (Hợp đồng thu gom, xử lý nước thải đính kèm phụ lục).

3.1.3. Xử lý nước thải

❖ Công trình xử lý nước thải sinh hoạt (bể tự hoại)

- Công ty xây dựng công trình bể tự hoại tại khu vực nhà vệ sinh công nhân.

- Quy trình vận hành công trình thu gom và xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt của nhà máy như sau: Nước thải sinh hoạt → Bể tự hoại 03 ngăn → Đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN. Bể tự hoại 03 ngăn xây ngầm bằng bê tông, chống thấm. Quy trình xử lý nước thải được thể hiện qua sơ đồ sau:



Hình 3. 1. Sơ đồ hệ thống bể tự hoại

- Bể tự hoại 03 ngăn thông dụng được dùng để xử lý cục bộ nước thải từ khu nhà vệ sinh có kết cấu như sau:

- + Ngăn thứ nhất: ngăn tự hoại;
- + Ngăn thứ hai: ngăn lắng;
- + Ngăn thứ ba: ngăn lọc.

- Bể có ống thông hơi ra bên ngoài, có hộp bảo vệ và có nắp để hút cặn. Nắp bể được làm bằng đan bê tông cốt thép; được xây dựng bằng bê tông chống thấm. Bể tự hoại là công trình đồng thời làm hai chức năng: lắng và hủy cặn lắng. Cặn lắng giữ lại trong bể từ 6 – 8 tháng, dưới ảnh hưởng của vi sinh vật kỵ khí các chất hữu cơ bị phân hủy.

- Hiện tại lưu lượng nước thải sinh hoạt phát sinh không lớn, KCN Phú Tài đã có hệ thống thu gom và xử lý nước thải, do đó toàn bộ lượng nước thải phát sinh tại nhà máy đều được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại và dẫn về khu xử lý nước thải tập trung của KCN Phú Tài.

- Nước thải sau khi xử lý sơ bộ đạt cấp độ đầu nối nước thải là 1,5C theo Bảng quy định cấp độ xử lý nước thải ban hành kèm theo Quyết định số 404/QĐ-ĐTXD ngày 13/04/2012 của công ty CP ĐT&XD Bình Định (Theo Hợp đồng thu gom, xử lý nước thải giữa công ty TNHH Hoàng Hưng và Công ty CP ĐT&XD Bình Định số 29/2020/HĐ-XLNT).

3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải:

3.2.1. Giảm thiểu ô nhiễm bụi, khí thải từ quá trình vận chuyển nguyên liệu, sản phẩm

Để hạn chế tối đa lượng bụi, khí thải phát sinh từ quá trình vận chuyển nguyên liệu, sản phẩm, thời gian qua Công ty đã và sẽ duy trì thực hiện các biện pháp sau:

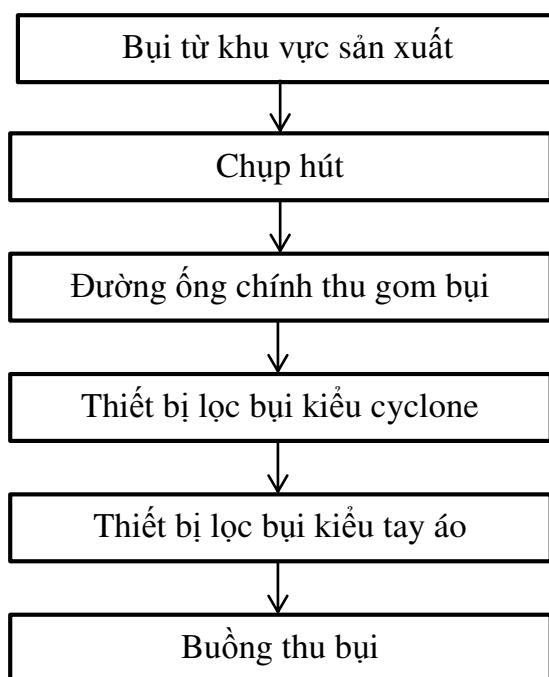
- Bố trí khu vực đỗ xe gần cổng ra vào, các xe chạy trong khuôn viên Nhà máy phải giảm tốc độ.

- Xe vận chuyển nguyên liệu, sản phẩm phải tắt máy trong thời gian bốc xếp.
- Thường xuyên quét dọn, vệ sinh khu vực tập kết củi nhiên liệu, kho chứa và khu vực đỗ xe để hạn chế đối đa bụi phát tán từ mặt đất.
- Xây dựng chế độ vận hành của xe vận chuyển và điều tiết xe phù hợp để tránh làm gia tăng mật độ xe.
- Che chắn, phủ bạt kín nguyên nhiên liệu, sản phẩm trong quá trình vận chuyển nguyên vật liệu.
- Giảm tần suất hoạt động của các thiết bị, phương tiện vận tải vào các giờ nghỉ trưa và ban đêm sau 22 h.
- Không sử dụng phương tiện vận chuyển quá cũ để vận chuyển nguyên liệu và sản phẩm. Bảo trì thường xuyên để giảm thiểu khí thải do các phương tiện này thải ra.
- Không sử dụng các nhiên liệu độc hại.
- Chở đúng trọng tải được cấp phép, không chở quá tải
- Kiểm tra, bảo hành xe đúng theo quy định của nhà sản xuất.
- Nhân viên lái xe có bằng cấp, chứng chỉ phù hợp với loại xe đang vận chuyển, nắm vững và lái xe đúng luật an toàn giao thông đường bộ, hạn chế tối đa các tai nạn có thể xảy ra khi vận chuyển nguyên liệu và sản phẩm.

3.2.2. Đối với bụi từ hoạt động sản xuất

❖ Công trình thu gom bụi và xử lý bụi gỗ

- Toàn bộ lượng bụi thu gom từ các công đoạn sản xuất của nhà máy được đưa về hệ thống xử lý bụi gỗ. Quy trình xử lý như sau:



Hình 3. 2. Sơ đồ hệ thống thu bụi dây chuyền sản xuất

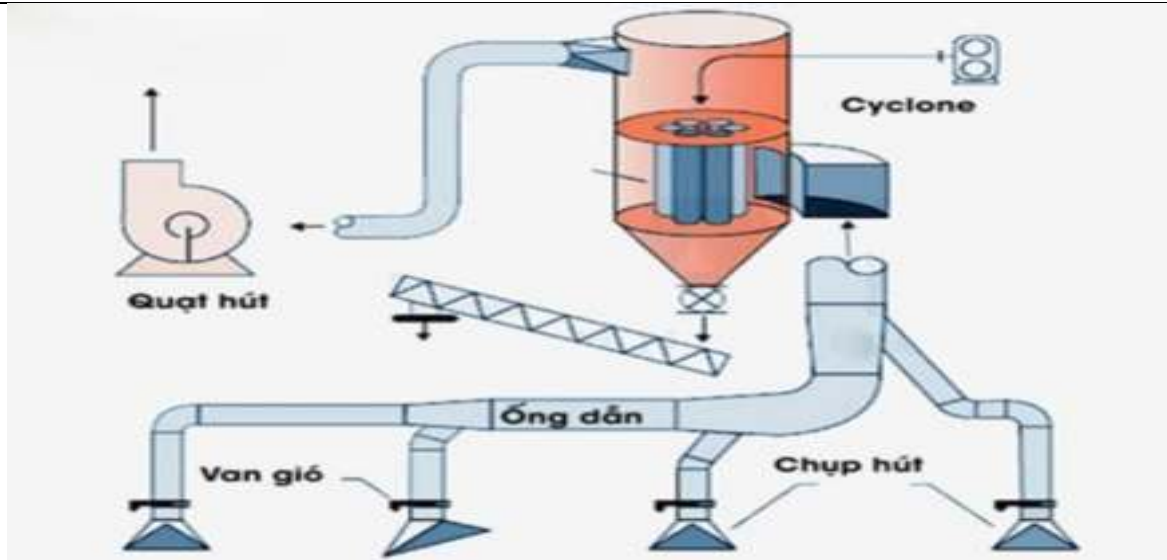
- Thiết bị xử lý bụi bao gồm hệ thống các chụp hút cục bộ, hệ thống ống dẫn, các quạt hút và đẩy khí, buồng lắng bụi, cyclone hút bụi và các túi vải lọc bụi. Bụi phát sinh trong các công đoạn chế biến sẽ được các chụp hút cục bộ thu gom, quạt hút sẽ liên tục hút khí từ các chụp cục bộ dẫn khí có chứa bụi về hệ thống xử lý, bao gồm buồng lắng bụi, cyclone thu bụi và lọc bụi tay áo để loại sạch bụi gỗ ra khỏi dòng thải trước khi vào môi trường. Quạt thổi và quạt hút có tác dụng tạo lực âm lớn trong các ống dẫn để tăng hiệu quả thu gom bụi và mặc gỗ.

Bảng 3. 1. Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý bụi

STT	Tên thiết bị	Số lượng	Thông số của hệ thống
1	Quạt hút ly tâm	3	Công suất: 120 HP Lưu lượng: 45.000 m ³ /h
2	Cyclone	9	Chiều cao 6m; Đường kính mỗi Cyclone 1,5m
3	Ống dẫn chính	3	Chiều dài 64m; Đường kính mỗi ống 1m. Vật liệu: thép không gỉ.
4	Ống dẫn nhánh	35	Chiều dài mỗi ống 1,5-3m; Đường kính mỗi ống 0,25m Các đầu hút bụi bằng nhựa Ø 100 cho các máy (105 đầu hút bụi); Vật liệu thép không gỉ Tổng chiều dài 70 m.
5	Nhà chứa bụi	1	Kích thước nhà chứa bụi: Chiều dài 13m; chiều rộng 4,5m; chiều cao 10,4m, gồm có 2 ngăn cụ thể như sau: - Ngăn gom bụi: Chiều dài 13m; chiều rộng 4,5m; chiều cao 2,4m, vật liệu thép không gỉ. - Ngăn lấy bụi: Chiều dài 13m; chiều rộng 4,5m; chiều cao 2,4m; vật liệu tường xây gạch, nền BTCT

Nguồn: Công ty TNHH Hoàng Hưng

- Mô tả hệ thống thu gom và xử lý bụi:



Hình 3. 3. Hệ thống thu gom bụi điển hình tại nhà máy

- Nguyên tắc hoạt động của hệ thống hút bụi như sau: Hệ thống máy hút bụi gỗ có tác dụng thu gom bụi ngay tại vị trí phát sinh thông qua các chụp hút bố trí ngay tại các máy công cụ. Các chụp hút được gắn với hệ thống ống dẫn với áp lực hút mạnh bụi di chuyển theo hệ thống đường ống dẫn vào cyclone.

- Dưới sức hút của quạt ly tâm công suất lớn, toàn bộ bụi sẽ bị hút thông qua đường ống nối với từ đầu hút đến quạt và cuốn theo dòng khí vào chuyển động xoáy, sau đó va chạm vào thành cyclone mất động năng đi xuống phễu, chuyển ra kho chứa bụi.

- Bên cạnh biện pháp chính là lắp đặt hệ thống thu gom và xử lý bụi, công ty sẽ thực hiện các biện pháp hỗ trợ sau:

- + Căn cứ vào việc bố trí cửa ra vào và hành lang giao thông trong xưởng, chủ cơ sở sẽ sắp xếp quy trình chà nhám tránh xa khu vực sơn và có tường bao che cách ly với các khâu sản xuất khác một mặt thuận tiện cho việc thu gom và xử lý bụi.

- + Trong trường hợp hệ thống gặp sự cố như bụi vỡ cyclone, đường ống thu bụi, ... thì chủ cơ sở sẽ ngừng sản xuất để khẩn trương khắc phục sự cố kịp thời ngăn ngừa bụi gỗ phát tán ra môi trường.

- + Quy hoạch xây dựng nhà xưởng thông thoáng, chú trọng đến hệ thống thông gió tự nhiên và cưỡng bức. Che chắn hạn chế khuếch tán bụi ra xung quanh tại khu vực sơ chế, tinh chế.

- + Quy hoạch bố trí và sắp xếp hệ thống máy móc, thiết bị phù hợp trong dây chuyền sản xuất: bố trí các máy móc thiết bị theo tính năng để có giải pháp xử lý bụi cục bộ cho từng khu vực.

- + Nhà xưởng thiết kế cửa rộng và có tầng mái cao chú trọng thông gió tự nhiên.

- + Áp dụng công nghệ vận hành tối ưu, cơ giới hóa, tự động hóa quy trình sản xuất.
- + Định kỳ thực hiện đo kiểm môi trường lao động.
- + Sân và đường đi trong khu vực nhà máy được trải bê tông theo đúng quy hoạch.
- + Tăng cường trồng cây xanh nhằm che nắng, lọc sạch không khí, che chắn tiếng ồn, giảm bụi, mặt khác nó còn tạo thẩm mỹ cảnh quan khu vực, tạo ra cảm giác êm dịu. Chủ đầu tư đã bố trí các dải cây xanh sát tường rào tạo dải phân cách để hạn chế bụi gỗ phát tán ra cơ sở lân cận, các tuyến đường nội bộ giữa các phân xưởng nhằm tạo cảnh quan và bóng mát. Đảm bảo tỷ lệ trồng cây xanh theo đúng quy hoạch.



Hình 3. 4. Hệ thống thu gom và xử lý bụi nhà xưởng

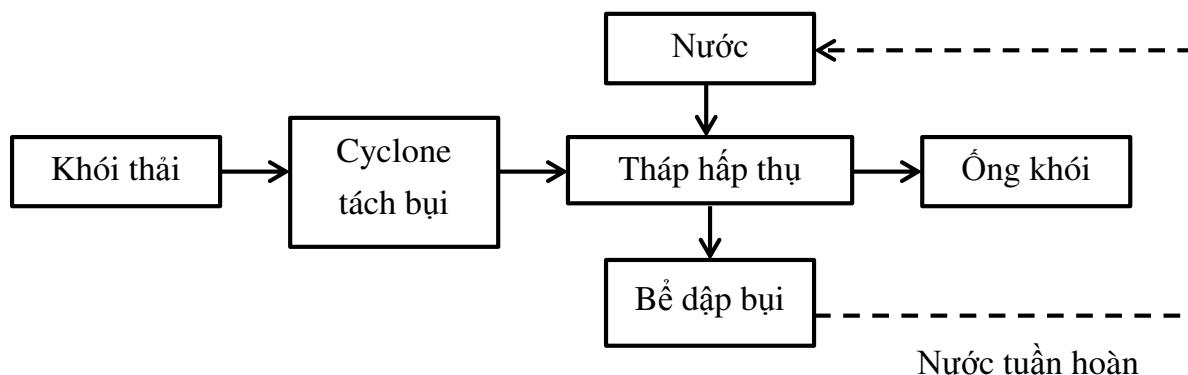
3.2.3. Đối với khí thải từ lò sấy

- Nguồn đốt nhiên liệu của nhà máy tập trung tại lò sấy để cấp nhiệt cho hệ thống sấy gỗ. Do đặc thù của ngành sản xuất chế biến lâm sản thường xuyên phải cấp hơi nóng cho

lò sấy gỗ trong công đoạn sấy gỗ nên sử dụng hệ thống lò sấy hơi nước. Đối với lò đốt này, khí thải sinh ra chứa các thành phần như: tro bụi, CO, CO₂ và NO_x.

❖ **Công trình xử lý khí thải lò sấy:**

- Công ty đã đầu tư 01 lò sấy công suất 2,5 tấn/h và đầu tư hệ thống xử lý khí thải trước khi thải ra môi trường, cụ thể như sau:



Hình 3. 5. Sơ đồ xử lý khí thải

❖ **Thuyết minh sơ đồ:**

- Khí thải từ lò sấy được dẫn bằng hệ thống ống dẫn kín đến thiết bị xử lý.
- Thiết bị được áp dụng là thiết bị hấp thụ. Vì lò sấy sử dụng nhiên liệu là gỗ vụn nên có nồng độ bụi cao, kích thước lớn sẽ làm giảm hiệu quả hấp thụ, do đó sẽ xử lý bụi trước bằng cyclone rồi mới đưa qua tháp hấp thụ. Khí thải đi vào tháp hấp thụ nhờ áp suất âm của quạt gió và chuyển động từ dưới lên, qua bể đập bụi trước khi được quạt hút đưa ra ngoài miệng thải.
- Quá trình hấp thụ được tăng cường nhờ sự tiếp xúc dị pha ngược dòng giữa dòng khí và nước. Sau khi dòng khí qua bể đập bụi tiếp xúc với nước, khí tiếp tục được quạt ly tâm cao áp hút thải ra ngoài môi trường bằng ống khói và phân tán vào khí quyển. Lượng nước tại bể đập bụi sẽ được bơm tuần hoàn lại tái sử dụng. Định kỳ, 06 tháng sẽ được xả bỏ, dẫn theo đường ống PVC D114 đầu nối vào hệ thống thoát nước chung của KCN Phú Tài.
- Phần bùn dưới đáy bể đập bụi sẽ được hút định kỳ đưa về bãi tập kết tro xỉ được vận chuyển đi xử lý theo quy định.
- Khí sau xử lý đảm bảo đạt theo QCVN 19:2009/BTNMT cột B, K_p = 0,9, K_v = 1.

Bảng 3. 2. Thông số kỹ thuật hệ thống xử lý khí thải lò sấy 2,5 tấn/giờ

STT	TÊN THIẾT BỊ	THÔNG SỐ	SỐ LƯỢNG
1	Quạt hút	Công suất 10HP, Lưu lượng 10.000 m ³ /h	01 cái

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở: “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa” của Công ty TNHH Hoàng Hưng.

Địa điểm thực hiện: Lô B18, Khu công nghiệp Phú Tài, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

STT	TÊN THIẾT BỊ	THÔNG SỐ	SỐ LƯỢNG
2	Cyclone	Kích thước: Đường kính: 2,9 m; chiều cao 2,7 m	01 cái
3	Bể dập bụi	Thiết kế kín, kết cấu bằng BTCT. Kích thước: Chiều dài x rộng x cao = 1,4m x 1,25m x 1,4m.	01 bể
4	Ống thoát khí	Chiều cao 14m; đường kính 0,5 m	01 cái

Nguồn: Công ty TNHH Hoàng Hưng

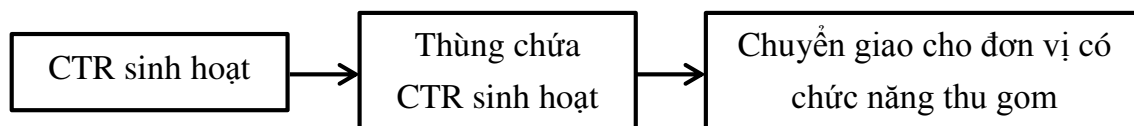


Hình 3. 6. Hệ thống xử lý khói thải lò đốt

3.3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

3.3.1. Đối với chất thải rắn sinh hoạt

- Nguồn phát sinh: Rác thải sinh hoạt phát sinh trong nhà máy từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân viên, thành phần như: thức ăn thừa, vỏ trái cây, bao bì nhựa,...
- Khối lượng phát sinh: Qua theo dõi lượng chất thải phát sinh tại nhà máy phát sinh không lớn, khoảng 4 m³/tháng (*Theo phiếu điều tra, khảo sát, thu thập thông tin về tình hình phát sinh, thu gom, quản lý và xử lý chất thải tại các cơ sở trên địa bàn KKT Nhơn Hội và các KCN ngày 12/04/2024*).



Hình 3. 7. Sơ đồ quy trình thu gom chất thải rắn sinh hoạt

- Biện pháp xử lý:

+ Công ty đã trang bị các thùng đựng rác chuyên dụng có nắp đậy đặt tại các vị trí dễ nhìn thấy trong khu vực nhà máy, nhà ăn, khu vực sinh hoạt của công nhân để thu gom chất thải sinh hoạt của công nhân. Toàn bộ lượng rác thải này được thu gom cho vào thùng chứa chuyên dụng, định kỳ tập kết tại vị trí phía trước nhà máy để đơn vị chức năng đến thu gom và đưa đi xử lý theo quy định.

+ Nhà máy đã ký hợp đồng với Công ty Cổ phần Môi trường Bình Định để thu gom và vận chuyển chất thải thông thường để thu gom 02 lần/tuần và vận chuyển đi xử lý theo quy định (*Hợp đồng thu gom đính kèm phụ lục*).



Hình 3. 8. Thùng chứa chất thải sinh hoạt

3.3.2. Đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Chất thải rắn sản xuất bao gồm các loại sản phẩm hỏng bị thu hồi, bụi gỗ phát sinh từ hoạt động sản xuất của nhà máy với khối lượng đáng kể. Toàn bộ lượng chất thải này sẽ được nhà máy tận dụng để đốt lò sấy cấp nhiệt cho hệ thống sấy, không thải bỏ loại chất thải này ra ngoài môi trường.

- Giấy carton, bao bì nguyên, phụ liệu không chứa thành phần nguy hại phát sinh sẽ thu gom lưu chứa tại khu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường. Khi số lượng đủ lớn sẽ bán cho các đơn vị thu mua phế liệu.

Bảng 3. 3. Thành phần và khối lượng phát sinh CTR công nghiệp thông thường

STT	Thành phần chất thải	Số lượng	Biện pháp xử lý
1	Mùn cưa, đầu mẩu, gỗ thừa, bụi gỗ,...	90 tấn/tháng	Nhà máy sử dụng để làm nhiên liệu đốt lò sấy.
2	Bao bì carton, bao bì nhựa thải bỏ	15 kg/tháng	Doanh nghiệp bán cho đơn vị có nhu cầu thu mua.
3	Tro xỉ từ quá trình đốt lò sấy	30 kg/tháng	Nhà máy thu gom vào bao chứa và làm phân bón cho gốc cây trồng
4	Bùn cặn từ bể đập bụi	4kg/tháng	Nhà máy thu gom và phơi khô trước khi cho vào bao chứa và hợp đồng với đơn vị thu gom.

Nguồn: Công ty TNHH Hoàng Hưng

3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải công nghiệp phải kiểm soát và chất thải nguy hại

- Nguồn phát sinh: Trong quá trình hoạt động sản xuất các thành phần nguy hại của nhà máy phát sinh như: bóng đèn huỳnh quang thải, giẻ lau dính dầu nhớt từ sửa chữa máy móc, ... Thành phần và khối lượng phát sinh cụ thể như sau:

Bảng 3. 4. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động

STT	Tên CTNH	Trạng thái	Khối lượng (kg/năm)	Mã CTNH
I	Chất thải nguy hại			
1	Bóng đèn huỳnh quang	Rắn	2	16 01 06
II	Chất thải công nghiệp phải kiểm soát			
1	Giẻ lau, bao tay nhiễm dầu	Rắn	29	18 02 01
Tổng			31	

Nguồn: Công ty TNHH Hoàng Hưng

- Thực tế lượng CTNH phát sinh tại Lô B18 không quá lớn, nhằm đảm bảo chặt chẽ trong công tác quản lý công ty tiến hành phân loại, thu gom và tích hợp về kho chứa CTNH tại lô B27 (cùng chủ đầu tư là Công ty TNHH Hoàng Hưng) có diện tích 15m², có dán mã số CTNH theo quy định. Đối với chất thải nguy hại nhà máy đã tiến hành việc thu gom, lưu trữ, xử lý theo đúng quy định tại thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở: “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa” của Công ty TNHH Hoàng Hưng.

Địa điểm thực hiện: Lô B18, Khu công nghiệp Phú Tài, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Bộ Tài nguyên Môi trường. Nhà máy đã ký hợp đồng với đơn vị thu gom là Công ty TNHH TM & MT Hậu Sanh (Hợp đồng thu gom đính kèm phụ lục).



Hình 3. 9. Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại

3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Chủ cơ sở sẽ duy trì áp dụng một số biện pháp sau để tránh sự cộng hưởng tiếng ồn gây ảnh hưởng đến sức khỏe của công nhân:

- Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị để đảm bảo luôn trong tình trạng hoạt động tốt.
- Không vận hành máy vượt quá công suất thiết kế.
- Xe vận chuyển nguyên liệu và sản phẩm khi vào Nhà máy hạn chế tốc độ, tắt máy khi chờ hàng hoặc bốc dỡ nguyên liệu.
- Công nhân vận hành trực tiếp được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động.
- Công nhân làm việc tại các khu vực có độ ồn cao sẽ được bố trí thay ca phù hợp, không làm việc lâu tại một vị trí để giảm thời gian tiếp xúc với tiếng ồn.
- Thường xuyên kiểm tra độ mòn chi tiết của máy móc thiết bị và định kỳ bảo dưỡng bôi trơn, nhất là các ổ trục, ổ bi của thiết bị.
- Chân đế máy được lắp cố định và chắc chắn vào sàn. Kiểm tra độ cân bằng của các trang thiết bị máy móc và hiệu chỉnh nếu cần thiết.
- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su theo như thiết kế của máy để giảm rung.

3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

❖ An toàn phòng chống cháy nổ

Để phòng ngừa cháy nổ, Nhà máy sẽ duy trì áp dụng đồng bộ các biện pháp về kỹ thuật, tổ chức huấn luyện, tuyên truyền giáo dục như sau:

- Thường xuyên kiểm tra các thiết bị điện như cầu giao, cầu chì, ổ cắm, quạt, ...
- Tập huấn cho công nhân, quản lý kho, tổ kỹ thuật và phân công trách nhiệm cho các cá nhân hoặc phòng ban chịu trách nhiệm về công tác quản lý PCCC để thường xuyên kiểm tra, theo dõi, xử lý kịp thời khi có sự cố xảy ra.
- Bố trí các bình chữa cháy cầm tay ở khu vực sản xuất, khu văn phòng, nhà chứa chất thải rắn.
- Luôn có người túc trực và tuần tra tại các phân xưởng.
- Hệ thống PCCC và việc bố trí các thiết bị PCCC phải tuân thủ theo đúng quy định về PCCC của nhà nước.
- Nghiêm cấm công nhân hút thuốc, mang bật lửa trong phân xưởng, nhà kho, các khu vực dễ phát sinh cháy.
- Đối với các thiết bị điện: Đặt thiết bị bảo vệ như aptomat cho đường dây điện chính, cho từng đường dây điện phụ, cho từng thiết bị có công suất lớn. Tiết diện dây dẫn được

chọn sao cho đủ khả năng tải dòng điện đến các thiết bị, dụng cụ điện mà nó cung cấp và không sử dụng phụ tải quá mức;

- Giữ liên lạc với các cơ quan chức năng như cơ quan PCCC, công an 113...để yêu cầu hỗ trợ ngay khi xảy ra các sự cố nằm ngoài khả năng kiểm soát.

❖ **Phòng ngừa sự cố tai nạn lao động**

- Tổ chức đào tạo nâng cao tay nghề và kiến thức về an toàn lao động.
- Trong quá trình vận chuyển hàng hóa, nguyên liệu vào kho: yêu cầu công nhân phải sử dụng thành thạo các thiết bị nâng, chuyên chở phù hợp, không vượt quá tải trọng.
- Phổ biến, tuyên truyền cho cán bộ, công nhân Nhà máy về các quy tắc an toàn trong sản xuất công nghiệp và khi tham gia giao thông.
- Thường xuyên kiểm tra và kiểm soát các yếu tố có nguy cơ tiềm ẩn gây tai nạn lao động để kịp thời khắc phục và ngăn chặn sự cố có thể xảy ra.
- Tuân thủ quy trình hoạt động của các máy móc, thiết bị tại Nhà máy.
- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động như găng tay, khẩu trang, quần áo, giày bảo hộ.
- Hằng năm tổ chức khám sức khỏe cho cán bộ, công nhân.

❖ **Sự cố mất an ninh trật tự**

- Xây dựng tường rào, cổng ngõ bao quanh và có người bảo vệ để tránh người dân tự ý ra vào.
- Quản lý công nhân chặt chẽ, cấm các tệ nạn xã hội trong quá trình làm việc. Nhắc nhở, giáo dục công nhân quan hệ tốt, có thái độ hòa nhã với công nhân ở các nhà máy lân cận và người dân ở địa phương để không xảy ra xung đột.
- Kết hợp với chính quyền địa phương làm tốt công tác dân vận.
- Duy trì lối sống lành mạnh, các tập tục văn hóa truyền thống của cư dân địa phương
- Thường xuyên thu thập thông tin, tâm tư nguyện vọng của người dân trong khu vực nếu bị ảnh hưởng bởi quá trình hoạt động, để khắc phục kịp thời đảm bảo đời sống cho người dân.

3.7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

❖ **Mùi hôi từ khu vực tập trung rác thải sinh hoạt và khu vệ sinh**

- Bố trí khu vực thu gom rác hợp lý có nắp đậy. Khi có đơn vị chức năng đến vận chuyển đem xử lý thì phải được thu gom toàn bộ và tập kết về đúng vị trí và thời gian. Không lưu chứa rác thải (đặc biệt chất thải sinh hoạt) thời gian lâu làm phát sinh mùi.
- Các thùng chứa chất thải rắn chờ thu gom có trang bị nắp đậy kín và thường xuyên được vệ sinh sạch;

- Thường xuyên dọn dẹp các khu nhà vệ sinh sạch mỗi ngày, hạn chế việc phát sinh mùi.
- Thu gom toàn bộ chất thải rắn phát sinh trong quá trình hoạt động của cơ sở.
- Trang bị các thùng chứa CTR có nắp đậy kín và thường xuyên được vệ sinh. Tránh tình trạng CTR lưu chứa quá lâu gây phát sinh mùi.
- Duy trì hợp đồng với đơn vị chức năng định kỳ đến thu gom CTR, vận chuyển, xử lý theo quy định.
- Thường xuyên nạo vét các hồ ga.

3.8. Các nội dung thay đổi so với bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường

- Các thay đổi với công trình bảo vệ môi trường so với bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường năm 2003 như sau:

Bảng 3. 5. Các công trình bảo vệ môi trường đã được điều chỉnh so với bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường

STT	Tên công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Phương án đề xuất trong bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường năm 2003	Phương án điều chỉnh, thay đổi thực hiện	Mục đích điều chỉnh
1	Địa điểm cơ sở	Lô A9, KCN Phú Tài	Lô B18, KCN Phú Tài	Thay đổi theo quy hoạch phân lô của KCN Phú Tài.
2	Vốn đầu tư của cơ sở	Giai đoạn 1: - Tổng vốn đầu tư: 3.433.700.000 đồng Giai đoạn 2 – mở rộng: - Tổng vốn đầu tư: 4.704.005.000 đồng	Tổng vốn đầu tư tại thời điểm hiện tại: 4.352.000.000 đồng	Thay đổi phù hợp với thực tế cơ sở và theo điều chỉnh chủ trương đầu tư.
3	Nhu cầu lao động	210 lao động	160 lao động	Phù hợp với điều kiện thực tế
4	Công nghệ sản xuất	Có công đoạn phun sơn.	Không có công đoạn phun sơn.	Công đoạn phun sơn được thực hiện tại lô B27 (Cửa cùng công

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở: “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa” của Công ty TNHH Hoàng Hưng.

Địa điểm thực hiện: Lô B18, Khu công nghiệp Phú Tài, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

STT	Tên công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Phương án đề xuất trong bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường năm 2003	Phương án điều chỉnh, thay đổi thực hiện	Mục đích điều chỉnh
				ty TNHH Hoàng Hưng).
5	Nước thải sản xuất	- Phát sinh từ công đoạn lược gỗ. - Phát sinh từ công đoạn phun sơn.	Phát sinh từ công đoạn vệ sinh bề đập bụi (định kỳ 6 – 12 tháng/lần).	Phù hợp với điều kiện sản xuất. Không có công đoạn lược gỗ và công đoạn phun sơn nên không phát sinh nước thải sản xuất.
6	Nhà chứa bụi	Diện tích 24m ²	Diện tích 56m ²	Phù hợp với điều kiện sản xuất và quy hoạch điều chỉnh tỷ lệ 1/500 của nhà máy.
7	Công nghệ xử lý khói thải	Phương pháp thiêu hủy thứ cấp: Khói thải → Buồng đốt → Khí ít ô nhiễm.	Khói thải → Cyclone tách bụi → Bể đập bụi → Khói sạch	Tăng hiệu quả xử lý khói thải
8	Công nghệ xử lý nước thải sản xuất	Nước thải sản xuất (lược gỗ và phun sơn) → keo tụ → Bể oxy hóa → Bể lọc → Nước thải sau xử lý (Mức B hoặc C theo TCVN 5945-1995) → Hệ thống thải chung của KCN.	Nước thải sản xuất (Bể đập bụi) → Đầu nối vào hệ thống thoát nước thải của KCN.	Phù hợp với hiện trạng và công nghệ sản xuất.

CHƯƠNG IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

4.1. Nội dung đề nghị cấp giấy phép môi trường đối với nước thải

4.1.1. Nội dung cấp phép xả nước thải

Dự án không thuộc đối tượng phải cấp phép xả nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường. Toàn bộ nước thải phát sinh tại dự án, bao gồm: nước thải sinh hoạt, nước thải từ quá trình xử lý khí thải lò hơi được xử lý sơ bộ và đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Phú Tài dẫn về Nhà máy xử lý nước thải tập trung KCN Phú Tài, không xả thải ra môi trường.

4.1.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý nước thải

a. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

(1). Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt: Toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt từ nhà làm việc, nhà vệ sinh, khu trực giao ban và nhà vệ sinh, nhà làm việc kết hợp phòng trưng bày được thu gom và xử lý bằng bể tự hoại 03 ngăn chống thấm đặt ngầm dưới nhà vệ sinh, sau đó tự chảy theo đường ống PVC D114mm dẫn về hố thu gom nước thải trước khi đầu nối vào hố ga của Khu công nghiệp tại điểm T vị trí phía Đông Bắc mặt bằng (*Bản vẽ quy hoạch thoát nước thải đính kèm phụ lục*) để đưa về hệ thống thu gom nước thải chung của Khu công nghiệp.

- Nước thải sản xuất: Nước thải phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi được dẫn theo tuyến ống nhựa PVC D114 đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp.

- Tọa độ hố ga đầu nối nước thải: $X(m)=1.524.530$, $Y(m)=596.393$ (*Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến $108^{\circ}15'$, múi chiều 3°*). Chất lượng nước thải trước khi đầu nối đảm bảo đạt cấp độ 1,5C theo Quyết định số 4522/QĐ-UBND ngày 15/12/2015 của UBND tỉnh Bình Định.

(2). Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình thu gom, xử lý:

+ Nước thải sinh hoạt từ khu vực nhà vệ sinh công nhân, nhà văn phòng → 03 Bể tự hoại (Ngăn chứa → Ngăn lắng → Ngăn rút) → Hố thu gom → Hố ga của Khu công nghiệp → Đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp.

+ Nước thải vệ sinh bề đập bụi → Hồ ga của Khu công nghiệp → Đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: không.

(3). Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát, kiểm tra hệ thống đường ống, mương dẫn nước thải để đảm bảo hiệu quả thu gom và đầu nối triệt để nước thải.

- Định kỳ bảo dưỡng, hút bùn, cặn tại bể tự hoại, bể đập bụi của hệ thống xử lý khói thải lò hơi để đảm bảo dung tích lưu chứa nước thải và nâng cao hiệu quả thu gom, xử lý nước thải trước khi đầu nối.

- Thường xuyên theo dõi, giám sát công tác thu gom, lưu chứa nước thải tại nhà máy đảm bảo đường ống dẫn và công trình lưu chứa nước thải luôn luôn kín, không bị rò rỉ, không phát sinh mùi hôi ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

b. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Hệ thống thu gom, xử lý sơ bộ nước thải được tách riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

- Thực hiện việc thu gom, xử lý sơ bộ và ký hợp đồng đầu nối, xử lý toàn bộ lượng nước thải phát sinh tại dự án với Công ty CP đầu tư & xây dựng Bình Định;

- Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải ra môi trường.

4.2. Nội dung đề nghị cấp giấy phép đối với khí thải

4.2.1. Nội dung cấp phép khí thải

a. Nguồn phát sinh khí thải

- Nguồn số 1: Bụi, khí thải từ hệ thống xử lý khói thải lò sấy công suất 2,5 tấn/giờ.

- Nguồn số 2: Khí thải (bụi) phát sinh từ các công đoạn chế biến gỗ.

b. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

(1). Vị trí xả khí thải

- Dòng số 1: Miệng ống khói của hệ thống xử lý khói thải lò sấy công suất 2,5 tấn/giờ, tọa độ $X(m)=1.524.526$, $Y(m)=596.237$

- Dòng số 2: Miệng ống thoát của cyclone hệ thống xử lý bụi trung tâm chuyên I, tọa độ $X(m) = 1524526$; $Y(m) = 596290$.

- Dòng số 3: Miệng ống thoát của cyclone hệ thống xử lý bụi trung tâm chuyên II, tọa độ $X(m) = 1524526$; $Y(m) = 596295$.

- Dòng số 4: Miệng ống thoát của cyclone hệ thống xử lý bụi trung tâm chuyên III, tọa độ X(m) = 1524526; Y(m) = 596.299.

(Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến $108^{\circ}15'$, múi chiều 3°).

(2). Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 143.000 m³/giờ.

- Dòng số 1: Lưu lượng là 8.000 m³/giờ.
- Dòng số 2: Lưu lượng là 45.000 m³/giờ.
- Dòng số 3: Lưu lượng là 45.000 m³/giờ.
- Dòng số 4: Lưu lượng là 45.000 m³/giờ.

(3). Phương thức xả thải

- Dòng số 01: xả liên tục 24 giờ/ngày.
- Dòng số 02 đến 04: xả gián đoạn theo thời gian hoạt động sản xuất của cơ sở là 08 giờ/ngày.

(4). Chất lượng bụi, khí thải trước khi thải ra môi trường:

- Dòng số 01: phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt cột B theo QCVN 19:2009/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, $K_p=1$; $K_v=1$, cụ thể như sau:

Bảng 4. 1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải số 01

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn QCVN 19:2009/BTNMT, cột B ($K_p=1$; $K_v=1$)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Bụi	mg/Nm ³	200	06 tháng/lần	Không
2	SO ₂	mg/Nm ³	500		
3	NO _x	mg/Nm ³	850		
4	CO	mg/Nm ³	1.000		

Ghi chú:

- QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

- Cột B: quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp.

- $K_p = 1$: Do lưu lượng nguồn thải $P=8.000 \text{ m}^3/\text{h}$ ($P \leq 20.000 \text{ m}^3/\text{h}$).

- $K_v = 1$: Nhà máy nằm trong khu công nghiệp.

+ Dòng số 02-04: phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt cột B theo QCVN 19:2009/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, $K_p=0,8$; $K_v=1$, cụ thể như sau:

Bảng 4. 2. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải số 02,03,04

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn QCVN 19:2009/BTNMT, cột B ($K_p=0,8$; $K_v=1$)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	160	Không	Không

Ghi chú:

+ QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

+ Cột B: quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp.

+ $K_p = 0,8$: do tổng lưu lượng nguồn thải là 135.000 m³/h ($P > 100.000$ m³/h).

+ $K_v = 1$: Nhà máy nằm trong khu công nghiệp.

4.2.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý bụi, khí thải

a. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

(1). Mạng lưới thu gom bụi, khí thải từ các nguồn phát sinh để đưa về hệ thống xử lý

- Nguồn số 01: Được thu gom vào hệ thống xử lý khí thải bằng đường ống thông qua quạt hút có công suất 10HP.

- Nguồn số 02: Được thu gom đưa vào hệ thống xử lý bụi (hệ thống thu gom là các đường ống nhánh bằng thép không gỉ có đường kính Ø250, kết nối với đường ống chính bằng tôn tráng kẽm có đường kính Ø1000 thông qua 03 quạt hút có công suất 120HP.

(2). Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

- Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải nguồn số 01:

+ Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Cyclone tách bụi → Bể đập bụi → Ống khói thoát khí sạch ra môi trường (ống khói cao 14m, tiết diện D500mm).

+ Công suất thiết kế: 8.000m³/giờ.

+ Hóa chất sử dụng: không

- + Vật liệu sử dụng: dùng nước làm tác nhân hấp thụ.
- Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải nguồn số 02:
 - + Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi phát sinh tại các công đoạn chế biến gỗ (chuyên I, chuyên II, chuyên III) → Miệng hút → Đường ống nhánh → Đường ống chính → 09 Cyclone thu hồi bụi kết hợp nhà chứa bụi → Khí sạch thoát ra ngoài môi trường.
- + Tổng công suất thiết kế: 135.000 m³/giờ.
- + Hóa chất sử dụng: không

c. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường liên quan đến bụi, khí thải theo đúng quy định của pháp luật.
- Thường xuyên kiểm tra, giám sát hệ thống quạt, đường ống thu gom và thiết bị xử lý bụi, khí thải của dự án để kịp thời bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa hoặc thay thế, đảm bảo an toàn và hiệu quả thu gom, xử lý các nguồn bụi, khí thải đạt quy chuẩn môi trường hiện hành trước khi thoát ra ngoài môi trường.
- Vận hành các hệ thống xử lý bụi, khí thải theo đúng quy trình kỹ thuật đã được nhà cung cấp chuyển giao.
- Đào tạo đội ngũ công nhân nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

4.3.1. Nội dung đề nghị cấp phép

❖ Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tại khu vực xưởng cửa xẻ gỗ (xưởng cửa CD).
- Nguồn số 02: Tại khu vực xưởng sản xuất.
- Nguồn số 03: Tại khu vực hệ thống xử lý bụi trung tâm.

❖ Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tọa độ X(m)= 1524470; Y(m)= 596240.
- Nguồn số 02: Tọa độ X(m)= 1524521; Y(m)= 596339.
- Nguồn số 03: Tọa độ X(m)= 1524526; Y(m)= 596295.

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 108⁰15' múi chiều 3⁰).

❖ Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT-

Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

- Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 22 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

- Độ rung:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 22 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	60	-	Khu vực thông thường

4.3.2. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với tiếng ồn, độ rung

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung được giảm thiểu đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép quy định tại phần 4.3.1 này.

- Chủ đầu tư chịu hoàn toàn trách nhiệm khi tiếng ồn, độ rung của nhà máy không đảm bảo đủ các yêu cầu.

4.4. Yêu cầu quản lý chất thải

4.4.1. Quản lý chất thải

a. Khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh

(1). Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp phải kiểm soát phát sinh thường xuyên

Bảng 4. 3. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh

STT	Tên CTNH	Trạng thái	Khối lượng (kg/năm)	Mã CTNH
I	Chất thải nguy hại			
1	Bóng đèn huỳnh quang	Rắn	2	16 01 06
II	Chất thải công nghiệp phải kiểm soát			
1	Giẻ lau, bao tay nhiễm dầu	Rắn	29	18 02 01

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở: “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa” của Công ty TNHH Hoàng Hưng.

Địa điểm thực hiện: Lô B18, Khu công nghiệp Phú Tài, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

STT	Tên CTNH	Trạng thái	Khối lượng (kg/năm)	Mã CTNH
Tổng			31	

(2). Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường

Bảng 4. 4. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường

STT	Thành phần chất thải	Số lượng	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại
1	Mùn cưa, đầu mẩu, gỗ thừa, bụi gỗ,...	90 tấn/tháng	09 01 03	TT-R
2	Bao bì carton, bao bì nhựa thải bỏ	15 kg/tháng	18 01 05 18 01 06	TT-R
3	Tro xỉ từ quá trình đốt lò sấy	30 kg/tháng	12 01 10	TT
4	Bùn cặn từ bể đập bụi	4kg/tháng	-	-

(3). Khối lượng, chủng loại chất thải sinh hoạt

- Khối lượng chất thải phát sinh: 04m³/tháng.

- Chủng loại: Chủ yếu là bao bì, vỏ đồ hộp, thức ăn thừa và các loại chất thải rắn khác phát sinh từ quá trình sinh hoạt của nhân viên, công nhân làm việc tại cơ sở.

- Khu vực lưu chứa: Toàn bộ lượng rác thải này được thu gom tập kết trong khuôn viên nhà máy để đơn vị chức năng đến thu gom và đưa đi xử lý theo quy định.

b. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp phải kiểm soát

(1). Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp phải kiểm soát:

- Thiết bị, khu vực lưu chứa:

+ Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thùng nhựa PVC loại 240L, 120L tại kho chứa CTNH để thu gom và lưu chứa chất thải nguy hại phát sinh, có dán nhãn trên mỗi thùng để phân biệt từng loại chất thải.

+ Khu vực lưu chứa: tích hợp kho chứa CTNH tại lô B27 của Công ty TNHH Hoàng Hưng có diện tích 15m². Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: nền bê tông chống thấm,

đảm bảo kín khít, không thấm thấu; cos nên cao hơn cos mặt bằng xung quanh, đảm bảo ngăn nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có mái che kín nắng, mưa; cửa khóa, biển cảnh báo; bên trong dán mã chất thải và bố trí thùng chứa để phân loại, lưu chứa chất thải; trang bị thiết bị, dụng cụ PCCC theo quy định của pháp luật về PCCC; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa),... theo quy định.

(2). Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải công nghiệp thông thường

- Thiết bị, khu vực lưu chứa: Trang bị bao bì, thùng chứa đặt tại khu vực sản xuất và khu vực lưu chứa.

- Khu vực lưu chứa:

+ Chất thải rắn sản xuất bao gồm các loại sản phẩm hỏng, bụi gỗ phát sinh từ hoạt động sản xuất của nhà máy với khối lượng đáng kể. Toàn bộ lượng chất thải này sẽ được nhà máy tận dụng để đốt lò sấy cấp nhiệt cho hệ thống sấy.

+ Tro xỉ từ quá trình đốt lò sấy: Nhà máy thu gom vào bao chứa và làm phân bón cho gốc cây trồng.

+ Giấy carton, bao bì nguyên, phụ liệu không chứa thành phần nguy hại phát sinh sẽ thu gom bán cho các đơn vị thu mua phế liệu

+ Bùn cặn từ bể đập bụi được thu gom, phơi khô trước khi cho vào bao lưu chứa để chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý.

(3). Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Thiết bị, khu vực lưu chứa: Trang bị các thùng đựng rác dung tích 240L chuyên dụng có nắp đậy tại các khu vực dọc xưởng sản xuất, đường nội bộ, văn phòng làm việc để phân loại, lưu chứa toàn bộ lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh.

- Khu vực để thiết bị lưu chứa: Các khu vực xưởng sản xuất và nhà bảo vệ.

4.4.2. Yêu cầu về phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Thực hiện đầy đủ các công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất, sự cố cháy nổ và các sự cố khác liên quan theo quy định pháp luật.

- Trong quá trình hoạt động nếu xảy ra sự cố môi trường, phải chủ động thực hiện mọi biện pháp xử lý, khắc phục và báo cáo kịp thời đến Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định và các cơ quan có liên quan để hướng dẫn giải quyết. Trường hợp để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng kinh tế, môi trường, Chủ dự án hoàn toàn chịu trách nhiệm khắc phục, đền bù thiệt hại.

- Thực hiện quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về an toàn, vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở: “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa” của Công ty TNHH Hoàng Hưng.

Địa điểm thực hiện: Lô B18, Khu công nghiệp Phú Tài, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải công nghiệp cần phải kiểm soát và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022. Định kỳ chuyển giao chất thải cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

CHƯƠNG V

KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

5.1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải:

Không có

5.2. Kết quả quan trắc môi trường đối với bụi, khí thải:

Năm 2022 và năm 2023, nhà máy đã thực hiện quan trắc môi trường khí thải định kỳ. Theo Báo cáo công tác Bảo vệ môi trường năm 2022 và năm 2023 thì nhà máy đã thực hiện quan trắc như sau:

❖ Kết quả quan trắc môi trường không khí của nhà máy

- Tần suất quan trắc: 06 tháng/01 lần
- Thời gian thực hiện:
 - + Đợt 1 năm 2022: thực hiện vào ngày 07/06/2022
 - + Đợt 2 năm 2022: thực hiện vào ngày 24/11/2022
 - + Đợt 1 năm 2023: không thực hiện sản xuất
 - + Đợt 2 năm 2023: thực hiện vào ngày 23/12/2023
- Số lượng mẫu: 01 mẫu
- Vị trí quan trắc: Tại phân xưởng gia công của nhà máy. Tọa độ X(m)=1.524.504, Y(m) = 596.320 (Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 108°15', múi chiều 3°).
- Chỉ tiêu phân tích: Bụi lơ lửng, Khí CO, SO₂, NO₂, Tiếng ồn.

Bảng 5. 1. Kết quả phân tích môi trường không khí của nhà máy

STT	Các chỉ tiêu	Mẫu số	Đơn vị	Kết quả
1	Bụi lơ lửng (TSP)	Mẫu 01	mg/m ³	2,54
		Mẫu 02	mg/m ³	2,76
		Mẫu 03	mg/m ³	2,14
2	Khí CO	Mẫu 01	mg/m ³	5,44
		Mẫu 02	mg/m ³	5,72
		Mẫu 03	mg/m ³	4,79
3	SO ₂	Mẫu 01	mg/m ³	0,28
		Mẫu 02	mg/m ³	0,22
		Mẫu 03	mg/m ³	0,24

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở: “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa” của Công ty TNHH Hoàng Hưng.

Địa điểm thực hiện: Lô B18, Khu công nghiệp Phú Tài, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

STT	Các chỉ tiêu	Mẫu số	Đơn vị	Kết quả
4	NO ₂	Mẫu 01	mg/m ³	0,21
		Mẫu 02	mg/m ³	0,18
		Mẫu 03	mg/m ³	0,16
5	Tiếng ồn	Mẫu 01	dBA	83
		Mẫu 02	dBA	81
		Mẫu 03	dBA	82

Nguồn: Báo cáo công tác BVMT năm 2022 và năm 2023.

Ghi chú: Mẫu 01: Mẫu lấy vào ngày 07/06/2022.

Mẫu 02: Mẫu lấy vào ngày 24/11/2022.

Mẫu 03: Mẫu lấy vào ngày 23/12/2023.

CHƯƠNG VI

CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

6.1. Kế hoạch vận hành công trình xử lý chất thải của cơ sở

6.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

Theo Quy định tại Khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về thi hành một số điều của Luật BVMT, thời gian vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải cụ thể như sau:

Bảng 6. 1. Thời gian dự kiến thực hiện vận hành thử nghiệm

STT	Công trình xử lý chất thải	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	Công suất dự kiến đạt được
1	Hệ thống xử lý khí thải lò hơi	01/12/2024	03/01/2025	100% công suất

6.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

Bảng 6. 2. Thông tin quá trình lấy mẫu

Giai đoạn	Vị trí lấy mẫu và chỉ tiêu phân tích	Tần suất	Lần lấy mẫu	Thời gian dự kiến lấy mẫu	Đơn vị lấy mẫu
Bụi, khí thải từ ống khói lò sấy					
Giai đoạn vận hành ổn định	Đầu ra ống khói của hệ thống xử lý khí thải lò hơi.	1 ngày/lần (03 ngày liên tiếp)	Lần 1	06/01/2025	Trung tâm QTMT tỉnh Bình Định hoặc đơn vị có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường
	Tọa độ X(m) = 1.524.526,		Lần 2	07/01/2025	
	Y(m) = 596.237. Chỉ tiêu phân tích: bụi tổng, SO ₂ , NO _x , CO.		Lần 3	08/01/2025	

Ghi chú: Phương thức lấy mẫu gồm 01 mẫu đơn, trong 3 ngày liên tiếp và tiến hành gửi mẫu phân tích.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở: “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa” của Công ty TNHH Hoàng Hưng.

Địa điểm thực hiện: Lô B18, Khu công nghiệp Phú Tài, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

6.2. Chương trình quan trắc chất thải theo quy định của pháp luật

6.2.1. Chương trình quan trắc định kỳ

❖ Bụi, khí thải từ lò sấy

- 01 mẫu khí thải tại ống khói của hệ thống xử lý khí thải lò sấy, Tọa độ X(m) = 1.524.526, Y(m) = 596.237 (Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến $108^{\circ}15'$, múi chiếu 3°).

+ Thông số giám sát: bụi, SO₂, NO_x, khí CO.

+ Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

+ Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 19:2019/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

6.2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

Không có

6.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường

Bảng 6. 3. Dự kiến kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm

STT	Công việc	Thành tiền
1	Chi phí quan trắc chất lượng khí thải (6 tháng/lần)	6.000.000
2	Báo cáo công tác bảo vệ môi trường (1 lần/năm)	5.000.000
Tổng cộng		11.000.000

Ghi chú: Chi phí trên chỉ mang tính chất tương đối trong quá trình lập dự toán

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở: “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa” của Công ty TNHH Hoàng Hưng.

Địa điểm thực hiện: Lô B18, Khu công nghiệp Phú Tài, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

CHƯƠNG VII

KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA

VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Theo Biên bản khảo sát hiện trường vào lúc 08 giờ 00 phút, ngày 12/04/2024, Ban Quản lý Khu Kinh tế phối hợp với các đơn vị có liên quan tiến hành điều tra, khảo sát, thu thập thông tin về tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường tại mặt bằng cơ sở của Công ty TNHH Hoàng Hưng, Lô B18, Khu công nghiệp Phú Tài, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Công ty TNHH Hoàng Hưng đã có các công trình bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, một số công tác bảo vệ môi trường còn thiếu sót trong công tác này. Công ty TNHH Hoàng Hưng cam kết sẽ thực hiện bổ sung trong thời gian tới nhằm hoàn thiện hơn.

CHƯƠNG VIII

CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Công ty TNHH Hoàng Hưng cam kết về các nội dung sau:

- Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.
- Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan.
- Chủ nhà máy sẽ áp dụng các biện pháp khống chế, phòng chống sự cố và giảm thiểu các tác động tiêu cực gây ô nhiễm môi trường trong suốt quá trình hoạt động của cơ sở đã nêu cụ thể trong báo cáo, đồng thời tăng cường công tác đào tạo cán bộ về quản lý môi trường nhằm nâng cao năng lực quản lý môi trường cơ sở, bảo đảm không phát sinh các vấn đề gây ô nhiễm môi trường.
- Các biện pháp khống chế ô nhiễm và hạn chế các tác động có hại của cơ sở tới môi trường đã được đưa ra trong báo cáo là những biện pháp khả thi, bảo đảm đạt Tiêu chuẩn và Quy chuẩn môi trường Việt Nam.
- Cam kết bồi thường và khắc phục các sự cố, rủi ro gây ô nhiễm môi trường xảy ra do triển khai cơ sở.
- Cam kết giải quyết các khiếu kiện của cộng đồng về những vấn đề môi trường của nhà máy theo quy định của pháp luật.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở: “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa” của Công ty TNHH Hoàng Hưng.

Địa điểm thực hiện: Lô B18, Khu công nghiệp Phú Tài, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

PHỤ LỤC

STT	Các văn bản
1	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100480974 đăng ký lần đầu ngày 17/02/2003, thay đổi lần thứ 11 ngày 10/09/2014 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Bình Định cấp.
2	Phiếu xác nhận Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường số 593/KHCNMT ngày 22/09/2003 do Sở Khoa học công nghệ và Môi trường thuộc UBND tỉnh Bình Định cấp.
3	Văn bản số 1007/BQL-TNMT v/v chuyển đổi pháp nhân của Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường ngày 06/7/2012.
4	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 160039
5	Hợp đồng số 14/2011/HĐ-TLĐ-A ngày 09/05/2011 V/v Thuê lại đất gắn kết cấu hạ tầng KCN Phú Tài giai đoạn I, II, III.
6	Văn bản số 1024/BQL-TNMT ngày 03/12/2009 về việc chuyển đổi thủ tục thuê lại đất từ Công ty TNHH TM SXKD Thành Vy sang Công ty TNHH Hoàng Hưng tại KCN Phú Tài giai đoạn I, II, III của BQL KKT Bình Định.
7	Văn bản số 368/ĐTXD-QLHT-HH v/v phúc đáp bản số 26/CV-HH ngày 19/10/2022 của Công ty TNHH Hoàng Hưng.
8	Quyết định phê duyệt quy hoạch điều chỉnh mặt bằng tổng thể tỷ lệ 1/500 số 343/QĐ-BQL ngày 11/03/2010 do Ban Quản lý khu Kinh tế thuộc UBND tỉnh Bình Định cấp.
9	Giấy phép xây dựng số 18/GPXD ngày 30/7/2010 của BQL khu kinh tế tỉnh Bình Định
10	Giấy phép xây dựng số 21/GPXD ngày 18/5/2012 của BQL khu kinh tế tỉnh Bình Định
11	Giấy chứng nhận đầu tư số 35221000075 chứng nhận lần đầu ngày 27/04/2001, thay đổi lần thứ nhất ngày 30/12/2009 do Ban quản lý các Khu Kinh tế tỉnh Bình Định cấp.
12	Giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy số 258/TD-PCCC ngày 20/01/2010.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở: “Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa” của Công ty TNHH Hoàng Hưng.

Địa điểm thực hiện: Lô B18, Khu công nghiệp Phú Tài, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

STT	Các văn bản
13	Văn bản số 03/NT-PCCC ngày 02/01/2018 V/v nghiệm thu về phòng cháy chữa cháy hạng mục Hệ thống PCCC công trình Nhà xưởng sản xuất.
14	Biên bản kiểm tra Kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy ngày 17/11/2017.
15	Hợp đồng thu gom, xử lý nước thải số 29/2020/HĐ-XLNT ngày 01/06/2020.
16	Hợp đồng dịch vụ thu gom vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt số 09/2023/HĐDVVS – ĐMT4 ngày 03/01/2023.
17	Hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại số 144/2024/HĐKT ngày 06/03/2024.
18	Hóa đơn tiền điện tháng 01/2024 đến tháng 06/2024.
19	Hóa đơn tiền nước tháng 01/2024 đến tháng 06/2024.
20	Phiếu xuất mẫu quan trắc năm 2022 và 2023.
21	Các bản vẽ.

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH BÌNH ĐỊNH
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN**

Mã số doanh nghiệp: 4100480974

Đăng ký lần đầu: ngày 17 tháng 02 năm 2003

Đăng ký thay đổi lần thứ 11: ngày 10 tháng 09 năm 2014

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt:

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HOÀNG HƯNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt: HOHUCO.LTD (CTY TNHH TM SX KINH DOANH XNK
THÀNH VY SÁP NHẬP VÀO CTY TNHH HOÀNG HƯNG)

2. Địa chỉ trụ sở chính

*Lô B27 Khu Công nghiệp Phú Tài, Phường Trần Quang Diệu, Thành phố Quy Nhơn,
Tỉnh Bình Định, Việt Nam*

Điện thoại: 056.3741109 - 0913 440600

Fax: 056.3641171

Email:

Website:

3. Ngành, nghề kinh doanh

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100 (Chính)
2	Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến	46631
3	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch Chi tiết: Sơ chế nông sản	0163
4	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
5	Máy trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
6	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
7	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
8	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Bán buôn nông sản	4620
9	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
10	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
11	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
12	Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục)	1322

4. Vốn điều lệ 50.000.000.000 đồng

Bằng chữ: Năm mươi tỷ đồng

5. Vốn pháp định

6. Danh sách thành viên góp vốn

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị phần vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; MSDN đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	LÊ MINH THIÊN	Số 57 Nguyễn Công Trứ, Phường Lý Thường Kiệt, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam	30.500.000.000	61,00	211707284	
2	LÊ THỊ THẢO	Số 57 Nguyễn Công Trứ, Phường Lý Thường Kiệt, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam	19.500.000.000	39,00	211621370	

7. Người đại diện theo pháp luật của công ty

Chức danh: *Giám đốc*

Họ và tên: LÊ MINH THIÊN

Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: *03/09/1962*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy chứng thực cá nhân: *Giấy chứng minh nhân dân*

Số: *211707284*

Ngày cấp: *29/07/2009*

Nơi cấp: *Công an tỉnh Bình Định*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số 57 Nguyễn Công Trứ, Phường Lý Thường Kiệt, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại:

Số 57 Nguyễn Công Trứ, Phường Lý Thường Kiệt, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

8. Thông tin về chi nhánh

9. Thông tin về văn phòng đại diện

10. Thông tin về địa điểm kinh doanh

1. Tên địa điểm kinh doanh: XƯỞNG SẢN XUẤT 1 - CÔNG TY TNHH
HOÀNG HƯNG
Địa chỉ địa điểm kinh doanh: Lô B18, Khu CN Phú Tài, Phường Trần Quang
Diệu, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt
Nam
Mã số địa điểm kinh doanh: 00001
2. Tên địa điểm kinh doanh: XƯỞNG SẢN XUẤT 2 - CÔNG TY TNHH
HOÀNG HƯNG
Địa chỉ địa điểm kinh doanh: Lô A41, Khu CN Phú Tài, Phường Trần Quang
Diệu, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt
Nam
Mã số địa điểm kinh doanh: 00002
3. Tên địa điểm kinh doanh: XƯỞNG SẢN XUẤT 3 - CÔNG TY TNHH
HOÀNG HƯNG
Địa chỉ địa điểm kinh doanh: Lô B2, Khu CN Phú Tài, Phường Trần Quang Diệu,
Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam
Mã số địa điểm kinh doanh: 00003



TRƯỞNG PHÒNG



Phạm Đình Công

Chứng thực bản sao đúng với bản chính

Số chứng thực: 2367/ĐT Quyền số: sổ chứng thực-SCTĐT/BS

Ngày 01 tháng 11 năm 2023



PHÓ CHỦ TỊCH


Nguyễn Thị Hương

UBND TỈNH BÌNH ĐỊNH
SỞ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ
VÀ MÔI TRƯỜNG

Số: 533/KHCNMT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quy Nhơn, ngày 22 tháng 9 năm 2003

PHIẾU XÁC NHẬN

BẢN ĐĂNG KÝ ĐẠT TIÊU CHUẨN MÔI TRƯỜNG

Dự án: Nhà máy sản xuất kinh doanh, chế biến lâm sản xuất khẩu
và tiêu thụ nội địa

SỞ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG BÌNH ĐỊNH
XÁC NHẬN

Điều 1. Dự án Nhà máy sản xuất kinh doanh, chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa thuộc Công ty TNHH Thương mại sản xuất – kinh doanh xuất nhập khẩu Thành Vy, đầu tư tại Khu công nghiệp Phú Tài - Thành phố Quy Nhơn - Tỉnh Bình Định đã trình Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường ngày 19/9/2003.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện đúng những nội dung đã được nêu trong Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường.

Điều 3. Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường của dự án là cơ sở để các cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường của chủ dự án.

Điều 4. Sau khi hoàn thành các hạng mục công trình về môi trường, chủ dự án phải báo cáo bằng văn bản cho Cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường để kiểm tra, giám sát./.

Nơi nhận: 

- Chủ dự án;
- BQL các KCN;
- Lưu VP, QLMT.

GIÁM ĐỐC
SỞ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG



Man Ngọc Lý

UBND TỈNH BÌNH ĐỊNH
BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ~~1007~~/BQL-TNMT

Bình Định, ngày 06 tháng 7 năm 2012.

V/v chuyển đổi pháp nhân của Bản
đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường.

Kính gửi: Công ty TNHH Hoàng Hưng.

Ngày 27/6/2012, Ban Quản lý Khu kinh tế nhận được Văn bản số 06-12/CV-HH ngày 27/6/2012 về việc chuyển đổi pháp nhân Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường của Công ty TNHH Hoàng Hưng. Trên cơ sở các văn bản quy định của Nhà nước và Quyết định số 2565/QĐ-CTUBND ngày 06/10/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ủy quyền và phân công nhiệm vụ cho Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định, Ban Quản lý Khu kinh tế có ý kiến như sau:

1. Chấp thuận chuyển đổi pháp nhân trong Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường kèm theo Phiếu xác nhận số 593/KHCNMT do Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường cấp ngày 22/9/2003 cho dự án Nhà máy sản xuất - kinh doanh, chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa tại lô B18 (lô B21 cũ), KCN Phú Tài và Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường kèm theo Phiếu xác nhận số 2102/STN&MT do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 05/8/2005 cho dự án Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa tại lô A41 (lô B14 cũ), KCN Phú Tài từ Công ty TNHH TM SXKD xuất nhập khẩu Thành Vy sang Công ty TNHH Hoàng Hưng.

2. Đồng ý cho Công ty TNHH Hoàng Hưng tiếp tục sử dụng Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường kèm theo Phiếu xác nhận số 593/KHCNMT và Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường kèm theo Phiếu xác nhận số 2102/STN&MT. Công ty TNHH Hoàng Hưng có trách nhiệm phải thực hiện đúng công suất, quy trình công nghệ, các giải pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường đã cam kết tại Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường và các yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước về môi trường tại Phiếu xác nhận nêu trên.

3. Công ty TNHH Hoàng Hưng phải thông báo, kê khai bổ sung mọi thay đổi về công suất, công nghệ của dự án (nếu có) cho Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định để theo dõi, quản lý.

Ban Quản lý Khu kinh tế đề nghị Công ty TNHH Hoàng Hưng triển khai thực hiện. / *nghe*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thanh tra Ban;
- Cty CP ĐT&XD Bình Định;
- Lưu: VT; P.TNMT *thay*



Man Ngọc Lý

Số: 343/QĐ-BQL

Quy Nhơn, ngày 11 tháng 3 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết mặt bằng tổng thể tỷ lệ 1/500
Công ty TNHH Hoàng Hưng

TRƯỞNG BAN BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH BÌNH ĐỊNH

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 08/2005/NĐ-CP ngày 24/01/2005 về Quy hoạch xây dựng; số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/2/2009 về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; số 88/2007/NĐ-CP ngày 28/5/2007 về thoát nước đô thị và KCN;

Căn cứ Quyết định số 591/QĐ-TTg ngày 07/5/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 988/QĐ-BXD ngày 30/8/1999, số 1470/QĐ-BXD ngày 18/10/2000 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết KCN Phú Tài (giai đoạn I và giai đoạn II, III);

Căn cứ Quyết định số 2565/QĐ-CTUBND ngày 06/10/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định về việc ủy quyền và phân công nhiệm vụ cho Ban Quản lý Khu kinh tế;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Phòng Quy hoạch – Xây dựng.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này bản vẽ quy hoạch chi tiết tổng mặt bằng TL 1/500 (điều chỉnh) Dự án xây dựng Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa của Công ty TNHH Hoàng Hưng tại KCN Phú Tài với các nội dung như sau:

1. Tên công trình: Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa.

2. Địa điểm quy hoạch xây dựng: Lô A9, KCN Phú Tài (giai đoạn 1, 2, 3), thuộc phường Trần Quang Diệu, Thành phố Quy Nhơn, có giới cận cụ thể như sau:

- Phía Đông giáp hành lang kỹ thuật.
- Phía Tây giáp đường số 14.
- Phía Nam giáp đường số 19.
- Phía Bắc giáp Công ty TNHH Ánh Vi.

3. Phân khu chức năng lô đất: Thuộc phân khu sản xuất đồ gỗ xuất khẩu, vật liệu xây dựng, bao bì, chế biến nông sản.

4. Quy mô quy hoạch xây dựng và cơ cấu sử dụng đất:

Tổng diện tích đất quy hoạch xây dựng : 14.392 m²

Trong đó:

- | | | | |
|---------------------------|---|----------------------|----------------------|
| - Đất xây dựng công trình | : | 9.465 m ² | (chiếm tỷ lệ 65,75%) |
| - Đất sân bãi | : | 954 m ² | (chiếm tỷ lệ 6,6%) |
| - Đất cây xanh | : | 1.438 m ² | (chiếm tỷ lệ 10,0%) |

- Đất giao thông nội bộ : 2.535 m² (chiếm tỷ lệ 17,65%)

5. Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật:

5.1 San nền: Cốt san nền tối thiểu + 11,75m so với mặt nước biển.

5.2 Giao thông:

- Cổng chính mở ra đường số 19.
- Giao thông nội bộ (theo bản vẽ kèm theo Quyết định này).

5.3 Thoát nước mưa nội bộ:

Doanh nghiệp phải xây dựng hệ thống thu đón nước mưa và đầu nối vào hệ thống thoát nước chung của KCN tại vị trí M1 và M2 (được thể hiện trong bản vẽ Quy hoạch hệ thống HTKT).

5.4 Thoát nước thải sản xuất, nước thải sinh hoạt:

- Nước thải sản xuất: Doanh nghiệp phải xây dựng hệ thống xử lý nước thải cục bộ đạt cấp độ B theo Quyết định số 53/2005/QĐ-UBND ngày 18/4/2005 của UBND tỉnh trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN tại vị trí T (được thể hiện trong bản vẽ Quy hoạch hệ thống HTKT).

- Nước thải sinh hoạt của DN phải được thu gom và đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN tại vị trí T (được thể hiện trong bản vẽ Quy hoạch hệ thống HTKT).

6. Quản lý chất thải rắn sản xuất:

Doanh nghiệp phải thực hiện thu gom chất thải sản xuất và hợp đồng với các đơn vị dịch vụ vệ sinh môi trường đưa về bãi xử lý tập trung đúng theo quy định.

7. Tổ chức thực hiện:

- Cơ quan thẩm định và phê duyệt: Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định.
- Chủ đầu tư: Công ty TNHH Hoàng Hưng
- Tư vấn thiết kế quy hoạch: Công ty TNHH Tư vấn kiến trúc ART.

Điều 2. Quyết định này làm căn cứ để tiến hành lập dự án đầu tư và bản vẽ thi công trình cấp thẩm quyền phê duyệt triển khai đầu tư xây dựng theo dự án.

Mọi sự thay đổi về quy mô và nội dung quy hoạch đã được phê duyệt đều phải thông qua Ban Quản lý Khu kinh tế để xem xét chấp thuận điều chỉnh mới được triển khai xây dựng. Đồng thời, sau khi thực hiện XD các hạng mục công trình phải lập bản vẽ hoàn công gửi về Ban Quản lý Khu kinh tế để kiểm tra và quản lý dự án theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng các phòng chuyên môn, Giám đốc Công ty PTHT các KCN và Giám đốc Công ty TNHH Hoàng Hưng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Đ/c Trưởng ban BQL;
- Lưu: VT, QH XD (09b).

[Chữ ký]

KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN



[Chữ ký]

Tô Ngọc Chính



GIẤY CHỨNG NHẬN

QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Hoàng Hưng

Giấy phép kinh doanh số: 4100480974, cấp ngày 24 tháng 8 năm 2011

Địa chỉ: Lô B27 KCN Phú Tài, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

"Sở hữu tài sản trên lô đất thuê của Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Bình Định"
Chứng thực bản sao đúng với bản chính

Số CT: 144 Quyền: 01

Ngày: 17 tháng 1 năm 2013

Phó chủ tịch UBND P. Trần Hưng Đạo



Trần Văn Cường

BK 160039

b) Địa chỉ: Lô B13, KCN Phú Tài, phường Trần Quang Diệu, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

c) Diện tích: m² (Bảng chủ quyền)

d) Hình thức sử dụng: m², chung, Không

e) Mục đích sử dụng:

f) Thời hạn sử dụng:

g) Nguồn gốc sử dụng: Thuê đất của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Định

2. Nhà ở:

3. Công trình xây dựng khác:

Tên công trình: Xây dựng Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa

Địa chỉ: Lô B13, KCN Phú Tài, phường Trần Quang Diệu, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Hạng mục công trình	Diện tích xây dựng (m ²)	Diện tích sàn hoặc công suất	Kết cấu chủ yếu	Cấp công trình	Số tầng	Năm HT xây dựng	Thời hạn sở hữu
Xưởng sản xuất số 1	4.959,6	4.959,6	Khung kèo thép, nền bê tông, mái tole	4	1	"-/-"	"-/-"
Xưởng sản xuất số 2	3.413,6	3.413,6	Khung kèo thép, nền bê tông, mái tole	4	1	"-/-"	"-/-"
Cụm lò sấy	607,1	607,1	Tường gạch, nền xi măng, mái tole	4	1	"-/-"	"-/-"
Xưởng cưa CD	738,8	738,8	Khung kèo thép, nền bê tông, mái tole	4	1	"-/-"	"-/-"
Nhà vệ sinh CN	20,3	20,3	Tường gạch, nền xi măng, mái tole	4	1	"-/-"	"-/-"
Nhà hút bụi	114,7	114,7	Tường gạch, nền xi măng, mái tole	4	1	"-/-"	"-/-"
Nhà bảo vệ	11,2	11,2	Tường gạch, nền gạch hoa xi măng, mái tole	4	1	"-/-"	"-/-"
Nhà trực lò sấy	72,0	72,0	Tường gạch, nền xi măng, mái tole	4	1	"-/-"	"-/-"

4. Rừng sản xuất là rừng trồng:

5. Cây lâu năm:

6. Ghi chú: Không.

Bình Định, ngày 20 tháng 9 năm 2012

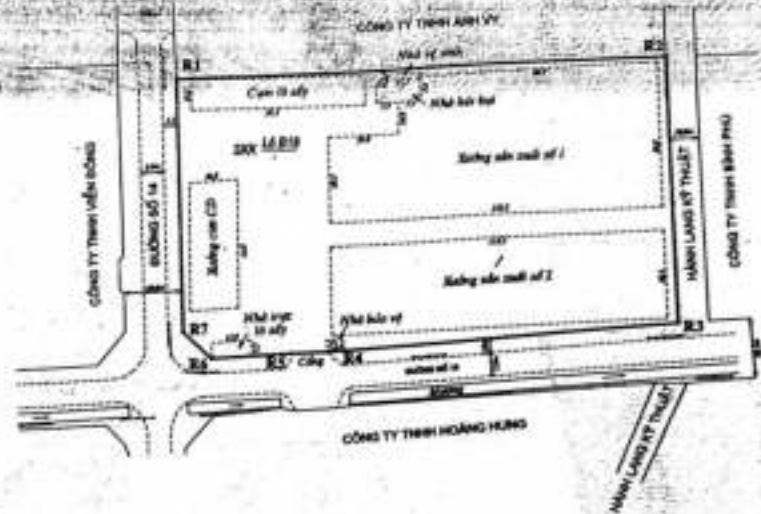
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

TUO. CHỦ TỊCH

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG



Trần Thái Nga



Khung gỗ sử dụng để thuê
Công trình xây dựng theo kế hoạch

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Ảnh nhân dân
cơ quan

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



522155912002872

109: D4



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

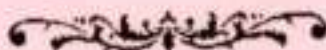


HỢP ĐỒNG

Về việc thuê lại đất gắn kết cầu hạ tầng
tại KCN Phú Tài giai đoạn I, II, III

Số: 14/2011/HĐ-TLĐ-A

Đơn vị: Công ty TNHH Hoàng Hưng



Bình Định, ngày 09/5/2011



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỐ : 14 /2011/HĐ-TLĐ-A

Bình Định, ngày 09 tháng 5 năm 2011

HỢP ĐỒNG

Về việc thuê lại đất gắn kết cầu hạ tầng của

Công ty TNHH Hoàng Hưng tại KCN Phú Tài giai đoạn I, II, III.

I- CÁC CĂN CỨ ĐỀ KÝ HỢP ĐỒNG:

Căn cứ Luật Dân sự số 33/2005/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 14/6/2005;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2003 và các Nghị định, Thông tư, Văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Quyết định số 1471/QĐ-CTUBND ngày 12/7/2010 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000, công trình KCN Phú Tài, thành phố Quy Nhơn;

Căn cứ Quyết định số 1580/QĐ-CTUBND ngày 21/7/2010 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định về việc quy định phương thức thu tiền cho thuê sử dụng kết cấu hạ tầng tại KCN Phú Tài và Long Mỹ (giai đoạn I);

Căn cứ hợp đồng thuê đất số 25-2004/HĐ-TĐ ngày 07/6/2004, hợp đồng thuê đất bổ sung số 159/2006/HĐ-TĐ ngày 03/11/2006 và hợp đồng thuê đất số 128-2007/HĐ-TĐ ngày 12/9/2007 giữa Công ty Phát triển hạ tầng các KCN (nay là Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Định) với Sở Tài nguyên và Môi trường về thuê đất để đầu tư xây dựng KCN Phú Tài giai đoạn I, II, III;

Căn cứ văn bản số 489/BQL-QH ngày 20/6/2005 của Ban Quản lý các KCN Bình Định về việc thu hồi địa điểm lô đất A14_a của Cty cổ phần đá ốp lát & xây dựng Cosevco để giao cho Công ty TNHH Hoàng Hưng thuê thuộc giai đoạn I KCN Phú Tài;

Căn cứ văn bản số 512/BQL-QH ngày 30/6/2005 của Ban Quản lý các KCN Bình Định về việc chấp thuận địa điểm phần còn lại lô đất A14 cho Công ty TNHH Hoàng Hưng thuê thuộc giai đoạn I KCN Phú Tài;

Căn cứ văn bản số 1024/BQL-TNMT ngày 03/12/2009 của Ban Quản lý Khu kinh tế về việc chuyển đổi thủ tục thuê lại đất từ Công ty TNHH TM SXKD Thành Vy sang Công ty TNHH Hoàng Hưng tại KCN Phú Tài giai đoạn I, II, III;

Căn cứ Giấy chứng nhận đầu tư số 35221000076 ngày 18/8/2005 (chứng nhận thay đổi lần thứ nhất ngày 07/01/2010) và số 35221000075 ngày 27/4/2001 (chứng nhận thay đổi lần thứ nhất ngày 30/12/2009) của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định cấp cho Công ty TNHH Hoàng Hưng;

Căn cứ Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh số 35221000035 ngày 01/8/2005 và chứng nhận thay đổi lần thứ nhất ngày 11/7/2008 của Ban Quản lý các KCN Bình Định cấp cho Công ty TNHH Hoàng Hưng.

II- CÁC BÊN KÝ HỢP ĐỒNG:

1. Bên cho thuê lại đất (Gọi tắt là Bên A):

Đơn vị : **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH ĐỊNH.**
(Trước đây là Công ty Phát triển hạ tầng các KCN Bình Định)
Đại diện : Ông **Vương Phiêu Linh** Chức vụ : Giám đốc
Địa chỉ : 338 Lạc Long Quân, P. Trần Quang Diệu, TP Quy Nhơn
Điện thoại : (056) 3841517 - 3841466 Fax : (056) 3741338
Số tài khoản : 581 100000 26728 tại Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Phú Tài
Mã số thuế : 4101 137 456

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4101 137 456 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp ngày 01 tháng 9 năm 2010.

2. Bên thuê lại đất (Gọi tắt là Bên B):

Đơn vị : **CÔNG TY TNHH HOÀNG HƯNG**
Đại diện : Ông: **Lê Minh Thiện** Chức vụ : Giám đốc
Địa chỉ : Lô A14 KCN Phú Tài, TP Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
Điện thoại : 056 3741109-0913440600 Fax : 056 3641171
Số tài khoản: 005 100 002 1858 tại Ngân hàng VCB Phú Tài
Mã số thuế : 41 00 48 09 74

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 35 02 000238 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp ngày 17/02/2003 và đăng ký thay đổi lần thứ tám ngày 16/10/2009.

III- NỘI DUNG HỢP ĐỒNG:

Hai Bên đồng ý ký kết Hợp đồng về thuê lại đất gắn kết cầu hạ tầng tại KCN Phú Tài giai đoạn I, II, III, với các điều khoản sau:

ĐIỀU 1 QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT THUÊ LẠI

Bên A đồng ý cho Bên B thuê lại lô đất như sau:

- Tên lô đất: Ký hiệu lô A41 (số cũ: một phần B14), lô B18 (số cũ: B21) và lô B27 (số cũ: A14).

- Địa chỉ lô đất: Tại các lô đất A41, B18, B27 KCN Phú Tài giai đoạn I, II, III thuộc phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Vị trí khu đất thuê lại xác định theo các sơ đồ mặt bằng lô A41 (diện tích: 8.044 m²), lô B18 (diện tích: 15.673 m²) và lô B27 (diện tích: 17.037 m²) lập ngày 27/12/2010

có xác nhận giữa Công ty TNHH Hoàng Hưng và Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Định. Các sơ đồ mặt bằng này là một phần không thể tách rời của Hợp đồng.

- Diện tích: Theo các Hợp đồng thuê lại đất số 04/HĐ-TLD-A ngày 22/6/2006, Hợp đồng bổ sung số 04a/HĐBS-TLD-A ngày 23/6/2010 và Hợp đồng số 15/HĐ-TLD-A ngày 12/12/2009 giữa Công ty TNHH Hoàng Hưng với Công ty Phát triển hạ tầng các KCN Bình Định (nay là Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Định), thì tổng diện tích các lô đất nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này là **39.569,75 m²** (trong đó: Lô A41 có diện tích: 7.923,5 m²; Lô B18 có diện tích: 14.400 m² và Lô B27 có diện tích: 17.246,25 m²); Và theo số liệu đo đạc diện tích đủ điều kiện sử dụng lập ngày 27/12/2010 giữa Công ty TNHH Hoàng Hưng với Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Định, thì tổng diện tích các lô đất nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này là **40.754m²** (trong đó: Lô A41 có diện tích: 8.044 m²; Lô B18 có diện tích: 15.673 m² và Lô B27 có diện tích: 17.037 m²). Theo đó có sự chênh lệch diện tích, cụ thể: Diện tích lô A41 chênh lệch **tăng 120,5 m²** (=8.044 m² - 7.923,5 m²), diện tích lô B18 chênh lệch **tăng 1.273 m²** (=15.673 m² - 14.400 m²) và diện tích lô B27 chênh lệch **giảm 209,25 m²** (=17.246,25m² - 17.037 m²).

Như vậy hai Bên thống nhất điều chỉnh lại diện tích là: **Bên A cho Bên B thuê lại các lô đất nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này là 40.754m²** (trong đó: Lô A41 có diện tích: 8.044 m²; Lô B18 có diện tích: 15.673 m² và Lô B27 có diện tích: 17.037 m²). Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu diện tích đất thay đổi theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cấp có thẩm quyền, thì hai Bên ký hợp đồng bổ sung, điều chỉnh diện tích đất thay đổi cho phù hợp.

- Hình thức sử dụng:

+ Sử dụng riêng: 40.754 m².

+ Sử dụng chung: Không.

- Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước cho Bên A thuê đất và Bên A cho Bên B thuê lại đất gắn kết cấu hạ tầng có trả tiền thuê lại đất và tiền thuê sử dụng kết cấu hạ tầng KCN Phú Tài giai đoạn I, II, III.

Những hạn chế về quyền sử dụng đất: Việc xây dựng các công trình trên lô đất thuê lại phải phù hợp với mục đích sử dụng, phù hợp với Giấy chứng nhận đầu tư của Bên B.

ĐIỀU 2 THỜI HẠN THUÊ LẠI ĐẤT

Thời hạn thuê lại đất gắn kết cấu hạ tầng KCN kể từ ngày 01/7/2006 đối với lô đất B27 (diện tích: 17.037m²), từ ngày 01/5/2005 đối với lô đất A41(diện tích: 8.044m²) và từ ngày 01/01/2005 đối với lô đất B18 (diện tích: 15.673 m²) đến hết ngày 31/12/2048.

ĐIỀU 3 MỤC ĐÍCH THUÊ LẠI ĐẤT

Bên B thuê lại đất gắn kết cầu hạ tầng KCN để Đầu tư xây dựng Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa.

ĐIỀU 4 GIÁ THUÊ LẠI VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

1- Thời điểm tính tiền thuê lại đất gắn kết cầu hạ tầng KCN:

* Đối với lô đất A41 (diện tích: 8.044m²):

+ Diện tích 7.923,5 m² tính từ ngày 01/5/2005.

+ Diện tích chênh lệch tăng 120,5 m² tính từ ngày 01/5/2005 (theo ngày tính tiền của diện tích 7.923,5 m²).

* Đối với lô đất B18 (diện tích: 15.673 m²):

+ Diện tích 14.400 m² tính từ ngày 01/01/2005.

+ Diện tích chênh lệch tăng 1.273 m² tính từ ngày 01/01/2005 (theo ngày tính tiền của diện tích 14.400 m²).

* Đối với lô đất B27 (diện tích: 17.037m²).

+ Diện tích 17.037m² tính từ ngày 01/7/2006.

+ Diện tích chênh lệch giảm 209,25 m² không tính tiền thuê lại đất gắn kết cầu hạ tầng kể từ ngày hợp đồng này có hiệu lực. Tiền thuê lại đất gắn kết cầu hạ tầng đối với phần diện tích chênh lệch giảm 209,25 m² mà Bên B đã thanh toán thì sẽ được Bên A khấu trừ vào tiền thuê đất mà Bên B phải thanh toán đối với diện tích đất chênh lệch tăng nêu trên tại lô đất A41 và lô đất B18.

2- Giá thuê lại đất gắn kết cầu hạ tầng đối với lô đất nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này được tính như sau:

a) Tiền thuê đất thô:

- Từ ngày 21/9/2005 đến ngày 31/12/2007 thanh toán theo giá:

$100.000 \text{ đ/m}^2 \times 0,5\%/\text{năm} = 500 \text{ đ/m}^2/\text{năm}$ (Năm trăm đồng).

- Từ ngày 01/01/2008 đến ngày 31/12/2009 thanh toán theo giá:

$200.000 \text{ đ/m}^2 \times 0,25\%/\text{năm} = 500 \text{ đ/m}^2/\text{năm}$ (Năm trăm đồng).

(Theo giá đất được UBND tỉnh Bình Định quy định tại Quyết định số 47/2007/QĐ-UBND ngày 31/12/2007, số 44/2008/QĐ-UBND ngày 31/12/2008 và theo tỷ lệ % tính tiền thuê đất trên địa bàn tỉnh Bình Định được quy định tại Quyết định số 131/2006/QĐ-UBND ngày 28/12/2006 và số 11/2007/QĐ-UBND ngày 28/6/2007).

- Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 31/12/2011 thanh toán theo giá:

$200.000 \text{ đ/m}^2 \times 0,5\%/\text{năm} = 1.000 \text{ đ/m}^2/\text{năm}$ (Một nghìn đồng)

(Theo giá đất được UBND tỉnh Bình Định quy định tại Quyết định số 49/2009/QĐ-UBND ngày 17/12/2009, số 29/2010/QĐ-UBND ngày 20/12/2010 và theo

tỷ lệ % tính tiền thuê đất trên địa bàn tỉnh Bình Định được quy định tại Quyết định số 50/2009/QĐ-UBND ngày 17/12/2009).

Từ ngày 01/01/2012 trở đi: Tiền thuê đất thô sẽ được điều chỉnh theo từng thời điểm khi có sự điều chỉnh của cấp thẩm quyền về giá đất và tỷ lệ % tính tiền thuê đất.

b) Giá cho thuê sử dụng kết cấu hạ tầng KCN:

- Từ ngày 01/01/2005 đến ngày 20/9/2005 thanh toán theo giá 0,3 USD/m²/năm (Không phải ba đô la Mỹ) (bao gồm tiền thuê đất thô).

- Từ ngày 21/9/2005 trở đi thanh toán theo giá 0,3 USD/m²/năm (Không phải ba đô la Mỹ) (không bao gồm tiền thuê đất thô).

Giá cho thuê lại đất gắn kết cấu hạ tầng KCN không bao gồm: chi phí mua điện, mua nước, dịch vụ xử lý nước thải, các dịch vụ khác trong KCN mà doanh nghiệp phải trả để phục vụ sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, hai Bên sẽ chịu sự điều chỉnh giá cho thuê kết cấu hạ tầng KCN và phương thức thanh toán theo Quyết định của cấp có thẩm quyền.

3- Phương thức và Hình thức thanh toán:

a) Phương thức thanh toán:

- Tiền thuê đất thô thanh toán hàng năm. Bên B thanh toán chậm nhất đến ngày 30 tháng 6 hàng năm. Nếu Bên B chậm thanh toán thì phải trả tiền lãi với lãi suất 1,5%/tháng (lãi suất tính trên tổng số tiền Bên B chưa thanh toán bằng tiền Việt Nam đồng). Trong trường hợp lãi suất của Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Phú Tài tại thời điểm Bên B thanh toán cao hơn mức lãi suất 1,5%/tháng thì Bên B phải chịu lãi suất cho vay của Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Phú Tài tại thời điểm tương ứng. Thời gian Bên B thanh toán chậm nhất không quá 06 (sáu) tháng.

- Tiền thuê sử dụng kết cấu hạ tầng:

+ Từ ngày 01/01/2005 đến ngày 31/12/2006 đối với diện tích 7.923,5 m² (Lô A41), diện tích: 14.400 m² (Lô B18) và diện tích: 17.037 m² (Lô B27): Bên B đã thanh toán hàng năm.

+ Từ năm 2007 – 2016 (10 năm) đối với diện tích 7.923,5 m² (Lô A41), diện tích: 14.400 m² (Lô B18) và diện tích: 17.037 m² (Lô B27): Bên B đã thanh toán trước 01 lần cho 10 năm theo giá cho thuê sử dụng kết cấu hạ tầng: 0,3 USD/m²/năm.

+ Tiền thuê sử dụng kết cấu hạ tầng từ ngày 01/5/2005 đến ngày 31/12/2016 đối với phần diện tích chênh lệch tăng 120,5 m² của lô đất A41 và từ ngày 01/01/2005 đến ngày 31/12/2016 đối với phần diện tích chênh lệch tăng 1.273 m² của lô đất B18: Bên B thống nhất thanh toán tiền thuê sử dụng kết cấu hạ tầng theo giá 0,3 USD/m²/năm chậm nhất đến ngày 30/5/2011. Nếu qua ngày 30/5/2011, thì Bên B thanh toán hàng năm có điều chỉnh giá, thời hạn thanh toán chậm nhất đến ngày 30 tháng 6 của năm thanh toán và được tính theo giá quy định tại năm thanh toán theo bảng tính chi tiết dưới đây:

STT	Năm thu	Giá cho thuê kết cấu hạ tầng bq/năm (USD/m ² /năm)	Lãi vay được cộng của năm thu (USD/m ²)	Giá cho thuê kết cấu hạ tầng được điều chỉnh theo hàng năm bq/năm (USD/m ² /năm)
1	Năm thứ 1 (*)	0,3		0,30
2	Năm thứ 2	0,3	0,02	0,32
3	Năm thứ 3	0,3	0,04	0,34
4	Năm thứ 4	0,3	0,07	0,37
5	Năm thứ 5	0,3	0,09	0,39
6	Năm thứ 6	0,3	0,12	0,42
7	Năm thứ 7	0,3	0,15	0,45
8	Năm thứ 8	0,3	0,18	0,48
9	Năm thứ 9	0,3	0,22	0,52
10	Năm thứ 10	0,3	0,25	0,55

(*) Năm thứ 1 được xác định từ năm 2007.

- Từ năm 2017 trở đi: Tiền thuê sử dụng kết cấu hạ tầng, Bên B thanh toán theo giá được cấp thẩm quyền quy định.

- Trong 10 năm (tính từ năm 2007), nếu Bên B thanh toán một lần tiền thuê lại đất có kết cấu hạ tầng còn lại cho toàn bộ thời gian thuê lại đất theo dự án thì thanh toán theo giá 0,3 USD/m²/năm.

b) Hình thức thanh toán:

- Bên B thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.

- Bên B thanh toán tiền thuê lại đất gắn kết cấu hạ tầng KCN, kể cả tiền lãi, (nếu có) bằng tiền Việt Nam đồng (VND). Tỷ giá ngoại tệ (USD) được quy đổi ra tiền Việt Nam đồng (VND) theo tỷ giá ngoại tệ bán ra của Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Phú Tài tại thời điểm Bên B thanh toán.

4- Nơi nộp tiền thuê lại đất gắn kết cấu hạ tầng: Tại văn phòng Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Định hoặc chuyển vào tài khoản của Bên A theo Hợp đồng này.

ĐIỀU 5 NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN CỦA BÊN A

1. Bên A có các nghĩa vụ sau đây:

- Lập hợp đồng điều chỉnh, bổ sung cho thuê lại lô đất nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này (nếu có);

- Giao các lô đất nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này cho bên B khi đã đảm bảo đủ các điều kiện;

- Kiểm tra, giám sát Bên B trong việc sử dụng đất theo Giấy chứng nhận đầu tư, thực hiện Quy hoạch mật bằng tổng thể và Giấy xác nhận bản cam kết bảo vệ môi trường được cơ quan cấp thẩm quyền phê duyệt;

2. Bên A có các quyền sau đây:

- Yêu cầu Bên B trả đủ, đúng hạn tiền thuê lại đất gắn kết cấu hạ tầng KCN tại Khoản 3 Điều 4 của Hợp đồng này;

- Yêu cầu Bên B chấm dứt ngay việc sử dụng đất không đúng mục đích, hủy hoại đất hoặc làm giảm sút giá trị của đất;

Nếu Bên B không thực hiện việc thanh toán tiền thuê lại đất gắn kết cấu hạ tầng nêu tại khoản 3 điều 4 của Hợp đồng này hoặc không chấm dứt các vi phạm nêu trên, thì Bên A có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng này và yêu cầu Bên B hoàn trả đất và bồi thường thiệt hại;

- Yêu cầu Bên B trả lại đất, khi thời hạn cho thuê lại đất đã hết;

- Sau thời gian quy định tại Khoản 3 Điều 4 của Hợp đồng này mà Bên B vẫn không thanh toán tiền thuê lại đất gắn kết cấu hạ tầng KCN thì Bên A được quyền: Đăng tải thông tin Bên B còn nợ tiền thuê lại đất gắn kết cấu hạ tầng lên bản tin, website của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định hoặc của Bên A; hoặc thông báo nợ của Bên B về tiền thuê lại đất gắn kết cấu hạ tầng trên các phương tiện thông tin đại chúng; hoặc nhờ các Ngân hàng thương mại Việt Nam nơi Bên B giao dịch thu hộ; hoặc đề nghị cơ quan cấp thẩm quyền thu hồi địa điểm, giấy chứng nhận đầu tư đối với các lô đất nêu tại điều 1 của Hợp đồng này để giao cho doanh nghiệp khác có nhu cầu thuê lại; hoặc nhờ cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước Việt Nam áp dụng các biện pháp chế tài khác để thu nợ, đồng thời từ chối việc cung cấp dịch vụ về hạ tầng cho Bên B (không cho sử dụng hạ tầng);

ĐIỀU 6 NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN CỦA BÊN B

1. Bên B có các nghĩa vụ sau đây:

- Sử dụng đất đúng mục đích, đúng thời hạn thuê lại đất;

- Không được hủy hoại, làm giảm sút giá trị sử dụng của đất thuê lại;

- Trả đủ, đúng hạn tiền thuê lại đất gắn kết cấu hạ tầng KCN theo quy định tại Khoản 3 Điều 4 của Hợp đồng này;

- Sử dụng đất đúng theo Giấy chứng nhận đầu tư, Quy hoạch mật bằng tổng thể và Giấy xác nhận bản cam kết bảo vệ môi trường được cơ quan cấp thẩm quyền phê duyệt;

- Tuân theo các quy định về bảo vệ môi trường; không được làm tổn hại đến quyền, lợi ích của người sử dụng đất xung quanh;

- Không được cho người khác thuê lại đất gắn kết cấu hạ tầng KCN nếu không được bên A đồng ý bằng văn bản.

- Trả lại đất sau khi hết thời hạn thuê lại đất;
- Bên B không được phép chuyển nhượng Quyền sử dụng đất dưới bất kỳ hình thức nào;
- Khi phát hiện tài nguyên trong lòng đất tại vị trí được thuê lại đất, thì Bên B giữ nguyên hiện trạng và thông báo cho Bên A biết để báo cáo cho cấp thẩm quyền xử lý theo quy định;
- Có trách nhiệm tạo điều kiện tốt nhất để Bên A thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 5 của Hợp đồng này.

2. Bên B có các quyền sau đây:

- Yêu cầu Bên A xác định vị trí và giao đất đã thoả thuận;
- Được sử dụng đất ổn định theo thời hạn thuê lại đất đã thoả thuận;

ĐIỀU 7
VIỆC ĐĂNG KÝ TÁCH CẤP, BIẾN ĐỘNG
GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT VÀ NỘP LỆ PHÍ

1. Điều kiện tách cấp, biến động Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Bên B: Bên B hoàn thành nghĩa vụ tài chính cho Bên A (thanh toán 100% tiền thuê sử dụng kết cấu hạ tầng cho toàn bộ thời gian thuê lại đất gắn kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp).
2. Việc đăng ký tách cấp, biến động Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật do Bên A chịu trách nhiệm thực hiện, Bên B cung cấp các giấy tờ có liên quan.
3. Lệ phí và các khoản liên quan đến việc tách cấp, biến động Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Hợp đồng này do Bên B chịu trách nhiệm nộp.

ĐIỀU 8
PHƯƠNG THỨC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Luật áp dụng trong Hợp đồng thuê lại đất gắn kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp này là Bộ luật dân sự Việt Nam. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng này, nếu phát sinh tranh chấp, các bên cùng nhau thương lượng giải quyết trên nguyên tắc tôn trọng quyền lợi của nhau; trong trường hợp không thương lượng được thì một trong hai bên có quyền khởi kiện để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định giải quyết theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 9
CAM KẾT CỦA CÁC BÊN

Bên A và Bên B chịu trách nhiệm trước pháp luật về những lời cam kết sau đây:

1. Bên A cam kết

- 1.1. Lô đất nêu tại điều 1 của Hợp đồng này thuộc trường hợp được cho thuê lại đất gắn kết cấu hạ tầng KCN theo quy định của pháp luật;

1.2. Tại thời điểm giao kết Hợp đồng này: Lô đất nêu tại điều 1 của Hợp đồng này sử dụng đúng phân khu chức năng theo quy hoạch chi tiết của KCN đã được cấp thẩm quyền phê duyệt;

1.3 Thực hiện đúng và đầy đủ tất cả các thoả thuận đã ghi trong Hợp đồng này.

2. Bên B cam kết

2.1. Bảo đảm đầy đủ tư cách pháp nhân và người đại diện ký hợp đồng này đúng theo quy định của pháp luật;

2.2. Đã xem xét kỹ, biết rõ về lô đất nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này;

2.3. Thực hiện đúng và đầy đủ các thoả thuận đã ghi trong Hợp đồng này.

ĐIỀU 10

THỎA THUẬN KHÁC

1- Trường hợp Bên B bị phân chia, sáp nhập, phá sản, bị cưỡng chế thi hành án hoặc chuyển nhượng tài sản; hợp đồng với tổ chức, cá nhân khác, tạo nên pháp nhân mới thì chủ sở hữu mới phải làm lại thủ tục thuê lại đất gắn kết cấu hạ tầng KCN trên cơ sở đã thanh lý Hợp đồng này.

2- Trong thời gian hợp đồng có hiệu lực, nếu Bên B muốn trả lại các lô đất thuê lại nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này trước thời hạn thì phải thông báo bằng văn bản cho Bên A biết trước ít nhất là 6 tháng. Trong thời gian 3 tháng kể từ ngày nhận được đề nghị của Bên B, Bên A sẽ trả lời chính thức và thực hiện thanh lý hợp đồng với Bên B. Thời điểm thanh lý hợp đồng được tính đến khi Bên B hoàn tất việc trả lại mặt bằng cho Bên A. Mọi tài sản của Bên B có trên đất thuê khi trả lại không thuộc trách nhiệm của Bên A.

3- Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Bên B được sử dụng và trả tiền các dịch vụ tiện ích có sẵn tại KCN cho Bên A hoặc các đơn vị kinh doanh chuyên ngành cung cấp như: điện, nước, viễn thông,....

4- Bên B có trách nhiệm xử lý chất thải phát sinh từ các hoạt động sản xuất của doanh nghiệp đạt tiêu chuẩn cho phép trước khi thải ra môi trường theo quy định, đối với nước thải sản xuất và nước thải sinh hoạt phát sinh từ các hoạt động sản xuất của doanh nghiệp thì doanh nghiệp phải xây dựng Trạm xử lý nước thải cục bộ xử lý nước thải đạt cấp độ do cấp thẩm quyền quy định trước khi đầu nối vào Hệ thống xử lý nước thải tập trung tại khu công nghiệp theo Hợp đồng thu gom xử lý nước thải sản xuất và nước thải sinh hoạt với Bên A. Nếu cốt nền của trạm xử lý nước thải cục bộ của Bên B thấp hơn cốt điểm đầu nối vào Hệ thống thu gom nước thải tập trung KCN, thì Bên B có biện pháp bơm đẩy vào bể đối chứng nước thải của Bên B và chảy tràn vào điểm đầu nối bằng kinh phí của bên B.

5- Bên B phải xây dựng riêng biệt Hệ thống thoát nước mưa và Hệ thống thoát nước thải trong mặt bằng doanh nghiệp.

ĐIỀU 11

CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

Hợp đồng này hết hiệu lực trong các trường hợp sau đây:

- Hết thời hạn thuê lại đất theo quy định tại Điều 2 của Hợp đồng này mà hai bên không thỏa thuận về việc gia hạn tiếp tục cho thuê và thuê lại.
- Một trong hai bên vi phạm nghiêm trọng các điều khoản của hợp đồng, ảnh hưởng đến quyền lợi của Bên kia mà không thể giải quyết bằng thương lượng.
- Bên B bị giải thể trước thời hạn, bị phá sản hoặc bị cưỡng chế thi hành án
- Bên B bị cấp thẩm quyền thu hồi địa điểm lô đất nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này hoặc thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư vào KCN trước thời hạn.
- Hai Bên cùng thống nhất thanh lý hợp đồng trước thời hạn.

ĐIỀU 12

ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

Tất cả các trường hợp khác không được quy định trong Hợp đồng này, sẽ được áp dụng theo các quy định của pháp luật hiện hành, các văn bản pháp lý liên quan đến khu công nghiệp nói chung và KCN Phú Tài nói riêng.

Khi cấp thẩm quyền có chính sách mới về giá, cơ chế thu tiền cho thuê lại đất, ... áp dụng cho khu công nghiệp làm ảnh hưởng đến hợp đồng này thì hai bên sẽ ký Hợp đồng bổ sung cho phù hợp.

Hai bên đã hiểu rõ quyền, nghĩa vụ, lợi ích hợp pháp của mình và hậu quả pháp lý của việc giao kết Hợp đồng này.

Hợp đồng này thay thế các Hợp đồng thuê lại đất số 04/HD-TLD-A ngày 22/6/2006, Hợp đồng bổ sung số 04a/HĐBS-TLD-A ngày 23/6/2010 và Hợp đồng số 15/HD-TLD-A ngày 12/12/2009 giữa Công ty TNHH Hoàng Hưng với Công ty Phát triển hạ tầng các KCN Bình Định.

Hợp đồng thuê lại đất gắn kết cấu hạ tầng KCN được lập thành 07 bản, Bên A giữ 4 bản, Bên B giữ 1 bản, đồng gửi Sở Tài nguyên & Môi trường, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định.



KCN PHÚ TÀI GIAI ĐOẠN I, II, III.
SƠ ĐỒ MẶT BẰNG CÔNG TY TNHH HOÀNG HƯNG.



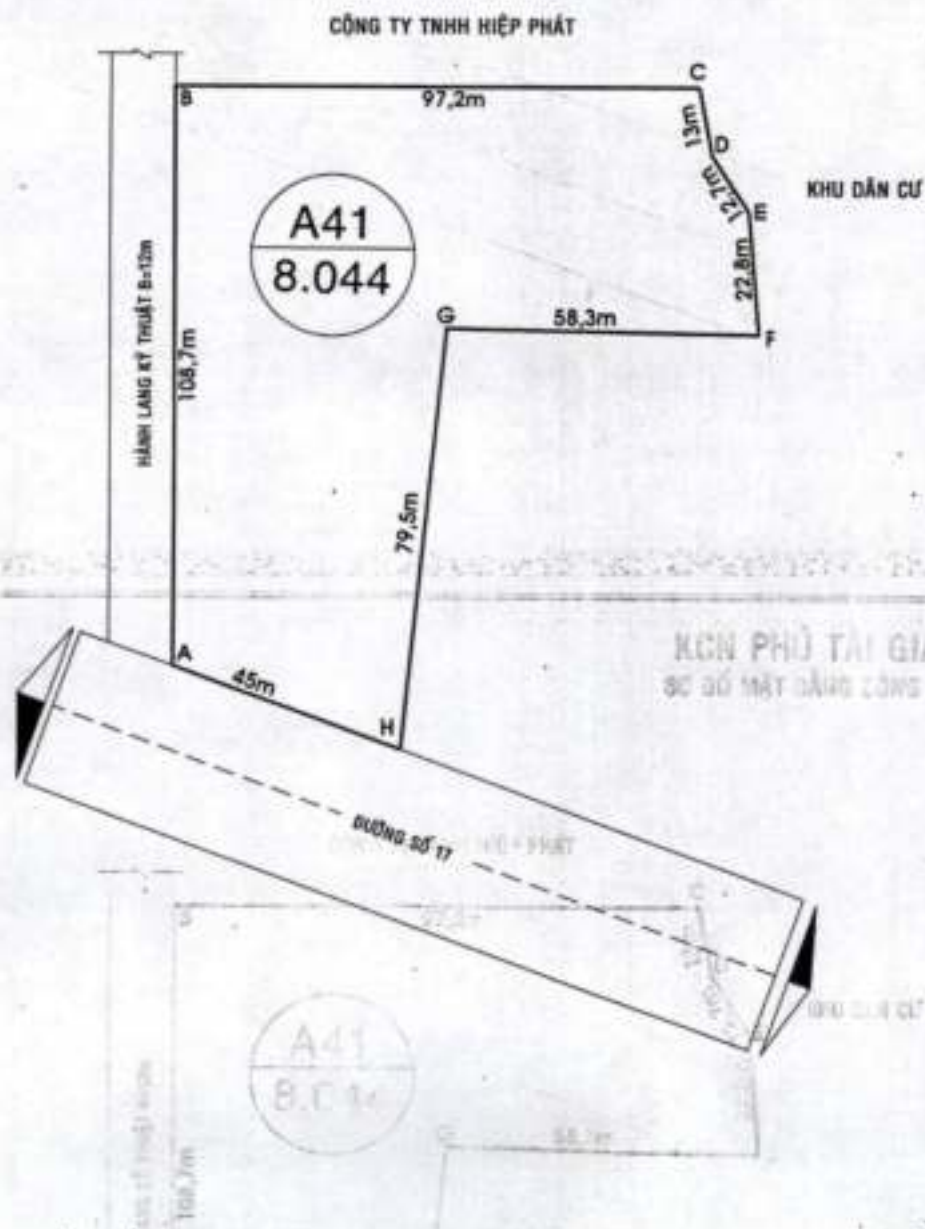
THUYẾT MINH:

- 1/ Diện tích theo Hợp đồng đã ký: 17.246,25m²
- 2/ Diện tích đo thực tế:
- Lô đất B27 được giới hạn bởi các cọc mốc: A, B, C, D, E, F.
Diện tích: S_{đo} = 17.037m².
- 3/ Chênh lệch diện tích giảm đi: (1) - (2):
17.246,25 - 17.037 = 209,25m²

Quy Nhơn, ngày 22 tháng 12 năm 2010
CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH ĐỊNH
GIÁM ĐỐC
Vương Phiêu Linh

CÔNG TY TNHH HOÀNG HƯNG
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
Ph. Minh Thiện

KCN PHÚ TÀI GIAI ĐOẠN I, II, III.
SƠ ĐỒ MẶT BẰNG CÔNG TY TNHH HOÀNG HƯNG.



THUYẾT MINH:

- 1/ Diện tích theo Hợp đồng đã ký: 7.923,5m².
- 2/ Diện tích đo thực tế:
- Lô đất 818 được giới hạn bởi các cọc mốc: A, B, C, D, E, F, G, H.
Diện tích: S_{actuel} = 8.044m².
- 3/ Chênh lệch diện tích tăng: (2) - (1)
= 8.044 - 7.923,5 = 120,5m².

Quy định, ngày 27 tháng 12 năm 2010
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH ĐỊNH



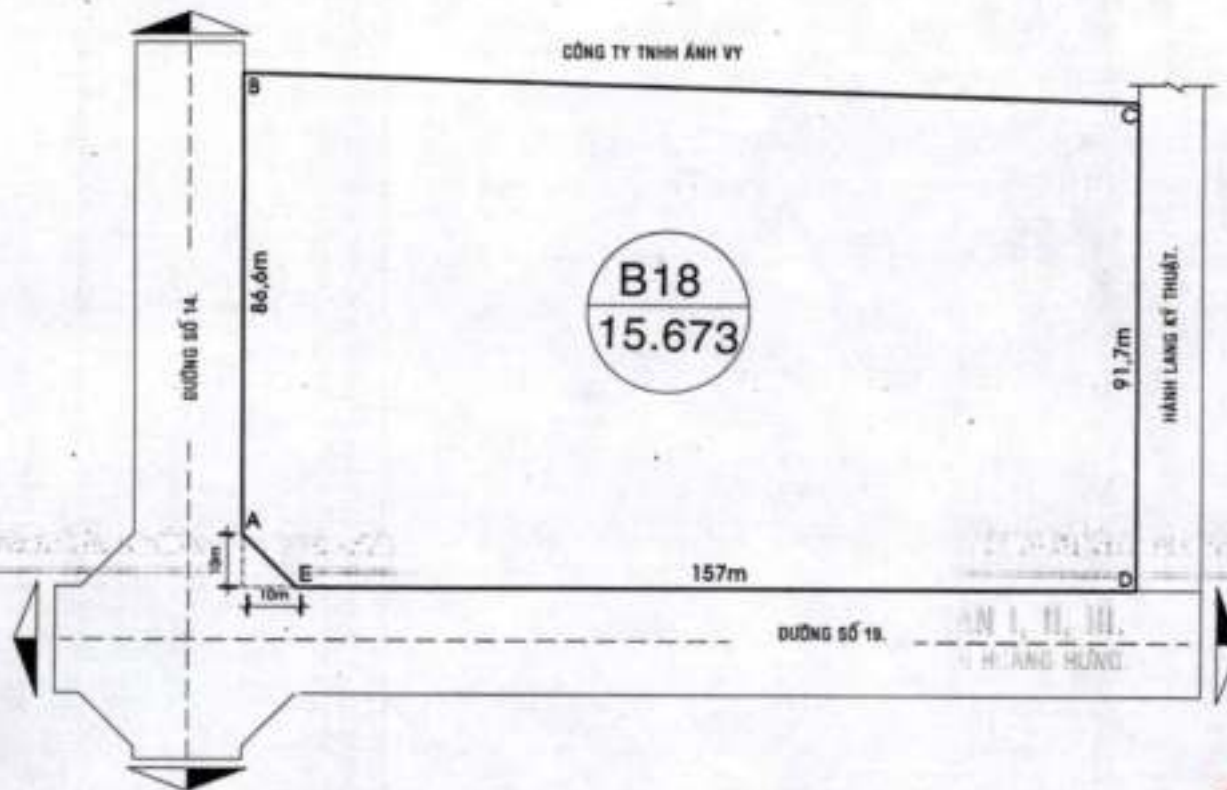
GIÁM ĐỐC

Vương Phiêu Linh



Lê Minh Thiện

KCN PHÚ TÀI GIAI ĐOẠN I, II, III.
SƠ ĐỒ MẶT BẰNG CÔNG TY TNHH HOÀNG HƯNG.



THUYẾT MINH:

- 1/ Diện tích theo Hợp đồng đã ký: 14.400m².
- 2/ Diện tích đo thực tế:
- Lô đất B18 được giới hạn bởi các cọc mốc: A, B, C, D, E.
Diện tích: S_{act} = 15.673m².
- 3/ Chênh lệch diện tích tăng: (2) - (1)
= 15.673 - 14.400 = 1.273m².



Đ. Minh Thiện



Vương Thiên Linh

XÁC NHẬN
CỦA TRƯỞNG BAN QUẢN LÝ KKT BÌNH ĐỊNH

Ngày 09 tháng 5 năm 2011 (ngày chín, tháng năm, năm hai nghìn không trăm mười một), tại Văn phòng Ban Quản lý Khu kinh tế Bình Định, Số nhà 65, đường Tây Sơn, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam. Tôi: Man Ngọc Lý, chức vụ: Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế Bình Định.

XÁC NHẬN:

- Hợp đồng thuê lại quyền sử dụng đất gắn kết cầu hạ tầng được giao kết giữa Bên cho thuê là Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Định, người đại diện là ông Vương Phiêu Linh, chức vụ Giám đốc và Bên thuê là Công ty TNHH Hoàng Hưng, người đại diện là ông Lê Minh Thiện, chức vụ Giám đốc; các bên đã tự nguyện thoả thuận giao kết Hợp đồng này;

- Tại thời điểm xác nhận, các bên đã giao kết Hợp đồng có năng lực hành vi dân sự phù hợp theo quy định của pháp luật;

- Mục đích, nội dung thoả thuận của các bên trong Hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội;

- Đối tượng của Hợp đồng là có thật;

- Các bên giao kết đã đọc kỹ Hợp đồng này, đã đồng ý toàn bộ nội dung ghi trong Hợp đồng và đã ký vào Hợp đồng này trước sự có mặt của tôi.

- Hợp đồng này được làm thành 07 bản chính (mỗi bản chính gồm 14 tờ, 14 trang), giao cho:

+ Bên cho thuê 05 bản chính;

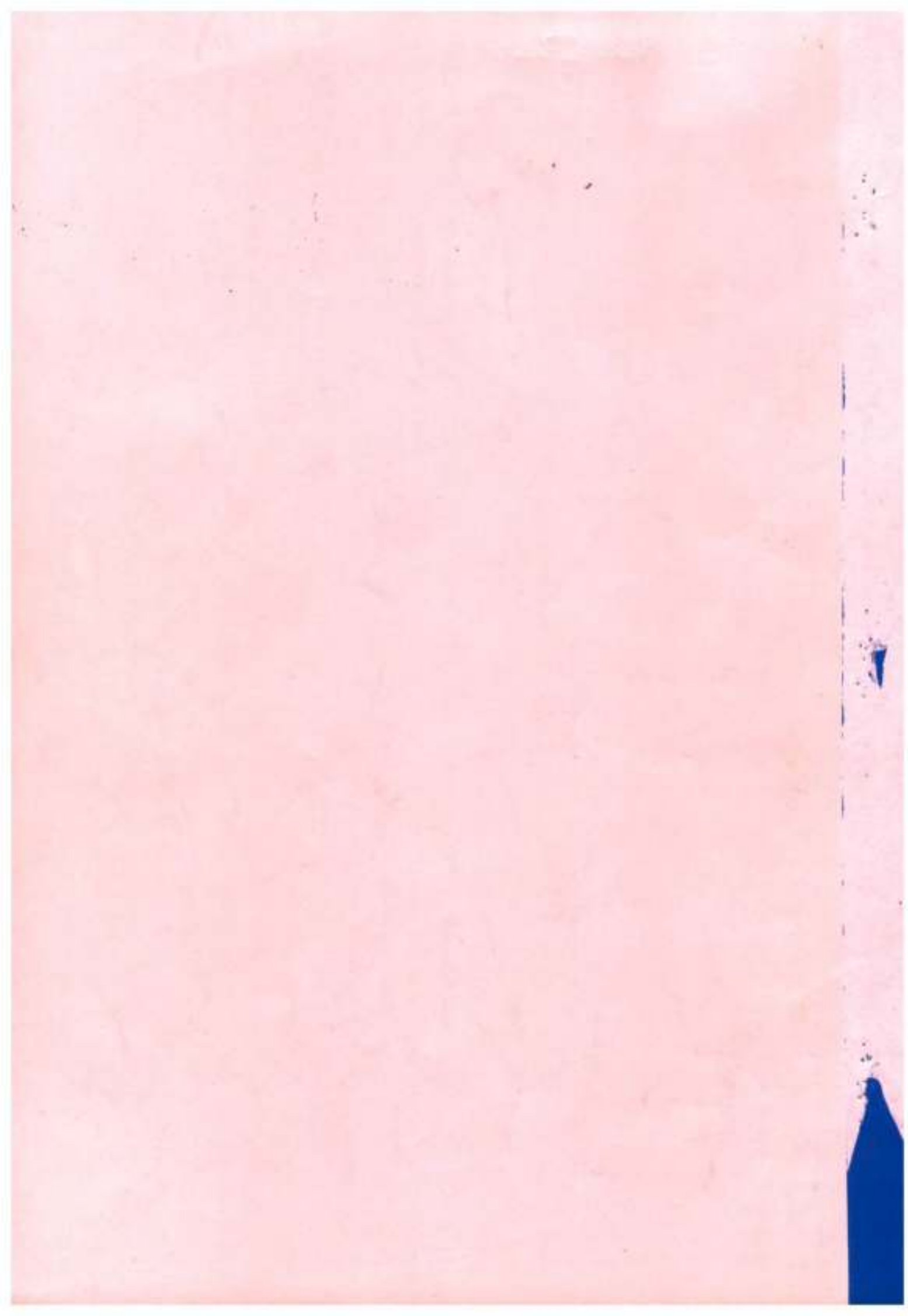
+ Bên thuê 01 bản chính;

Lưu tại Phòng Tài nguyên - Môi trường, Ban Quản lý Khu kinh tế Bình Định 01 bản chính./.

Số: 15, quyền số 01 /BQL- XNHĐTLD./



Man Ngọc Lý



UBND TỈNH BÌNH ĐỊNH
BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ

Số: 1024 /BQL-TNMT

"Về việc chuyển đổi thủ tục thuê lại đất từ Công ty TNHH TM SXKD Thành Vy sang Công ty TNHH Hoàng Hưng tại KCN Phú Tài giai đoạn I, II, III".

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quy Nhơn, ngày 03 tháng 12 năm 2009

Kính gửi:

- Công ty PTHT các KCN Bình Định,
- Công ty TNHH Hoàng Hưng.

Xét đề nghị của Công ty TNHH Hoàng Hưng tại văn bản số 12-09/CV-HH ngày 26/10/2009 và của Công ty PTHT các KCN Bình Định tại văn bản số 758/PTHT ngày 21/11/2009 về việc chuyển đổi thủ tục thuê lại đất từ Công ty TNHH TM SXKD Thành Vy sang Công ty TNHH Hoàng Hưng tại KCN Phú Tài giai đoạn I, II, III, Ban Quản lý Khu kinh tế có ý kiến như sau:

1. Theo hợp đồng sáp nhập Công ty TNHH TM SXKD Thành Vy vào Công ty TNHH Hoàng Hưng, thống nhất chuyển đổi chủ sở hữu đối với việc thuê lô đất B₂₁ diện tích 14.400m², một phần lô đất B₁₄ diện tích 7.923,5m² (phần đất còn lại của lô đất B₁₄ sẽ xem xét giải quyết sau khi hoàn thành công tác bồi thường GPMB theo chủ trương khoanh vùng của tỉnh) thuộc KCN Phú Tài giai đoạn I, II, III từ Công ty TNHH TM SXKD Thành Vy sang Công ty TNHH Hoàng Hưng để tiếp tục hoạt động sản xuất kinh doanh nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu (có sơ đồ trích lục đính kèm).

2. Công ty TNHH Hoàng Hưng có trách nhiệm:

- Trình cấp có thẩm quyền điều chỉnh pháp nhân đối với quy hoạch tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500, hồ sơ môi trường theo quy định.
- Ký hợp đồng thuê lại đất với Công ty PTHT các KCN và nộp tiền thuê đất gắn với kết cấu hạ tầng theo quy định.

3. Công ty PTHT các KCN Bình Định có trách nhiệm thống nhất với Công ty TNHH Hoàng Hưng về xác lập hợp đồng thuê đất gắn kết cấu hạ tầng từ Công ty TNHH TM SXKD Thành Vy trước đây để bảo đảm tính liên tục và hợp pháp theo quy định.

Đề nghị Công ty PTHT các KCN Bình Định và Công ty TNHH Hoàng Hưng triển khai thực hiện.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng QH-XD;
- Lưu: VT, TNMT (S₁).

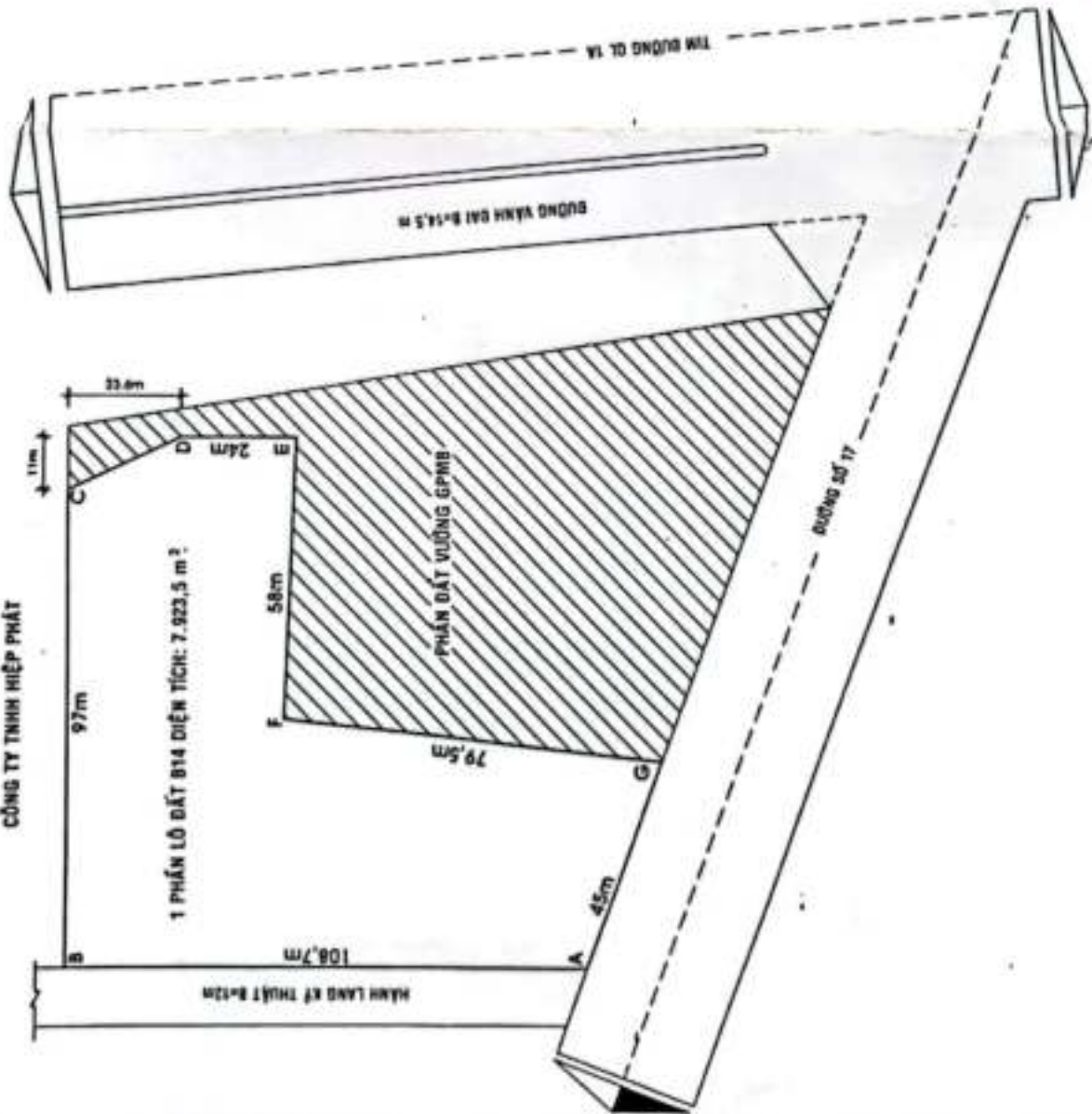


Man Ngọc Lý

KHU CÔNG NGHIỆP PHÚ TÀI GIAI ĐOẠN I, II, III.

SƠ ĐỒ TRÍCH LỤC 1 PHẦN LÔ ĐẤT 814 CHUYỂN GIAO TỪ CÔNG TY TNHH TM SX KĐ THÀNH VY SANG CHO CÔNG TY TNHH HOÀNG HÙNG

CÔNG TY TNHH HIỆP PHÁT



BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ BÌNH ĐỊNH

(Ban hành kèm theo văn bản số: *22/2009* BQL-KNTT Ngày *08/12/2009*)



Man Ngoc Ly

THUYẾT MINH:

- 1/ THEO VĂN BẢN SỐ 857/BQL-KNTT NGÀY 10/11/2009 CỦA BQL KHU KINH TẾ BÌNH ĐỊNH VỀ VIỆC THAY ĐỔI PHÁP NHÃN THUẾ ĐẤT GIỮA CÔNG TY TNHH TM SX KĐ THÀNH VY CHUYỂN SANG CHO CÔNG TY TNHH HOÀNG HÙNG TẠI KCN PHÚ TÀI GIAI ĐOẠN I, II, III CÔNG TY PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG CÁC KCN BÌNH ĐỊNH TRÍCH LỤC LÔ ĐẤT 821 KINH ĐỂ NGHỊ BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ BÌNH ĐỊNH XEM XÉT.
- 2/ PHẦN LÔ ĐẤT 814 ĐƯỢC GIỚI HẠN BỞI CÁC CẠC MỐC: A, B, C, D, E, F, G.
- 3/ DIỆN TÍCH: 7.923,5 M².
- 4/ GIỚI CẠM LÔ ĐẤT:
 - PHÍA ĐÔNG GIÁP KHU DÂM CỨ.
 - PHÍA TÂY GIÁP HÀNH LANG KỸ THUẬT.
 - PHÍA NAM GIÁP ĐƯỜNG SỐ 17.
 - PHÍA BẮC GIÁP CÔNG TY TNHH HIỆP PHÁT.

BQL KHU KINH TẾ BÌNH ĐỊNH
CÔNG TY TNHH CÁC KCN

KCN PHÚ TÀI GIAI ĐOẠN I, II, III.

SƠ ĐỒ TRÍCH LỤC LÔ ĐẤT 814 CHUYỂN GIAO TỪ CÔNG TY TNHH TM SX KĐ THÀNH VY SANG CHO CÔNG TY TNHH HOÀNG HÙNG

CHỦ TRÌ

NS: TRẦN HỮU TOÀN

TỶ LỆ 1/1000

DO VẼ

NS: HỒ TRẦN CÔNG TRUNG

NS: LÊ VĂN VIỆT

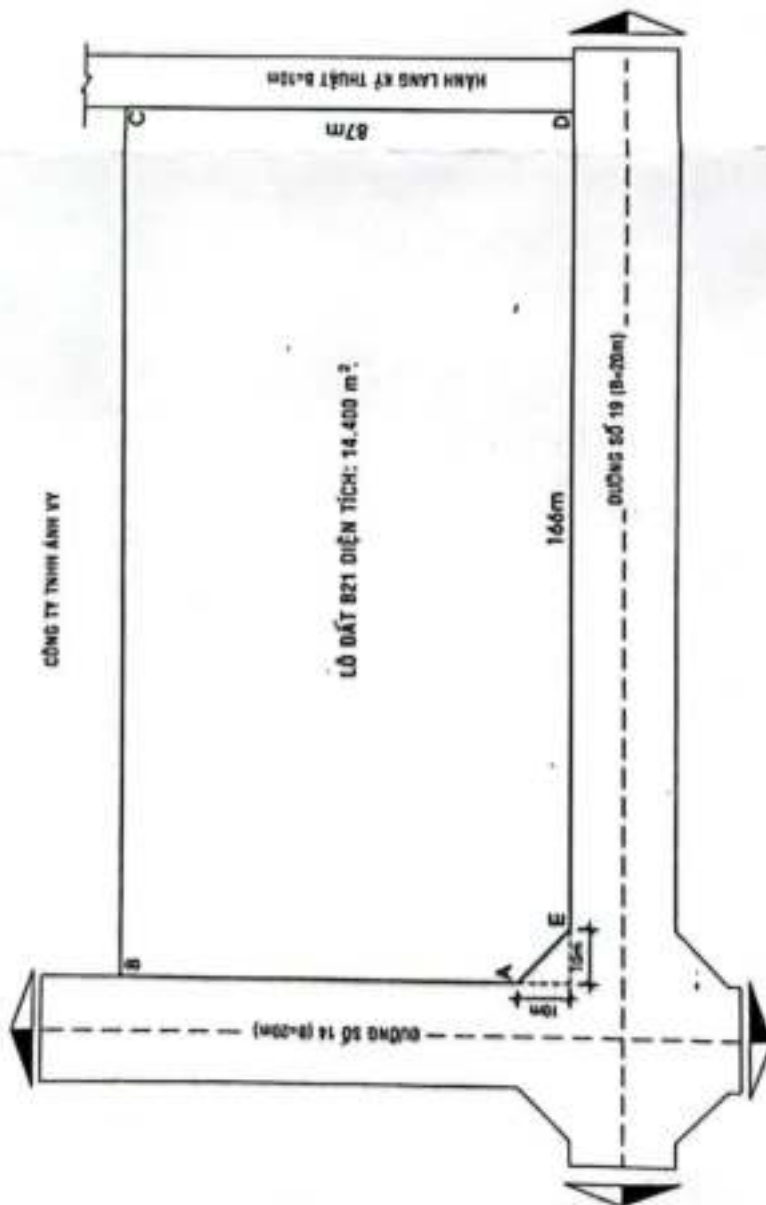
HT 11/2009



VƯƠNG PHIẾU LINH

KHU CÔNG NGHIỆP PHÚ TÀI GIAI ĐOẠN I, II, III.

SƠ ĐỒ TRÍCH LỤC LÔ ĐẤT B21 CHUYỂN GIAO TỪ CÔNG TY TNHH TM SX KĐ THÀNH VY SANG CHO CÔNG TY TNHH HOÀNG HƯNG.



BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ BÌNH ĐỊNH

(Ban hành kèm theo văn bản số 1244/BQL-UBND ngày 04/12/2009)

TRƯỜNG BÀU



Man Ngoc Ly

THUYẾT MINH:

1/ THEO VĂN BẢN SỐ 857/BQL-UBND NGÀY 10/11/2009 CỦA BQL KHU KINH TẾ BÌNH ĐỊNH VỀ VIỆC THAY ĐỔI PHÁP NHÂN THUÊ ĐẤT CỦA CÔNG TY TNHH TM SX KĐ THÀNH VY CHUYỂN SANG CHO CÔNG TY TNHH HOÀNG HƯNG TẠI KCN PHÚ TÀI GIAI ĐOẠN I, II, III. CÔNG TY PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG CÁC KCN BÌNH ĐỊNH TRÍCH LỤC LÔ ĐẤT B21 KINH ĐỂ NGHỊ BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ BÌNH ĐỊNH XEM XÉT.

2/ PHẠM LỘ ĐẤT B21 ĐƯỢC GIỚI HẠN BỞI CÁC CỤC MỐC A, B, C, D, E.

3/ DIỆN TÍCH: 14.400 M².

4/ GIỚI CẠM LỘ ĐẤT:

- PHÍA CÔNG GIÁP HÀNH LANG KỸ THUẬT.
- PHÍA TÂY GIÁP ĐƯỜNG SỐ 14.
- PHÍA NAM GIÁP ĐƯỜNG SỐ 19.
- PHÍA BẮC GIÁP CÔNG TY TNHH ÁNH VY.

BQL KHU KINH TẾ BÌNH ĐỊNH CÔNG TY TNHH CÁC KCN		KCN PHÚ TÀI GIAI ĐOẠN I, II, III.		
GIÁM ĐỐC 		SƠ ĐỒ TRÍCH LỤC LÔ ĐẤT B21 CHUYỂN GIAO TỪ CÔNG TY TNHH TM SX KĐ THÀNH VY SANG CHO CÔNG TY TNHH HOÀNG HƯNG	CHỦ TRÌ	TỶ LỆ 1/1000
			KS: TRẦN HỮU TOÀN	
			KS: HỒ TRẦN CÔNG TRUNG	
			KS: LÊ VĂN VIỆT	
VƯƠNG PHIẾU LINH			DO VẼ	HT 11/2009

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH ĐỊNH**

Số : 368 /ĐTXD-QLHT-MT

V/v phúc đáp Văn bản số 26/CV-HH
ngày 19/10/2022 của Công ty TNHH
Hoàng Hưng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Quy Nhơn, ngày 24 tháng 10 năm 2022

Kính gửi: Công ty TNHH Hoàng Hưng.

Ngày 19/10/2022 Công ty TNHH Hoàng Hưng có Văn bản số 26/CV-HH về việc đề nghị xác nhận tên lô đất. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Định (Chủ đầu tư KCN Phú Tài) phúc đáp như sau:

Theo Quy hoạch điều chỉnh KCN Phú Tài đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1471/QĐ-CTUBND ngày 12/7/2010 thì tên một số lô đất trong KCN Phú Tài có sự thay đổi để phù hợp với các phân khu chức năng ngành nghề sản xuất trong KCN. Đối với các lô đất Công ty TNHH Hoàng Hưng thuê lại đất với Chủ đầu tư KCN Phú Tài cụ thể như sau:

Số thứ tự	Tên lô đất theo Quy hoạch cũ	Tên lô đất được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1471/QĐ-CTUBND ngày 12/7/2010	Theo Hợp đồng đã ký với Chủ đầu tư KCN
1	A14	B27	B27
2	A9	B18	B18
3	B14	A41	A41

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Định xác nhận đề Công ty TNHH Hoàng Hưng có cơ sở thực hiện các hồ sơ thủ tục liên quan./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Công ty;
- Lưu: VT, QLHT-MT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Võ Đình Luyện

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

Số: 18 /GPXD

- Căn cứ Quyết định số 34/QĐ-UBND ngày 12/10/2007 của UBND tỉnh Bình Định về việc ban hành quy định việc cấp giấy phép xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Bình Định.

- Căn cứ Quyết định số 2565/QĐ-CTUBND ngày 06/10/2009 của UBND tỉnh Bình Định về việc Ủy quyền và phân công nhiệm vụ cho Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định.

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH BÌNH ĐỊNH

1. Cấp cho: Công ty TNHH Hoàng Hưng.

Địa chỉ: Lô A14 KCN Phú Tài giai đoạn I, II, III, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn. Số điện thoại: 056. 3741577

2. Được phép xây dựng công trình theo những nội dung sau:

2.1. Tên công trình: Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa.

2.2. Địa điểm xây dựng: Lô A14 và lô A9 KCN Phú Tài giai đoạn I, II, III.

2.3. Ranh giới xây dựng:

- Công trình xây dựng phải nằm trong ranh giới khu đất theo đúng quy hoạch tổng mặt bằng được duyệt và tuyệt đối không được vi phạm ranh giới quy hoạch.

2.4. Nội dung xây dựng:

Các hạng mục xin phép xây dựng gồm:

- Nhà trưng bày sản phẩm (thuộc lô A 14): Diện tích xây dựng 1.560m² (26mx60m); chiều cao 9,91m; móng, trụ BTCT (đến cos +0.300); kết cấu khung kèo thép; (từ cos + 0.000) trở lên đầu hồi khung trụ giằng bê tông cốt thép, xây tường bao bằng gạch ống 6 lỗ dày 200.

- Nhà xưởng sản xuất (thuộc lô A9): diện tích xây dựng 3.360m² (30mx112m); chiều cao 10,67m; móng, trụ BTCT (đến cos +0.200); kết cấu khung kèo thép; (từ cos + 0.000) trở lên đầu hồi khung trụ giằng BT cốt thép, xây tường bao bằng gạch ống 6 lỗ dày 200.

- Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 01 năm kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải xin gia hạn giấy phép.

3. Chủ đầu tư phải thực hiện các nội dung sau đây:

- Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liên kề.

- Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về độ an toàn kết cấu chịu lực của công trình.

- Phải thực hiện đúng các quy định của Pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.

- Phải thông báo cho cơ quan cấp phép xây dựng đến kiểm tra khi định vị công trình, xây móng.

- Xuất trình Giấy phép xây dựng cho Chủ đầu tư hạ tầng KCN trước khi khởi công xây dựng công trình.

- Khi cần thay đổi thiết kế, diện tích xây dựng công trình thì phải báo cáo và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép xây dựng.

Quy Nhơn, ngày 30. tháng 7. năm 2010

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Hoàng Hưng;

- Công ty PTHT các KCN;

- Lưu: VP, P.QHXD.

[Signature]



TRƯỞNG BAN

[Signature]

Man Ngọc Lý

GIA HẠN, ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP

1. Nội dung gia hạn, điều chỉnh:

.....

.....

.....

.....

2. Thời gian có hiệu lực của giấy phép:

Quy Nhơn, ngày.....tháng..... năm.....

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

Số: LA /GPXD

- Căn cứ Quyết định số 34/QĐ-UBND ngày 12/10/2007 của UBND tỉnh Bình Định về việc ban hành quy định việc cấp giấy phép xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Bình Định.

- Căn cứ Quyết định số 2565/QĐ-CTUBND ngày 06/10/2009 của UBND tỉnh Bình Định về việc Ủy quyền và phân công nhiệm vụ cho Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định.

- Căn cứ Quyết định số 343/QĐ-BQL ngày 11/3/2010 của Trưởng ban Ban Quản lý KTT về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết mặt bằng tổng thể tỷ lệ 1/500 Công ty TNHH Hoàng Hưng.

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH BÌNH ĐỊNH

1. Cấp cho: Công ty TNHH Hoàng Hưng..

Địa chỉ: Lô B 27 Khu công nghiệp Phú Tài

Số điện thoại: 056.3741577

2. Được phép xây dựng công trình theo những nội dung sau:

2.1. *Tên công trình:* Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa.

2.2. *Địa điểm xây dựng:* Lô B18 KCN Phú Tài - phường Trần Quang Diệu - thành phố Quy Nhơn.

2.3. *Ranh giới xây dựng:*

Công trình xây dựng phải nằm trong ranh giới khu đất theo đúng quy hoạch tổng mặt bằng được duyệt và tuyệt đối không được vi phạm ranh giới quy hoạch.

2.4. *Nội dung xây dựng:*

- *Cụm lò sấy hơi nước:* Diện tích xây dựng 804m² (13,5mx59,55m); chiều cao 8,4m; móng tường xây đá chẻ; móng trụ BTCT; kết cấu khung trụ Bê tông cốt thép từ cos ±0.000 (cao trung bình 0,3 m tính từ mặt bằng chủ đầu tư hạ tầng KCN đã san nền) trở lên; tường xây gạch, mái lợp tôn.

- Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 01 năm kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải xin gia hạn giấy phép.

3. Chủ đầu tư phải thực hiện các nội dung sau đây:

- Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liền kề.

- Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về độ an toàn kết cấu chịu lực của công trình.

- Phải thực hiện đúng các quy định của Pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.
- Phải thông báo cho cơ quan cấp phép xây dựng đến kiểm tra khi định vị công trình, xây móng.
- Xuất trình Giấy phép xây dựng cho Chủ đầu tư hạ tầng KCN trước khi khởi công xây dựng công trình.
- Khi cần thay đổi thiết kế, diện tích xây dựng công trình thì phải báo cáo và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép xây dựng.

Bình Định, ngày 18 tháng 5 năm 2012

Nơi nhận:

- Cty TNHH Hoàng Hưng;
- Cty CPĐT và Xây dựng Bình Định;
- Lưu: VP, P.QHXD.



Man Ngọc Lý

GIA HẠN, ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP

1. Nội dung gia hạn, điều chỉnh:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Thời gian có hiệu lực của giấy phép:

Bình Định, ngày.....tháng..... năm.....

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH BÌNH ĐỊNH

Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẦU TƯ

Số: 352 21 000 075

Chứng nhận lần đầu: ngày 27 tháng 4 năm 2001

Chứng nhận thay đổi lần thứ nhất: ngày 30 tháng 12 năm 2009

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh;

Căn cứ Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 149/2005/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế Xuất khẩu, Thuế Nhập khẩu;

Căn cứ Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế Thu nhập Doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định về Khu Công nghiệp, Khu Chế xuất, Khu Kinh tế;

Căn cứ Quyết định số 1127/QĐ-TTg ngày 18 tháng 12 năm 1998 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Khu Công nghiệp Phú Tài, tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 591/QĐ-TTg ngày 07 tháng 5 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định;

Căn cứ Văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy phép Đầu tư và hồ sơ kèm theo do Công ty TNHH Hoàng Hưng nộp ngày 15 tháng 12 năm 2009 và nộp bổ sung ngày 25 tháng 12 năm 2009,

TRƯỞNG BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH BÌNH ĐỊNH

Chứng nhận:

CÔNG TY TNHH HOÀNG HƯNG

*(Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Kinh doanh Xuất Nhập khẩu
Thành Vy sáp nhập vào Công ty TNHH Hoàng Hưng)*

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 35 02 000 238 do Phòng Đăng ký Kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp ngày 17/02/2003, đăng ký thay đổi lần thứ tám ngày 16/10/2009.

Địa chỉ trụ sở chính: Lô 14A, Khu Công nghiệp Phú Tài, Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Điện thoại: 056 3741109

Fax: 056 3641171

Dại diện bởi: Ông Lê Minh Thiện

Sinh ngày: 03/9/1962

Quốc tịch: Việt Nam

Ngày cấp: 06/4/1999

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 21, đường Phạm Hồng Thái, Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Chỗ ở hiện nay: Số 21, đường Phạm Hồng Thái, Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Chức vụ: Giám đốc

Dân tộc: Kinh

CMND số: 211707284

Nơi cấp: Công an tỉnh Bình Định

Thực hiện Dự án đầu tư với nội dung sau:

Điều 1. Tên Dự án đầu tư:

NHÀ MÁY CHẾ BIẾN LÂM SẢN XUẤT KHẨU VÀ TIÊU THỤ NỘI ĐỊA

(Dự án được Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Bình Định cấp Giấy phép Đầu tư số 20 / GP-KCN-BĐ ngày 27 tháng 4 năm 2001 cho Công ty TNHH Sản xuất Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Thành Vỹ)

Điều 2. Mục tiêu và Quy mô của Dự án:

Đầu tư cơ sở sản xuất kinh doanh, chế biến hàng lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa, công suất 6.000 m³ quy tròn / năm.

Điều 3. Địa điểm thực hiện Dự án:

Lô B21, Khu Công nghiệp Phú Tài, Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Diện tích đất dự kiến sử dụng: 14.392 m²

Điều 4. Tổng vốn đầu tư:

4.352.000.000 VNĐ

Trong đó:

Xây lắp:

2.810.000.000 VNĐ

Máy móc, thiết bị:

1.172.000.000 VNĐ

Chi phí khác:

170.000.000 VNĐ

Dự phòng chi:

200.000.000 VNĐ

Loại vốn:

Tiền mặt

Nguồn vốn:

Doanh nghiệp tự huy động và vốn vay

Điều 5. Thời hạn hoạt động của Dự án:

Kể từ ngày cấp Giấy Chứng nhận Đầu tư đến ngày 31/12/2048.

Điều 6. Tiến độ thực hiện Dự án:

Từ tháng 6/2001 đến tháng 12/2001

Điều 7. Các ưu đãi đối với Dự án:

a. Miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu để tạo tài sản cố định theo quy định tại điểm 6, Điều 16, Nghị định số 149/2005/NĐ-CP ngày 08/12/2005 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu.

b. Các ưu đãi khác theo quy định hiện hành.

Điều 8. Triển khai thực hiện Dự án:

Nhà Đầu tư có trách nhiệm triển khai thực hiện Dự án Đầu tư theo đúng mục tiêu, nội dung, tiến độ cam kết và các quy định tại Giấy Chứng nhận Đầu tư; tuân thủ các quy định pháp luật về xây dựng, đất đai, môi trường, lao động, đăng ký kinh doanh, đăng ký đầu tư và pháp luật có liên quan trong quá trình triển khai thực hiện Dự án đầu tư.

Điều 9. Giấy chứng nhận đầu tư được lập thành 02 (hai) bản gốc; 01 bản cấp cho doanh nghiệp và 01 bản lưu tại Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định.

TRƯỞNG BAN



Man Ngọc Lý

BỘ CÔNG AN
CÔNG AN TỈNH BÌNH ĐỊNH
Số: 258 /TD-PCCC (.....)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu PC1
BH theo Thông tư số: 04/2004/TT-BCA
Ngày 31-3-2004

**GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

- Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001;
- Căn cứ Nghị định số 35/2003/NĐ - CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy;
- Căn cứ Thông tư số 04/2004/TT-BCA ngày 31 tháng 3 năm 2004 của Bộ Công an;
- Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt về PCCC số..... ngày 16/02/2010

của: Công ty TNHH Hoàng Hưng
Người đại diện là ông/ bà: Lê Minh Thiện Chức danh Giám Đốc
(1) PHÒNG CẢNH SÁT PCCC

CHỨNG NHẬN:

(2) **MẶT BẰNG TỔNG THỂ - HT CHỮA CHÁY VÁCH TƯỜNG - CHỐNG SÉT**

Địa điểm: Lô A9 - KCN Phú Tài - TP. Quy Nhơn - T. Bình Định

Chủ đầu tư/ chủ phương tiện: Công ty TNHH Hoàng Hưng

Đơn vị lập dự án/ thiết kế: Công ty TNHH TV-TK A.R.T

Đã được thẩm duyệt về PCCC các nội dung sau:

- Mặt bằng tổng thể;
- Hệ thống chống sét;
- Hệ thống chữa cháy vách tường.

theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.

Các yêu cầu kèm theo: (3) - Cụm lò sấy số 5 và nhà hút bụi phải cách tường bao $\geq 3,5$ m

(ĐB.11-TCVN 2622-1995 - Phòng cháy chống cháy cho nhà và công trình - Yêu cầu thiết kế)

- Công trình phải được Phòng Cảnh Sát PCCC nghiệm thu về PCCC trước khi đưa vào hoạt động.

Quy Nhơn, ngày 20 tháng 01 năm 2010

(4) TRƯỞNG PHÒNG PC23

Nơi nhận:
- Cty TNHH Hoàng Hưng;
- C23 Bộ Công An;
- Lưu PC23.



(1) Tên cơ quan Cảnh sát PCCC cấp giấy; (2) Tên dự án, công trình, hạng mục công trình và nội dung thẩm duyệt; (3) Trách nhiệm của chủ đầu tư, chủ phương tiện phải thực hiện tiếp; (4) Chức danh người ký giấy (ký tên, đóng dấu).

BIÊN BẢN KIỂM TRA
NGHIỆM THU VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY
HỆ THỐNG PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY
CÔNG TRÌNH: NHÀ XƯỞNG SẢN XUẤT

Hồi 10 giờ 30 phút ngày 17 tháng 11 năm 2017.

Tại công trình:

- Xưởng 1, địa chỉ: Lô B27, KCN Phú Tài, TP.Quy Nhơn, Bình Định.
- Xưởng 2, địa chỉ: Lô B18, KCN Phú Tài, TP.Quy Nhơn, Bình Định.
- Xưởng 3, địa chỉ: Lô A41, KCN Phú Tài, TP.Quy Nhơn, Bình Định.
- Xưởng 4, địa chỉ: Lô B2, KCN Phú Tài, TP.Quy Nhơn, Bình Định.

Hạng mục: Hệ thống Phòng cháy chữa cháy.

Chúng tôi gồm:

I. Đại diện Cảnh sát PC&CC tỉnh Bình Định:

1. Đ/c Đại tá Nguyễn Văn Hiền – Trưởng phòng Cảnh sát PC và CC
- số 2.
2. Đ/c Đại úy Huỳnh Đức Lý – Đội trưởng Phòng Hướng dẫn, chỉ đạo về phòng cháy.

II. Đại diện Chủ đầu tư: Công ty TNHH Hoàng Hưng:

1. Ông Lê Minh Thiện – Giám đốc.
2. Ông Dương Ngọc Hiếu – Phụ trách.

III. Đại diện đơn vị thi công, lắp đặt hệ thống PCCC: Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Thanh Thanh Bình:

1. Bà Lê Thị Hằng – Giám đốc.
2. Ông Cao Văn Nguyên – Chỉ huy trưởng.

Đã tiến hành kiểm tra nghiệm thu về PCCC đối với hạng mục PCCC tại các Nhà xưởng 01, 02, 03, 04.

Tình hình và kết quả kiểm tra như sau:

I. Báo cáo của chủ đầu tư:

1. Công trình: Các Nhà xưởng 01, 02, 03, 04 do Công ty TNHH Hoàng Hưng làm chủ đầu tư. Các Nhà xưởng đã đi vào hoạt động và các hạng mục xây dựng tại Nhà xưởng là hiện trạng. Nhằm thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về PCCC và để đảm bảo công tác an toàn PCCC cho công trình, Công ty đã chủ động mua sắm vật tư, phương tiện PCCC theo từng giai đoạn để triển khai lắp đặt tại nhà máy. Đến thời điểm này hệ thống PCCC lắp đặt tại các Nhà xưởng đã thi công xây dựng hoàn thiện.

2. Hệ thống PCCC trang bị tại các Nhà xưởng như sau:

- Xưởng 1 gồm: Hệ thống cấp điện cho PCCC; Hệ thống chống sét; Hệ thống chữa cháy vách tường; Trang bị phương tiện chữa cháy ban đầu.

- Xưởng 2 gồm: Hệ thống cấp điện cho PCCC; Hệ thống chống sét; Hệ thống chữa cháy vách tường; Trang bị phương tiện chữa cháy ban đầu.

- Xưởng 3 gồm: Hệ thống cấp điện cho PCCC; Hệ thống chống sét; Hệ thống chữa cháy vách tường; Trang bị phương tiện chữa cháy ban đầu.

- Xưởng 4 gồm: Hệ thống cấp điện cho PCCC; Hệ thống chống sét; Hệ thống báo cháy tự động; Hệ thống chữa cháy vách tường; Hệ thống đèn Exit và chiếu sáng sự cố; Trang bị phương tiện chữa cháy ban đầu.

Hệ thống PCCC tại các Nhà xưởng đã được Cơ quan Cảnh sát PCCC tỉnh Bình Định thẩm duyệt về PCCC theo quy định.

II. Kiểm tra hồ sơ nghiệm thu về PCCC do Chủ đầu tư chuẩn bị:

Kiểm tra nội dung hồ sơ nghiệm thu về PCCC do Chủ đầu tư chuẩn bị theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Bộ Công an: Đầy đủ.

III. Kiểm tra thực tế và tổ chức thử hoạt động các hệ thống, thiết bị PCCC của công trình:

1. Kiểm tra thực tế: Tại thời điểm kiểm tra chúng tôi nhận thấy:

- Hệ thống chống sét đánh thẳng: tại mỗi Nhà xưởng đều sử dụng 01 kim thu sét phát tia tiên đạo có bán kính bảo vệ là $R=131m$; có phiếu kết quả đo điện trở tiếp đất của hệ thống do Công ty TNHH Tư vấn xây dựng ATT thực hiện ngày 05/10/2017. Kết quả $R < 10\Omega$: đạt yêu cầu.

- Hệ thống chữa cháy vách tường:

* Xưởng 1:

+ Hệ thống chữa cháy vách tường gồm: bể nước chữa cháy có dung tích 75m³ được cấp từ nguồn nước máy của Khu công nghiệp Phú Tài theo chế độ van phao tự động, hệ thống đường ống chính và ống nhánh; lắp đặt 06 họng chữa cháy và lăng, vòi chữa cháy.

+ Tại công trình đã lắp đặt 02 máy bơm chữa cháy tại khu vực trạm bơm, có thông số kỹ thuật như sau:

Máy bơm chữa cháy động cơ điện có $H=78 - 58,3\text{m}$; $Q=450 - 1.300$ lít/phút; $P=18,5\text{kW} = 25\text{HP}$.

Máy bơm chữa cháy động cơ xăng Rabbit có $H=100 - 60\text{m}$; $Q=1500 - 2050$ lít/phút; $P=40,5\text{kW} = 55\text{HP}$.

*** Xưởng 2:**

+ Hệ thống chữa cháy vách tường gồm: bể nước chữa cháy có dung tích 75m³ được cấp từ nguồn nước máy của Khu công nghiệp Phú Tài theo chế độ van phao tự động, hệ thống đường ống chính và ống nhánh; lắp đặt 05 họng chữa cháy và lăng, vòi chữa cháy.

+ Tại công trình đã lắp đặt 02 máy bơm chữa cháy tại khu vực trạm bơm, có thông số kỹ thuật như sau:

Máy bơm chữa cháy động cơ điện có $H=78 - 58,3\text{m}$; $Q=450 - 1.300$ lít/phút; $P=18,5\text{kW} = 25\text{HP}$.

Máy bơm chữa cháy động cơ xăng Rabbit có $H=100 - 60\text{m}$; $Q=1500 - 2050$ lít/phút; $P=40,5\text{kW} = 55\text{HP}$.

*** Xưởng 3:**

+ Hệ thống chữa cháy vách tường gồm: bể nước chữa cháy có dung tích 60m³ được cấp từ nguồn nước máy của Khu công nghiệp Phú Tài theo chế độ van phao tự động, hệ thống đường ống chính và ống nhánh; lắp đặt 06 họng chữa cháy và lăng, vòi chữa cháy.

+ Tại công trình đã lắp đặt 02 máy bơm chữa cháy tại khu vực trạm bơm, có thông số kỹ thuật như sau:

Máy bơm chữa cháy động cơ điện có $H=78 - 58,3\text{m}$; $Q=450 - 1.300$ lít/phút; $P=18,5\text{kW} = 25\text{HP}$.

Máy bơm chữa cháy động cơ xăng Rabbit có $H=100 - 60\text{m}$; $Q=1500 - 2050$ lít/phút; $P=40,5\text{kW} = 55\text{HP}$.

*** Xưởng 4:**

+ Hệ thống chữa cháy vách tường gồm: bể nước chữa cháy có dung tích 80m³ được cấp từ nguồn nước máy của Khu công nghiệp Phú Tài theo chế độ van phao tự động, hệ thống đường ống chính và ống nhánh; lắp đặt 19 họng chữa cháy và lăng, vòi chữa cháy.

+ Tại công trình đã lắp đặt 02 máy bơm chữa cháy tại khu vực trạm bơm, có thông số kỹ thuật như sau:

Máy bơm chữa cháy động cơ điện có $H=78 - 58,3\text{m}$; $Q=450 - 1.300$ lít/phút; $P=18,5\text{kW} = 25\text{HP}$.

Máy bơm chữa cháy động cơ xăng Rabbit có $H=100 - 60\text{m}$; $Q=1500 - 2050$ lít/phút; $P=40,5\text{kW} = 55\text{HP}$.

- Hệ thống báo cháy tự động: lắp đặt tại Xưởng 4. Hệ thống báo cháy tự động lắp đặt tại Xưởng 4 là loại trung tâm báo cháy thông thường, có 08 kênh lắp đặt tại Phòng bảo vệ; lắp đặt 07 cặp đầu báo khói dạng tia chiếu (beam), 100 đầu báo cháy nhiệt, 64 đầu báo cháy khói, 36 nút nhấn báo cháy, 18 chuông báo cháy và các bộ phận liên kết khác của hệ thống tại các khu vực. Trung tâm báo cháy được tiếp đất bảo vệ, có phiếu kết quả đo điện trở tiếp đất của hệ thống do Công ty TNHH Tư vấn xây dựng ATT thực hiện ngày 05/10/2017. Kết quả: $R=3,01\Omega < 4\Omega$: đạt yêu cầu.

- Hệ thống đèn chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn lối thoát nạn: lắp đặt tại Xưởng 4. Đã lắp đặt 18 đèn Exit chỉ dẫn lối thoát nạn và 18 đèn chiếu sáng sự cố trên lối thoát nạn tại Nhà xưởng.

- Trang bị phương tiện chữa cháy ban đầu:

+ Xưởng 1 gồm 03 bình chữa cháy xe đẩy 35kg, 05 bình bột chữa cháy MFZ8, 05 bình bột chữa cháy MFZ4, 22 bình chữa cháy khí MT3. Ngoài ra tại công trình đã lắp đặt các bộ nội quy và tiêu lệnh chữa cháy tại các khu vực.

+ Xưởng 2 gồm 02 bình chữa cháy xe đẩy 35kg, 13 bình bột chữa cháy MFZ8, 06 bình bột chữa cháy MFZ4, 15 bình chữa cháy khí MT3. Ngoài ra tại công trình đã lắp đặt các bộ nội quy và tiêu lệnh chữa cháy tại các khu vực.

+ Xưởng 3 gồm 02 bình chữa cháy xe đẩy 35kg, 02 bình bột chữa cháy MFZ8, 05 bình bột chữa cháy MFZ4, 10 bình chữa cháy khí MT3. Ngoài ra tại công trình đã lắp đặt các bộ nội quy và tiêu lệnh chữa cháy tại các khu vực.

+ Xưởng 4 gồm 02 bình chữa cháy xe đẩy 35kg, 42 bình bột chữa cháy MFZ8, 20 bình chữa cháy khí MT3. Ngoài ra tại công trình đã lắp đặt các bộ nội quy và tiêu lệnh chữa cháy tại các khu vực.

2. Tổ chức thử hoạt động các hệ thống, thiết bị PCCC:

- Thử hoạt động của hệ thống chữa cháy vách tường: Tại mỗi xưởng tiến hành thử áp lực máy bơm bằng cách cho tổ hợp 02 máy bơm hoạt động chạy có tải, thử áp lực tại họng chờ xa, cao nhất. Nhận thấy áp lực nước tại đầu lăng phun có tia nước đạt 8m – đạt yêu cầu chữa cháy. Các bộ phận liên kết của hệ thống này hoạt động tốt, lắp đặt theo đúng thiết kế.

- Hệ thống báo cháy tự động: Tại xưởng 4 sử dụng tấm IR (tấm che chắn) che phía trước tại các đầu báo cháy beam theo xác suất để ngăn cản dòng tia hồng ngoại từ đầu phát truyền đến đầu thu. Thử sự hoạt động của các đầu báo cháy bằng cách cho khói và nhiệt tác động trực tiếp vào các đầu báo cháy khói và nhiệt theo xác suất lần lượt tại các khu vực bên trong xưởng 4. Kết quả cấp đầu báo cháy, nút ấn, chuông báo động, trung tâm báo cháy đã hoạt động theo đúng chức năng thiết kế, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật. Các bộ phận liên kết khác của trung tâm có chức năng báo lỗi, sự cố của hệ thống, chức năng báo cháy (tin hiệu âm thanh, ánh sáng), kiểm tra nguồn ắc quy dự phòng đảm bảo yêu cầu.

- Kiểm tra hệ thống đèn chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn lối thoát nạn tại Xưởng 4 bằng cách ngắt hệ thống điện lưới toàn bộ nhà xưởng, nhận thấy các đèn chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn lối thoát nạn tự động hoạt động bình thường theo đúng chức năng thiết kế, đảm bảo yêu cầu phục vụ chiếu sáng khi có sự cố xảy ra.

- Thử theo xác suất hoạt động của 01 bình bột chữa cháy MFZ8 tại mỗi xưởng, nhận thấy áp lực phun chất chữa cháy đạt yêu cầu.

IV. Kết luận và kiến nghị:

*** Kết luận:**

Về cơ bản, các thiết bị và hệ thống PCCC hiện có tại các Nhà xưởng đã được thi công lắp đặt hoàn thiện; kiểm tra xác suất hoạt động của hệ thống PCCC đảm bảo yêu cầu.

*** Kiến nghị:**

Yêu cầu Chủ đầu tư phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện các nội dung sau:

1. Cập nhật, bổ sung hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC tại cơ sở theo quy định tại Khoản 1, Điều 3 Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ Công an.

2. Đơn vị thi công, lắp đặt hệ thống PCCC phải tổ chức bàn giao công nghệ và hướng dẫn cho lực lượng tại chỗ cách thao tác, sử dụng, vận hành và bảo quản, bảo dưỡng hệ thống, thiết bị PCCC hiện đã được lắp đặt tại công trình.

3. Duy trì liên tục khả năng hoạt động bình thường của các thiết bị, hệ thống PCCC như tại thời điểm nghiệm thu.

Biên bản lập xong hồi 10 giờ 45 phút ngày 17 tháng 11 năm 2017, gồm 06 trang được lập thành 03 bản, mỗi bên giữ 01 bản. Đã đọc lại cho mọi người cùng nghe, công nhận theo nội dung biên bản và nhất trí ký tên dưới đây.

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ  GIÁM ĐỐC <i>Lê Minh Chiến</i>	ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ THI CÔNG HỆ THỐNG PCCC  GIÁM ĐỐC <i>Lê Thị Hồng</i>	ĐẠI DIỆN CS PC&CC BÌNH ĐỊNH PHÒNG CSPC &CC SỐ 2  ĐẠI TÁ <i>Nguyễn Văn Hiến</i>
---	---	---

BỘ CÔNG AN
CẢNH SÁT PC VÀ CC TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 03 /NT-PCCC

Bình Định, ngày 02 tháng 01 năm 2018

V/v nghiệm thu về PCCC hạng mục Hệ thống PCCC công trình Nhà xưởng sản xuất.

Kính gửi: Công ty TNHH Hoàng Hưng.

Theo đề nghị tại văn bản số 03/CV-HH ngày 10 tháng 11 năm 2017 về việc nghiệm thu PCCC của Công ty TNHH Hoàng Hưng; căn cứ kết quả kiểm tra nghiệm thu về PCCC tại biên bản kiểm tra do đại diện Cảnh sát PC&CC tỉnh Bình Định lập ngày 17 tháng 11 năm 2017 và hồ sơ nghiệm thu về PCCC của Công ty TNHH Hoàng Hưng.

Cảnh sát PC và CC tỉnh Bình Định đồng ý nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của Công ty TNHH Hoàng Hưng đối với hạng mục Hệ thống PCCC tại các Nhà xưởng theo các nội dung sau:

- Xưởng 1: Lô B27, KCN Phú Tài, TP.Quy Nhơn, Bình Định, gồm:

- + Hệ thống điện cấp điện cho PCCC;
- + Hệ thống chống sét;
- + Hệ thống chữa cháy vách tường;
- + Trang bị phương tiện chữa cháy ban đầu.

- Xưởng 2: Lô B18, KCN Phú Tài, TP.Quy Nhơn, Bình Định, gồm:

- + Hệ thống điện cấp điện cho PCCC;
- + Hệ thống chống sét;
- + Hệ thống chữa cháy vách tường;
- + Trang bị phương tiện chữa cháy ban đầu.

- Xưởng 3: Lô A41, KCN Phú Tài, TP.Quy Nhơn, Bình Định, gồm:

- + Hệ thống điện cấp điện cho PCCC;
- + Hệ thống chống sét;
- + Hệ thống chữa cháy vách tường;
- + Trang bị phương tiện chữa cháy ban đầu.

- Xưởng 4: Lô B2, KCN Phú Tài, TP.Quy Nhơn, Bình Định, gồm:

- + Hệ thống điện cấp điện cho PCCC;
- + Hệ thống chống sét;
- + Hệ thống báo cháy tự động;
- + Hệ thống chữa cháy vách tường;
- + Hệ thống đèn Exit và chiếu sáng sự cố;
- + Trang bị phương tiện chữa cháy ban đầu.

Để đảm bảo an toàn PCCC cho các Nhà xưởng sản xuất trong suốt quá trình sử dụng, đề nghị Công ty TNHH Hoàng Hưng thực hiện các yêu cầu kèm theo sau đây:

- Thực hiện đầy đủ các nội dung kiến nghị tại Biên bản kiểm tra nghiệm thu về PCCC ngày 17/11/2017 và các điều kiện an toàn về PCCC theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ;

- Thực hiện đúng quy định, quy trình về vận hành sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị PCCC và các hệ thống kỹ thuật khác có liên quan;

- Duy trì liên tục chế độ hoạt động của các hệ thống, thiết bị PCCC và các hệ thống kỹ thuật khác có liên quan trong suốt quá trình hoạt động như tại thời điểm nghiệm thu về PCCC. *T. Hoàng*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng CS PC&CC số 2 (th/dõi);
- Lưu: VT, P1, P2.



Đại tá Phạm Đình Trung

BIÊN BẢN KHẢO SÁT HIỆN TRƯỜNG

Thực hiện Quyết định số 77/QĐ-BQL ngày 28/3/2023 của Trưởng ban Ban Quản lý KKT quy định về tiêu chí và thang điểm phân hạng các doanh nghiệp tại các KCN và KKT Nhơn Hội theo hướng Doanh nghiệp xanh.

Hôm nay, vào lúc 08 giờ 00 phút, ngày 12 / 4 / 2024, Ban Quản lý KKT phối hợp với các đơn vị liên quan tiến hành điều tra, khảo sát, thu thập thông tin về tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường tại mặt bằng dự án của... Công ty TNHH Hoàng Hưng tại Lô B27; Lô B18; Lô B2... KCN Phú Tài...

I. Thành phần tham gia:

1. Đại diện Ban Quản lý Khu kinh tế:

- Ông/Bà: Nguyễn Thị Thanh Phụng Chức vụ: CV. PQLTNNMT
- Ông/Bà: Đỗ Thị Minh Thi Chức vụ: CV. PQLTNNMT
- Ông/Bà: Vũ Hoài Bắc Chức vụ:
- Ông/Bà: Chức vụ:

2. Đại diện các đơn vị liên quan:

- Ông/Bà: Nguyễn Quang Thụy, chức vụ: CBMT Cty CP. SX. Bê tông Bình Định
- Ông/Bà:

3. Đại diện Công ty TNHH Hoàng Hưng

- Ông/Bà: Dương Ngọc Hiếu Chức vụ: Trưởng phòng TCHC
- Ông/Bà: Chức vụ:

II. Nội dung:

2.1. Các thủ tục pháp lý về hồ sơ môi trường

1. Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường, Bản cam kết BVMT, Báo cáo đánh giá tác động môi trường, Kế hoạch BVMT, Đề án BVMT, Giấy phép môi trường của dự án được phê duyệt/xác nhận.

☒ Có

☐ Không

2. Hợp đồng thu gom, vận chuyển xử lý CTNH với đơn vị có chức năng.

☒ Có (B2, B27, B18)

☐ Không

3. Hợp đồng thu gom, vận chuyển xử lý chất thải rắn sinh hoạt với đơn vị có chức năng.

☒ Có (B2, B27, B18)

☐ Không

4. Hợp đồng thu gom, vận chuyển xử lý chất thải rắn công nghiệp với đơn vị có chức năng.

☒ Có (Biên bản thỏa thuận)

☐ Không

5. Hợp đồng đấu nối nước thải với Chủ đầu tư hạ tầng KCN/hoặc Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước (trong trường hợp không đấu nối nước thải vào hệ thống XLNT tập trung của KCN).

☒ Có

☐ Không

6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường.

- ☒ Thực hiện theo đúng quy định (báo cáo và đo đạc, lấy mẫu quan trắc đầy đủ theo quy định) (B2, B27, B18)
- ☐ Có thực hiện nhưng chưa đúng theo quy định (báo cáo và đo đạc, lấy mẫu quan trắc chưa đúng hoặc chưa đầy đủ theo quy định)
- ☒ Không thực hiện (B18 tích hợp chung vào B27)

7. Có Sổ nhật ký vận hành của hệ thống xử lý nước thải, khí thải và ghi chép đầy đủ các thông tin theo quy định.

- Thuộc đối tượng thực hiện ☐

☐ Có

☐ Không

- Không thuộc đối tượng thực hiện ☒

8. Có Biên bản bàn giao CTRCNTT phải xử lý.

- ☒ Thực hiện đầy đủ cho mỗi lần chuyển giao chất thải
- ☐ Có thực hiện nhưng không đầy đủ theo quy định
- ☐ Không thực hiện

9. Giấy phép khai thác nước mặt/nước dưới đất/hợp đồng cung cấp nước.

☒ Có

☐ Không

10. Văn bản thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải phục vụ giai đoạn vận hành dự án.

- Thuộc đối tượng thực hiện ☐

☐ Có

☐ Không

- Không thuộc đối tượng thực hiện ☒

11. Lập và gửi báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải đến cơ quan cấp Giấy phép môi trường theo quy định.

- Thuộc đối tượng thực hiện ☐

☐ Có

☐ Không

- Không thuộc đối tượng thực hiện ☒

12. Văn bản niêm yết công khai Quyết định phê duyệt ĐTM/Giấy phép môi trường.

- Thuộc đối tượng thực hiện ☐

☐ Có

☐ Không

- Không thuộc đối tượng thực hiện ☒

13. Có Văn bản báo cáo cơ quan cấp Giấy phép môi trường để được xem xét, giải quyết trong trường hợp có thay đổi so với giấy phép đã được cấp theo quy định.

☐ Có

☒ Không

2.2. Đo đạc, lấy mẫu đánh giá mẫu chất lượng môi trường tại DN

.....Thức...khí...lấy...mẫu...01...mẫu...khí...thải...lưu...lưu...lưu...B18...;...02...mẫu...khí...thải...lưu...lưu...lưu...B2...;...01...mẫu...khí...thải...lưu...lưu...lưu...B2.....

2.3. Tình hình thực hiện công tác BVMT

1. Công tác thu gom, quản lý, xử lý chất thải nguy hại (CTNH).

- Lượng CTNH phát sinh:kg/tháng hoặckg/năm. 140 kg/năm là B27+B11
44 kg/năm là B2
- Bố trí trang thiết bị/bao bì thu gom, khu vực lưu chứa CTNH theo quy định.
- ☒ Có (Bố trí tại là B27 và B2) ☐ Không

- Công tác thu gom, phân loại và quản lý CTNH trong mặt bằng.

- ☐ Có ☐ Không
- ..Năm 2023 ít hoạt động nên chưa thu gom vận chuyển xử lý rồi còn lưu kho.

2. Công tác thu gom, quản lý, xử lý chất thải công nghiệp.

- Lượng chất thải công nghiệp phát sinh:kg/tháng hoặckg/năm. 399.728 kg năm là B27+B11
310059 kg/năm là B2
- Bố trí khu vực lưu chứa chất thải công nghiệp đảm bảo có mái che, hợp vệ sinh,.... theo quy định.

- ☐ Có ☐ Không
- Bãi f. B2. Bố trí tại khu lò hơi có mái che (gỗ vụn).

- Thu gom, phân loại, lưu chứa và vận chuyển xử lý hoặc tái sử dụng theo quy định.

- ☒ Có ☐ Không

3. Công tác thu gom, quản lý, xử lý chất thải rắn sinh hoạt (CTRSH)

- Lượng CTRSH phát sinh:kg/tháng hoặcm³/tháng. 04 m³/tháng (là B27+B11)
03 m³/tháng (là B2)
- Bố trí trang thiết bị thu gom, khu vực lưu chứa CTRSH đảm bảo có mái che, hợp vệ sinh,.... theo quy định.

- ☒ Có ☐ Không

- Thu gom, phân loại, lưu chứa và vận chuyển xử lý theo quy định.

- ☒ Có ☐ Không

4. Công tác thu gom, xử lý nước thải

- Thực hiện đầu nối nước thải vào hệ thống xử lý tập trung của KCN/xây dựng hệ thống XLNT theo quy định.

- ☒ Đã thực hiện ☐ Chưa thực hiện
- Công nghệ xử lý: Nước thải sinh → bể tự hoại → đầu nối
Nước thải sản xuất (nước rửa dầu) → lắng → đầu nối

5. Công tác thu gom, xử lý khí thải.

Xây dựng công trình xử lý khí thải theo đúng phương án trong hồ sơ môi trường được duyệt hoặc không đúng với phương án đã được duyệt nhưng được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận bằng Văn bản.

☒ Đã thực hiện

☐ Chưa thực hiện

☐ Hoạt động sản xuất của DN không phát sinh khí thải

Công nghệ xử lý: Khí thải từ lò hơi → cyclone → bể nước → ống khói (L5 B18)
... Khí thải từ lò hơi → cyclone → bể nước → bể phân nước → ống thoát (B2)
... phân bón → tận thu bụi chuyên dụng → ống thoát

6. Thực hiện trồng cây xanh trên mặt bằng theo quy hoạch tổng mặt bằng được duyệt.

☐ Đạt 100% diện tích

☐ Đạt từ 90% đến <100% diện tích

☒ Đạt 70% đến 90% diện tích (L5 B2)

☒ Đạt <70% diện tích (L5 B23 và B18)

7. Tình hình vệ sinh môi trường tại mặt bằng doanh nghiệp.

- Sắp xếp nguyên liệu, sản phẩm gọn gàng, ngăn nắp

☒ Có

☐ Không

- Mặt bằng sân bãi, nhà xưởng đảm bảo vệ sinh công nghiệp

☒ Có

☐ Không

... Mặt bằng L5 B18 được đảm bảo vệ sinh

8. Thực hiện công tác PCCC, an toàn lao động và các biện pháp bảo hộ lao động cho công nhân

- Hồ sơ, trang thiết bị về PCCC đã được cơ quan có chức năng thẩm định.

☒ Đầy đủ (cho cơ sở)

☐ Chưa đầy đủ

... Bộ Sưu tập hệ thống hút khói theo QCVN 06: 2021/BXD và TCVN 5787: 2010

- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân.

☒ Đầy đủ

☐ Chưa đầy đủ

- Xảy ra cháy, nổ.

☐ Có

☒ Không

- Xảy ra tai nạn lao động.

☐ Có

☒ Không

9. Chứng nhận đạt tiêu chuẩn ISO 14001, chứng nhận đạt tiêu chuẩn OHSAS 18001/ISO 45001, chứng chỉ HSE, hoặc có các giải thưởng về môi trường.

☐ Có

☒ Không

10. Áp dụng các giải pháp sản xuất sạch hơn trong quá trình sản xuất được cơ quan có chức năng công nhận

☐ Có

☒ Không

11. Thực hiện kiểm toán năng lượng đạt yêu cầu được cơ quan có chức năng cấp Giấy chứng nhận.

☐ Có

☒ Không

12. Cán bộ có chuyên môn đào tạo về môi trường tại đơn vị.

☐ Có

☒ Không

13. Báo cáo cơ quan có thẩm quyền khi xảy ra sự cố môi trường.

☐ Có

☒ Không

14. Áp dụng công nghệ tiên tiến trong quá trình xử lý chất thải.

☐ Có

☒ Không

15. Đơn, thư phản ánh về công tác bảo vệ môi trường hoặc bị xử phạt VPHC về môi trường.

☐ Có

☒ Không

Biên bản này là cơ sở để xét bình chọn các doanh nghiệp theo hướng doanh nghiệp xanh và báo cáo Lãnh đạo Ban Quản lý Khu kinh tế xem xét, quyết định.

Biên bản được lập vào lúc h phút cùng ngày, được đọc cho các bên liên quan cùng nghe, thống nhất thông qua và ký tên dưới đây./.

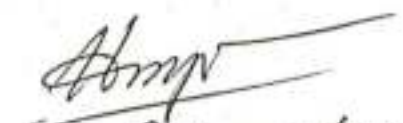
BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ

CÔNG TY TNHH...HOÀNG...HÙNG....


Nguyễn Thị Thanh Phương


Dương Ngọc Hùng

CÔNG TY CP ĐTXD BÌNH ĐỊNH


Nguyễn Quang Huy

Bình Định, ngày 12 tháng 04 năm 2024

PHIẾU ĐIỀU TRA, KHẢO SÁT, THU THẬP THÔNG TIN

Về tình hình phát sinh, thu gom, quản lý và xử lý chất thải tại các cơ sở trên địa bàn KKT Nhơn Hội và các KCN

I. THÔNG TIN CHUNG

- Tên Công ty: Công ty TNHH Hoàng Hưng
- Địa điểm thực hiện: Lô B27, B28, B2 KCN Thủ Tài
- Người đại diện cung cấp thông tin: Dương Ngọc Kiều Chức vụ Trưởng phòng TCNC
- Điện thoại liên hệ: 0935.252.125
- Ngành nghề sản xuất: Chế biến gỗ

II. NỘI DUNG ĐIỀU TRA, KHẢO SÁT

1. Công tác thu gom, quản lý, xử lý chất thải rắn sinh hoạt (CTRSH)

- Lượng CTRSH phát sinh: kg/tháng hoặc 04 m³/tháng (Lô B27+B28)
03 m³/tháng (Lô B2)
- Số lượng thùng thu gom chuyên dụng đảm bảo hợp vệ sinh:
Hoặc thiết bị thu gom khác (nếu cụ thể): 10 thùng chuyên dụng Lô B27+B28
10 thùng chuyên dụng Lô B2
- Bố trí khu vực lưu chứa CTRSH đảm bảo có mái che, hợp vệ sinh theo quy định (nếu có nêu cụ thể kích thước hoặc diện tích).
Không
- Phương pháp xử lý CTRSH (ký hợp đồng thu gom, xử lý hay phương pháp khác).
Ký hợp đồng với Công ty CP Môi trường Bình Định
- Tần suất thu gom CTRSH: lần/ngày hoặc 02 lần/tuần

2. Khối lượng và phương pháp xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh tại cơ sở, phương pháp xử lý

STT	Loại chất thải phát sinh (*)	Khối lượng (kg/năm)	Phương pháp xử lý (**)	Tên đơn vị thu gom
01	Dầu bảo 667 287 kg/năm 63kg/lô	667 287 kg/năm 63kg/lô	Hộp đóng và	Hệ cá nhân
02	Bột ulu 42 489 kg/năm cá 3kg	42 489 kg/năm cá 3kg	đơn vị là hệ cá nhân	

Ghi chú:

(*) Loại chất thải phát sinh: Các doanh nghiệp kê khai theo loại chất thải phát sinh thường xuyên tại doanh nghiệp.

(**) Phương pháp xử lý: Ví dụ tái sử dụng hoặc bán cho đơn vị khác làm nguyên liệu sản xuất hoặc thu gom cùng với rác thải sinh hoạt hoặc hợp đồng với đơn vị xử lý. Trường hợp ký hợp đồng với đơn vị xử lý ghi rõ có lập biên bản bàn giao chất thải hay không.

- Lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường tại cơ sở

☐ Không phân loại và lưu chứa cùng với khu lưu chứa rác thải sinh hoạt;

☒ Phân loại và lưu chứa riêng với các loại chất thải khác;

+ Bố trí khu vực lưu chứa CTCNNT đảm bảo theo quy định (nếu có nêu cụ thể kích thước hoặc diện tích, cao độ nền, mái che, mặt sàn có được bê tông hoá).

...Giả...bìa...lô...B18...+...B2...bộ...bi...tại...khu...lưu...chứa...có...mái...che... ..

...Dầu...bảo...lưu...chứa...trong...buồng...chứa...bùn... ..

...mùn...củ...đất...tại...khu...lưu...chứa...của...C.P...có...mái...che... ..

3. Khối lượng và phương pháp xử lý chất thải công nghiệp phải kiểm soát (CTCNPKS) và chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh tại cơ sở, phương pháp xử lý

STT	Loại chất thải phát sinh (*)	Khối lượng (kg/năm)		Phương pháp xử lý (**)	Tên đơn vị thu gom
		B18	B2		
01	Bóng đèn huỳnh quang	04	10	Ký hiệu xử lý	Công ty TNHH
02	Bao bì mềm thải	07	05		TM và MT Hậu Sanh
03	Bao bì cứng (Kẹo)	21	13		
04	Bao bì cứng (nhựa)	16	08		
05	Gỗ lau	67	04		
06	Cơm sên	25	04		
	Tổng	140	44		

4. Bố trí trang thiết bị/bao bì thu gom, khu vực lưu chứa CTCNPKS và CTNH theo quy định

- Bố trí trang thiết bị/bao bì thu gom, khu vực lưu chứa chất thải

☒ Có

☐ Không

- Mặt sàn bên trong khu vực lưu giữ chất thải bảo đảm kín khít, không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào.

☒ Có

☐ Không

- Mái che kín nắng, mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ chất thải

☒ Có

☐ Không

- Trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa);... theo quy định

☒ Có

☐ Không

- Có biển cảnh báo (kích thước mỗi chiều tối thiểu 30cm), có dán mã chất thải theo quy định.

☒ Có

☐ Không

5. Đơn vị có tham gia lớp tập huấn về công tác BVMT hằng năm do Ban Quản lý KKT tổ chức

☒ Có

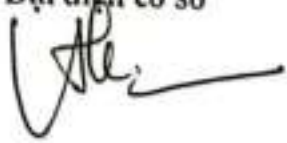
☐ Không

6. Kiến nghị của cơ sở

Cán bộ khảo sát


Nguyễn Thị Thanh Phương

Đại diện cơ sở


Dương Ngọc Hùng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG
THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
Số: 29 /2020/HĐ-XLNT

Căn cứ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 24/11/2015;

Căn cứ Quyết định số 4522/QĐ-UBND ngày 15/12/2015 của UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt đơn giá xử lý nước thải từ năm 2016 đến năm 2018 của Trạm xử lý nước thải tập trung KCN Phú Tài;

Căn cứ Quyết định số 404/QĐ-ĐTXD ngày 13/4/2012 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Định về việc quy định cấp độ xử lý nước thải theo từng loại hình sản xuất của các doanh nghiệp trong KCN Phú Tài và Long Mỹ.

Hôm nay, ngày 01 tháng 6 năm 2020 tại văn phòng Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Bình Định, chúng tôi gồm các Bên dưới đây:

1. CÔNG TY TNHH HOÀNG HƯNG (gọi tắt là bên A):

- Địa chỉ : Lô B27, B18, KCN Phú Tài, phường Trần Quang Diệu, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.
- Người đại diện : Ông **Lê Minh Thiện** Chức vụ: Giám đốc
- Điện thoại : 056 3741109 Fax: 0563641171
- Mã số thuế : 4100480974
- Tài khoản số : 0051000021858 tại Chi nhánh Ngân hàng VCB Phú Tài.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100480974 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp lần đầu ngày 17/02/2003, đăng ký thay đổi lần thứ chín ngày 24/8/2011.

2. CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH ĐỊNH (gọi tắt là bên B):

- Địa chỉ : 338 Lạc Long Quân, phường Trần Quang Diệu, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.
- Người đại diện : Ông **Phạm Văn Thành** Chức vụ: Giám đốc
- Điện thoại : (0256) 3841517 - 3641201
- Mã số thuế : 41 01137 456
- Số tài khoản : 58110000026728 tại Chi nhánh Ngân hàng TMCP ĐPTT Phú Tài.

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4101137456 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp ngày 01/9/2010, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 30/11/2017.



Sau khi bàn bạc và thảo luận, hai Bên thống nhất ký Hợp đồng thực hiện thu gom, xử lý nước thải với các điều khoản sau:

Điều 1. Nội dung công việc, điều kiện tiếp nhận nước thải:

- Bên B nhận thu gom, xử lý nước thải của Bên A đã qua xử lý sơ bộ vào hệ thống xử lý nước thải tập trung KCN Phú Tài tại hố ga góc tường rào phía Đông Nam lô B18, hố ga góc tường rào phía Đông Bắc lô B27, hố ga góc tường rào phía Tây Nam lô B2 của doanh nghiệp.

- Yêu cầu chất lượng: Trước khi xả thải vào hệ thống xử lý nước thải tập trung KCN Phú Tài, nước thải của Bên A phải được xử lý sơ bộ và đạt cấp độ 1,5C theo Bảng quy định cấp độ xử lý nước thải ban hành kèm theo Quyết định số 404/QĐ-ĐTXD ngày 13/4/2012 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Định, được Bên B lấy mẫu nước thải làm phân tích thí nghiệm sau khi đạt kết quả tiêu chuẩn cho phép.

- Bên A chịu trách nhiệm tự kiểm soát cấp độ và chất lượng nước thải trong phạm vi doanh nghiệp cho phù hợp với yêu cầu trên. Trường hợp nồng độ nước thải từ doanh nghiệp chảy vào hệ thống xử lý tập trung không đảm bảo theo quy định (vượt quá cấp độ 1,5C) thì Bên B sẽ từ chối tiếp nhận nước thải của Bên A.

Điều 2. Khối lượng, thu gom xử lý nước thải:

- Khối lượng nước thải tiếp nhận vào Hệ thống xử lý tập trung được xác định trên cơ sở kiểm tra thực tế do hai Bên thỏa thuận theo từng thời điểm có phát sinh biến động về nước thải.

- Phương pháp đo kiểm: Thông qua bể đo chứng của bên A.

- Khối lượng và thời điểm xả thải: Tạm tính $09m^3$ /ngày đêm (theo Biên bản làm việc ngày 20/7/2015) sau này có biến động sẽ xác định lại để hai bên lập hợp đồng điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.

Điều 3. Thời gian thực hiện:

- Kể từ ngày 01/6/2020.

- Thời hạn Hợp đồng thực hiện đến hết ngày 31/12/2048 (tính cho cả vòng đời dự án thuê đất của doanh nghiệp).

Điều 4. Đơn giá, phương thức và hình thức thanh toán:

- Đơn giá thu gom xử lý nước thải: $7.590 \text{ đồng}/m^3$ (Bảy nghìn năm trăm chín mươi đồng) đã có thể giá trị giá tăng, tương ứng với đơn giá thu gom, xử lý nước thải đạt cấp độ 1,5C đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 4522/QĐ-UBND ngày 15/12/2015. Đơn giá trên thay đổi (nếu có) khi cấp thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh.

- Thanh toán 02 lần trong năm khi có thông báo thu tiền của Bên B.

- Hình thức thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.

- Nếu quá thời hạn 15 ngày (so với ngày qui định trong thông báo) mà Bên A vẫn không thanh toán tiền thu gom xử lý nước thải, thì Bên B có quyền không tiếp nhận nước thải của Bên A để xử lý.

Điều 5. Quyền hạn, trách nhiệm của hai Bên:

a. Bên A có trách nhiệm:

- Dấu nổi nước thải đã qua xử lý sơ bộ vào Hệ thống tập trung KCN Phú Tài.
- Bồi thường thiệt hại khi nước thải không qua xử lý sơ bộ mà đưa vào Hệ thống thu gom xử lý tập trung, gây thiệt hại cho Bên B.
- Cử cán bộ (nhân viên) cùng lấy mẫu nước thải để kiểm tra khi có yêu cầu của Bên B.

- Thanh toán đủ tiền và đúng hạn.

b. Bên B có quyền hạn, trách nhiệm:

- Thu gom, xử lý nước thải của Bên A đạt cấp độ A theo QCVN 40:2011 trước khi thải ra môi trường.

- Tổ chức lấy mẫu nước thải của Bên A tại bể đối chứng hoặc hồ ga tại vị trí đầu nổi để kiểm tra chất lượng nước thải, làm cơ sở tiếp nhận hoặc không tiếp nhận xử lý. Việc lấy mẫu kiểm tra được tiến hành đột xuất.

- Có quyền không tiếp nhận nếu nước thải của Bên A vượt quá cấp độ 1,5C theo Bảng quy định cấp độ xử lý nước thải ban hành kèm theo Quyết định số 404/QĐ-ĐT ngày 13/4/2012 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Định hoặc không nhận được tiền thanh toán sau 02 lần thông báo và sẽ không chịu bất kỳ trách nhiệm nào liên quan đến lượng nước thải của Bên A.

Điều 6. Hợp đồng này hết hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Hết thời gian hiệu lực của hợp đồng.
- Một trong hai Bên vi phạm hợp đồng dẫn đến phương hại cho Bên kia.

Điều 7. Điều khoản chung:

- Hai Bên thống nhất thực hiện đúng các điều khoản trong hợp đồng, các thỏa thuận khác (nếu có) sẽ ký hợp đồng bổ sung.

- Trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh tranh chấp, các Bên tự giải quyết bằng tinh thần hòa giải. Trường hợp không giải quyết được sẽ được phân xử tại Tòa Kinh tế tỉnh Bình Định và phán quyết của Tòa là cuối cùng.

Hợp đồng được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 01 bản, Bên B giữ 03 bản, có hiệu lực kể từ ngày ký.

ĐẠI DIỆN BÊN A
GIÁM ĐỐC
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
HOÀNG HƯNG
Lê Minh Thiện

ĐẠI DIỆN BÊN B
GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH ĐỊNH
Phạm Văn Thành

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG THU GOM VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

Số: 09/2023 HĐDVVS – ĐMT4

Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Văn bản Hợp nhất số 09/VBHN-BTNMT ngày 25/10/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về Nghị định Quản lý chất thải và phế liệu;

Căn cứ Quyết định số 17/2018/QĐ-UBND và Quyết định số 18/2018/QĐ-UBND ngày 04/5/2018 của UBND tỉnh Bình Định, về việc quy định giá tối đa dịch thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn TP Quy Nhơn, tỉnh Bình Định lộ trình năm 2018-2019;

Căn cứ Công văn số 8023/UBND-TH, ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh Bình Định, về việc chủ trương thu giá thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn Thành Phố Quy Nhơn.

Hôm nay, ngày 03 tháng 01 năm 2023 tại Công ty Cổ phần Môi trường Bình Định, chúng tôi gồm có:

I. Bên A: Bên thuê thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt

Tên đơn vị: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HOÀNG HÙNG

Địa chỉ: Lô B27 KCN Phú Tài, Phường Trần Quang Diệu, TP Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.

Số điện thoại: 02563.741.109

Tài khoản số: 0051000430812 tại Ngân hàng Ngoại Thương – CN Quy Nhơn

Mã số thuế: 4100480974

Mã khách hàng: 415002704

Đại diện là Ông: Lê Minh Thiện

Chức vụ: Giám đốc

II. Bên B: Bên nhận thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải rắn sinh hoạt

Tên đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG BÌNH ĐỊNH

Địa chỉ: 40 Phan Bội Châu, Phường Lê Lợi, TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

Điện thoại: 02563814600

Tài khoản số: 58010000001427 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam- Chi nhánh Bình Định

Mã số thuế: 4100298570

Đại diện là Bà: Trần Thị Trâm Anh

Chức vụ: Phó Giám đốc

(Giấy ủy quyền số 04/GUQ-CTMT do Chủ tịch HĐQT Công ty ký ngày 27/12/2022).

Hai bên thỏa thuận ký Hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt với những điều khoản sau:

Điều I. Nội dung công việc

Bên B thực hiện thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt thông thường cho bên A với khối lượng 14 m³/tháng, mỗi tuần 02 lần vào các ngày thứ 2, 6 tại 2 địa điểm: Lô B18 và Lô B2 KCN Phú Tài, Phường Trần Quang Diệu, TP Quy Nhơn.

Trách nhiệm bên A:

Đề chất thải rắn sinh hoạt trong giỏ (khoảng 50 kg/giỏ), hoặc thùng đựng rác và tập kết tại 01 điểm cố định thuận lợi để bên B đưa xe vào vận chuyển.

Thực hiện phân loại chất thải tại nguồn theo quy định và theo hướng dẫn của bên B.

Không bỏ chung các loại chất thải y tế, rác thải nguy hại, rác thải công nghiệp với chất thải rắn sinh hoạt, nếu vi phạm bên B có quyền từ chối thực hiện Hợp đồng.

Bên A bố trí điểm rác thuận lợi và hướng dẫn để xe của bên B vào đến nơi thu gom, vận chuyển rác thải.

Khi bên A ngừng, nghỉ hoặc chuyển địa điểm kinh doanh phải thông báo kịp thời bằng văn bản cho bên B được biết. Nếu bên A không thông báo cho bên B thì chịu trách nhiệm thanh toán trong thời gian nghỉ kinh doanh.

Khi thanh toán tiền dịch vụ cho Bên B thì Bên A cần ghi rõ những nội dung trên chứng từ thanh toán như sau: Tên đơn vị, Mã khách hàng, ký thanh toán.

Trách nhiệm bên B:

Bố trí xe và công nhân vào lấy chất thải rắn sinh hoạt, vận chuyển lên bãi rác Long Mỹ để xử lý, đảm bảo vệ sinh môi trường và mỹ quan đô thị.

Điều II. Đơn giá, hình thức và thời gian thanh toán

Đơn giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải SHTT: 300.000 đồng/m³

Thành tiền hàng tháng (đơn giá nhân với khối lượng bình quân):

- Thành tiền: 300.000 đồng/m³ x 14 m³/tháng = 4.200.000 đồng/tháng.

(Bằng chữ: Bốn triệu, hai trăm nghìn đồng).

Giá trên đã bao gồm thuế GTGT 10%. Khi Nhà nước có thay đổi về mức thuế thì mức thuế sẽ được thay đổi tương ứng.

Hình thức thanh toán: Tiền mặt hoặc chuyển khoản.

Thời gian thanh toán: Thanh toán một lần, từ ngày 10 đến ngày 25 hàng tháng.

Điều III. Thời hạn Hợp đồng

Hợp đồng có hiệu lực từ ngày 01/01/2023 đến khi có sự thay đổi quy định về giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt của UBND tỉnh Bình Định, sự thay đổi về khối lượng của Bên A hoặc theo thỏa thuận của hai bên; hai bên sẽ tiến hành thương thảo, ký lại Hợp đồng hoặc Phụ lục hợp đồng và có hiệu lực tại thời điểm ký kết.

Bên B có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn khi bên A chậm thanh toán cho bên B sau 10 ngày, kể từ ngày bên A nhận được hóa đơn giá trị gia tăng của bên B. Mọi thiệt hại của việc đơn phương chấm dứt Hợp đồng do bên A chịu trách nhiệm.

Điều IV. Điều khoản chung

Hai bên cam kết thực hiện đúng theo các điều khoản trong Hợp đồng đã ký, trong quá trình thực hiện nếu có gì vướng mắc hai bên tiến hành bàn bạc giải quyết và điều chỉnh Hợp đồng cho phù hợp. Trường hợp có tranh chấp thì tự thương lượng hoặc khiếu kiện đến Tòa án kinh tế Bình Định.

Hợp đồng xem như được thanh lý khi hai bên đã hoàn thành trách nhiệm và nghĩa vụ ghi trong Hợp đồng. Hợp đồng này được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, bên A giữ 01 bản, bên B giữ 01 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A
GIÁM ĐỐC

Lê Minh Thiện

ĐẠI DIỆN BÊN B
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
PHÓ GIÁM ĐỐC

Trần Thị Trâm Anh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----***-----

Số: 144/2024/HĐKT

HỢP ĐỒNG

(V/v thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại)

- Căn cứ Luật thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/06/2005 của nước CHXHCN Việt Nam;

- Căn cứ Luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 của nước CHXHCN Việt Nam

- Căn cứ Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 của nước CHXHCN Việt Nam;

- Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường

- Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài Nguyên và Môi trường về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Căn cứ vào nhu cầu và năng lực của 2 Bên;

Hôm nay, ngày 06 tháng 03 năm 2024, chúng tôi gồm:

BÊN A : CÔNG TY TNHH HOÀNG HƯNG

Đại diện : Ông Lê Minh Thiện Chức vụ : Giám đốc

Địa chỉ : Lô B27 KCN Phú Tài, Tp Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Số điện thoại : 02563.741577 Fax: 0256.641171

Mã số thuế : 4100480974

BÊN B : CÔNG TY TNHH TM & MT HẬU SANH

Đại diện : Ông Nguyễn Văn Hậu Chức vụ : Giám đốc

Địa chỉ : 19 Bà Huyện Thanh Quan, P. Hải Cảng, Tp Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Số điện thoại : 02563 894979

Mã số thuế : 4100824110

Mã số QLCTNH : 3 – 4.101.VX

Số tài khoản : 4301238056789 tại Ngân hàng Agribank Quy Nhơn

0051000430560 Tại Ngân hàng Vietcombank Bình Định

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng với những điều khoản sau:

Điều 1: Nội dung công việc phải thực hiện

Bên B nhận thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại (CTNH) cho Bên A đúng theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và hướng dẫn của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.

1.1. Địa điểm thu gom tại:

-Xưởng sản xuất 1 - Công Ty TNHH Hoàng Hưng

ĐC: Lô B27 KCN Phú Tài, Tp Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

-Xưởng sản xuất 3 - Công Ty TNHH Hoàng Hưng

ĐC: Lô B2 KCN Phú Tài, Tp Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

1.2. Loại chất thải hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý: CTNH

STT	Loại chất thải	ĐVT	Mã CTNH
1	Dầu bảo quản gỗ vô cơ thải	kg	09 02 04
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	kg	16 01 06
3	Bao bì mềm thải bị nhiễm các TPNH	kg	18 01 01
4	Bao bì cứng thải bị nhiễm các TPNH	kg	18 01 02
5	Bao bì cứng thải bị nhiễm các TPNH	kg	18 01 03
6	Các loại vật dụng bị nhiễm dầu thải: giẻ lau, bao tay nhiễm dầu...	kg	18 02 01
7	Cặn sơn thải	kg	16 01 09
8	Dầu thủy lực tổng hợp thải	kg	17 01 06
9	Ấp quy chì thải	kg	19 06 01

1.3. Phương tiện: Bên B chịu trách nhiệm về phương tiện vận chuyển chuyên dụng.

1.4. Thời gian thu gom:

- Thời gian dự kiến: tháng 11.
- Trong quá trình thực hiện hợp đồng, khi có nhu cầu thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH Bên A phải thông báo cho Bên B trước 5 ngày để Bên B triển khai việc thu gom.
- Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu Bên A không thông báo cho Bên B yêu cầu thu gom thì Bên B sẽ thông báo lịch thu gom cho Bên A, nếu phù hợp thì tiến hành giao nhận CTNH cần vận chuyển, xử lý. Thời gian thông báo: 05 ngày.

1.5. Tần suất thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH: 01 lần/năm

Điều 2: Giá trị hợp đồng và phương thức thanh toán:

2.1. Giá trị hợp đồng được xác định:

2.1.1. Trường hợp khối lượng chất thải cần thu gom của quý công ty ≤ 200 kg/ lần, thì đơn giá thu gom, vận chuyển và xử lý là 6.000.000 VNĐ/lần (Sáu triệu đồng chẵn). Trường hợp khối lượng chất thải của quý công ty cần thu gom, vận chuyển và xử lý > 200 kg/ lần, thì từ kg 201 trở đi sẽ có đơn giá là 22.000 VNĐ/kg (Hai mươi hai nghìn đồng).

2.1.2. Nếu đến thời gian kết thúc hợp đồng mà Bên A không thực hiện bàn giao chất thải cho bên B thu gom, vận chuyển và xử lý, thì bên A vẫn phải thanh toán chi phí 6.000.000 VNĐ để làm cơ sở thực hiện hợp đồng

2.1.3. Đơn giá này đã bao gồm thuế GTGT

2.2. Phương thức thanh toán:

2.2.1. Cơ sở thanh toán: Căn cứ vào khối lượng CTNH thực tế thu gom, vận chuyển và xử lý mà xác định giá trị theo Khoản 2.1 Điều này.

2.2.2. Hai bên sẽ lập hồ sơ giao nhận chất thải thực tế thu gom làm cơ sở để hai bên thanh quyết toán hợp đồng.

2.2.3. Phương thức thanh toán: chuyển khoản.

2.2.4. Thời gian thanh toán: trong vòng 30 ngày kể từ khi nhận được đầy đủ chứng từ và hóa đơn tài chính của Bên B

Điều 3: Hiệu lực hợp đồng:

- Ngày bắt đầu hợp đồng: 06/03/2024
- Ngày kết thúc hợp đồng: 06/03/2025

Sau khi 02 bên đã hoàn thành nhiệm vụ và không có tranh chấp xảy ra, Hợp đồng này mặc nhiên được thanh lý.

Điều 4: Trách nhiệm và quyền hạn của mỗi bên:

4.1. Trách nhiệm và quyền hạn của bên A:

4.1.1. Ký, đóng dấu vào tất cả các liên chứng từ CTNH để xác nhận việc đã thống nhất kê khai chính xác trước khi tiến hành chuyển giao CTNH cho Bên B.

4.1.2. Thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho Bên B theo khối lượng CTNH vận chuyển và xử lý.

4.1.3. Bên A có trách nhiệm phân loại, đóng bao, lưu chứa chất thải nguy hại trong kho lưu chứa CTNH theo hướng dẫn của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.

4.1.4. Trường hợp có sự thay đổi về thành phần CTNH, Bên A phải thông báo trước bằng văn bản cho Bên B được biết để có phương án giải quyết kịp thời và điều chỉnh giá thành xử lý cũng như bố trí phương tiện thu gom, vận chuyển cho phù hợp.

4.1.5. CTNH phải được bên A kiểm soát từ nguồn thải, tuyệt đối không được trộn lẫn các chất thải với nhau và thực hiện theo hướng dẫn Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.

4.1.6. Bên A có trách nhiệm hỗ trợ và tạo điều kiện cùng với Bên B bốc xếp CTNH lên phương tiện vận chuyển của Bên B tại kho lưu chứa CTNH của Bên A.

4.1.7. Bên A tự chịu trách nhiệm đối với các CTNH không bàn giao cho Bên B vận chuyển và xử lý theo Hợp đồng này.

4.2. Trách nhiệm và quyền hạn của Bên B.

4.2.1. Đảm bảo vận chuyển, lưu giữ và xử lý CTNH theo đúng các quy định pháp luật hiện hành của Việt Nam về bảo vệ môi trường, đồng thời chịu trách nhiệm giải quyết các sự cố xảy ra.

4.2.2. Cung cấp cho Bên A các giấy phép vận chuyển và xử lý CTNH.

4.2.3. Vận chuyển, xử lý CTNH đúng địa điểm và thời gian quy định.

4.2.4. Bên B có trách nhiệm phối hợp với Bên A cùng bốc xếp CTNH lên phương tiện vận chuyển tại kho lưu chứa CTNH của Bên A.

4.2.5. Thông tin đầy đủ cho Bên A về các vấn đề phát sinh trong quá trình vận chuyển, xử lý CTNH.

4.2.6. Cùng Bên A xác định khối lượng CTNH được thu gom, vận chuyển và xử lý để làm cơ sở thanh toán.

Điều 5. Tranh chấp và giải quyết tranh chấp.

5.1. Trong trường hợp xảy ra tranh chấp phát sinh hoặc có liên quan tới Hợp đồng, các bên phải có trách nhiệm thương lượng giải quyết trên tinh thần xây dựng.

5.2. Trường hợp không đạt thỏa thuận giữa các bên, thì trong vòng 05 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp, các bên có quyền đệ đơn trình lên tòa án kinh tế tỉnh Bình Định để xử lý theo pháp luật. Quyết định của tòa án kinh tế tỉnh Bình Định là quyết định cuối cùng và tính chất bắt buộc với các bên. Chi phí cho việc giải quyết tranh chấp do bên có lỗi chịu trách nhiệm giải quyết.

Điều 6. Tạm ngừng và chấm dứt Hợp đồng.

6.1. Tạm dừng thực hiện Hợp đồng.

6.1.1. Các trường hợp tạm dừng Hợp đồng: Do lỗi của Bên A hoặc Bên B gây ra; các trường hợp bất khả kháng hoặc các trường hợp khác do hai Bên thỏa thuận.

6.1.2. Một Bên có quyền quyết định tạm dừng Hợp đồng do lỗi Bên kia gây ra, nhưng phải báo cho Bên kia biết bằng văn bản và cùng bản bạc giải quyết để tiếp tục thực hiện đúng Hợp đồng đã ký kết; trường hợp Bên tạm dừng không thông báo mà tạm dừng gây thiệt hại thì phải bồi thường cho Bên bị thiệt hại. Thời gian và mức đền bù thiệt hại do tạm dừng Hợp đồng hai Bên sẽ thỏa thuận để khắc phục.

6.2. Chấm dứt Hợp đồng.

Vì lý do chưa thể lường trước được, Bên A có thể phải hủy bỏ hợp đồng nếu trường hợp này xảy ra thì Bên A sẽ thông báo trước 30 ngày cho Bên B bằng văn bản. Trong trường hợp này, bên A sẽ chịu trách nhiệm thanh toán bồi thường cho bên B các khoản sau:

- Số dư chưa thanh toán cho phần công việc mà bên B đã thực hiện xong;
- Tất cả các chi phí mà bên B phải trả khi thực hiện các nội dung công việc đến thời điểm nhận thông báo hủy hợp đồng của bên A;

Tất cả số tiền cần thiết phải trả và các chi phí hành chính hợp lệ mà bên B phải chịu có liên quan đến sự hủy hợp đồng.

Điều 7. Điều khoản chung.

7.1. Hợp đồng này cũng như tất cả các tài liệu, thông tin liên quan đến Hợp đồng sẽ được các bên quản lý theo quy định hiện hành của Nhà nước về bảo mật.

7.2. Nếu có thay đổi, các bên phải báo cáo lại cho nhau trước bằng văn bản, bên nào vi phạm sẽ phải chịu trách nhiệm và bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật hiện hành.

7.3. Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã quy định trong Hợp đồng này.

7.4. Hợp đồng này được lập thành 04 bản, mỗi Bên giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau.

7.5. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng này, Bên A không được ký Hợp đồng với đối tác khác về việc vận chuyển, xử lý CTNH.





HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (TIỀN NƯỚC)

Ký hiệu: 1K24TQN

Số: 58837

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

Ngày 28 tháng 01 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH ĐỊNH

Địa chỉ: Số 146 đường Lý Thái Tổ, Phường Quang Trung, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

Điện thoại: 02563646062

Mã số thuế: 4100258955

Số tài khoản: 114000021190

Tại: Ngân hàng Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Định

Tên khách hàng: CÔNG TY TNHH HOÀNG HƯNG

Địa chỉ: Lô B27 KCN Phú Tài, P. Trần Quang Diệu, TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

Mã số thuế: 4100480974

Mã khách hàng: 061886

Khu vực: 37

Số ghi: 3702

Từ ngày: 25 -12 -2023

Đến ngày: 25 -01 -2024

Số điện thoại:

Kỳ hóa đơn	Tình trạng đồng hồ	Số hộ	Chỉ số cũ	Chỉ số tháo	Chỉ số lắp	Chỉ số mới	KL nước tiêu thụ (m³)
01/2024	Bình thường	1	11851	0	0	12083	232

Phân loại	Tiêu thụ (m³)	Đơn giá (đồng/m³)	Thành tiền (đồng)
Tiền nước SX 01/2024	232	15.800	3.665.600
Cộng tiền nước:			3.665.600
Thuế GTGT đối với nước 5%			183.280
Tiền nước:(1)			3.848.880
Tiền DVTN và XLNT:			
Thuế GTGT đối với DVTN và XLNT 8%:			
Thuế GTGT đối với DVTN và XLNT 10%:			
Tiền DVTN:(2)			
Phí BVMT:(3)			
Tổng số tiền thanh toán:(1)+(2)+(3)			3.848.880

Số tiền viết bằng chữ: Ba triệu tám trăm bốn mươi tám nghìn tám trăm tám mươi đồng

Người mua hàng

Người bán hàng

Signature valid
Ký bởi CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH ĐỊNH
Ký ngày 28/01/2024



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (TIỀN NƯỚC)

Ký hiệu: 1K24TQN

Số: 135996

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

Ngày 27 tháng 02 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH ĐỊNH

Địa chỉ: Số 146 đường Lý Thái Tổ, Phường Quang Trung, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

Điện thoại: 02563646062

Mã số thuế: 4100258955

Số tài khoản: 114000021190

Tại: Ngân hàng Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Định

Tên khách hàng: CÔNG TY TNHH HOÀNG HÙNG

Địa chỉ: Lô B27 KCN Phú Tài, P. Trần Quang Diệu, TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

Mã số thuế: 4100480974

Mã khách hàng: 061886

Khu vực: 37

Số ghi: 3702

Từ ngày: 25 -01 -2024

Đến ngày: 25 -02 -2024

Số điện thoại:

Kỳ hóa đơn	Tình trạng đồng hồ	Số hộ	Chỉ số cũ	Chỉ số tháo	Chỉ số lắp	Chỉ số mới	KL nước tiêu thụ (m³)
02/2024	Bình thường	1	12083	0	0	12221	138

Phân loại	Tiêu thụ (m³)	Đơn giá (đồng/m³)	Thành tiền (đồng)
Tiền nước SX 02/2024	138	15.800	2.180.400
Cộng tiền nước:			2.180.400
Thuế GTGT đối với nước 5%			109.020
Tiền nước:(1)			2.289.420
Tiền DVTN và XLNT:			
Thuế GTGT đối với DVTN và XLNT 8%:			
Thuế GTGT đối với DVTN và XLNT 10%:			
Tiền DVTN:(2)			
Phí BVMT:(3)			
Tổng số tiền thanh toán:(1)+(2)+(3)			2.289.420

Số tiền viết bằng chữ: Hai triệu hai trăm tám mươi chín nghìn bốn trăm hai mươi đồng

Người mua hàng

Người bán hàng

Signature valid

Ký bởi CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH ĐỊNH
Ký ngày 27/02/2024



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (TIỀN NƯỚC)

Ký hiệu: 1K24TQN

Số: 214077

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

Ngày 27 tháng 03 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH ĐỊNH

Địa chỉ: Số 146 đường Lý Thái Tổ, Phường Quang Trung, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

Điện thoại: 02563646062

Mã số thuế: 4100258955

Số tài khoản: 114000021190

Tại: Ngân hàng Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Định

Tên khách hàng: CÔNG TY TNHH HOÀNG HÙNG

Địa chỉ: Lô B27 KCN Phú Tài, P. Trần Quang Diệu, TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

Mã số thuế: 4100480974

Mã khách hàng: 061886

Khu vực: 37

Số ghi: 3702

Từ ngày: 25 -02 -2024

Đến ngày: 25 -03 -2024

Số điện thoại:

Kỳ hóa đơn	Tình trạng đồng hồ	Số hộ	Chỉ số cũ	Chỉ số tháo	Chỉ số lắp	Chỉ số mới	KL nước tiêu thụ (m³)
03/2024	Bình thường	1	12221	0	0	12418	197

Phân loại	Tiêu thụ (m³)	Đơn giá (đồng/m³)	Thành tiền (đồng)
Tiền nước SX 03/2024	197	15.800	3.112.600
Cộng tiền nước:			3.112.600
Thuế GTGT đối với nước 5%			155.630
Tiền nước:(1)			3.268.230
Tiền DVTN và XLNT:			
Thuế GTGT đối với DVTN và XLNT 8%:			
Thuế GTGT đối với DVTN và XLNT 10%:			
Tiền DVTN:(2)			
Phí BVMT:(3)			
Tổng số tiền thanh toán:(1)+(2)+(3)			3.268.230

Số tiền viết bằng chữ: Ba triệu hai trăm sáu mươi tám nghìn hai trăm ba mươi đồng

Người mua hàng

Người bán hàng

Signature valid

Ký bởi CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH ĐỊNH
Ký ngày 27/03/2024



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (TIỀN NƯỚC)

Ký hiệu: 1K24TQN

Số: 363940

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

Ngày 28 tháng 05 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH ĐỊNH

Địa chỉ: Số 146 đường Lý Thái Tổ, Phường Quang Trung, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

Điện thoại: 02563646062

Mã số thuế: 4100258955

Số tài khoản: 114000021190

Tại: Ngân hàng Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Định

Tên khách hàng: Công ty TNHH Hoàng Hưng

Địa chỉ: Lô B27 KCN Phú Tài, P. Trần Quang Diệu, TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

Mã số thuế: 4100480974

Mã khách hàng: 061886

Khu vực: 37

Số ghi: 3702

Từ ngày: 25 -04 -2024

Đến ngày: 25 -05 -2024

Số điện thoại:

Kỳ hóa đơn	Tình trạng đồng hồ	Số hộ	Chỉ số cũ	Chỉ số tháo	Chỉ số lắp	Chỉ số mới	KL nước tiêu thụ (m³)
05/2024	Thay đồng hồ	1	12663	12861	0	15	213

Phân loại	Tiêu thụ (m³)	Đơn giá (đồng/m³)	Thành tiền (đồng)
Tiền nước SX 05/2024	213	15.800	3.365.400
Cộng tiền nước:			3.365.400
Thuế GTGT đối với nước 5%			168.270
Tiền nước:(1)			3.533.670
Tiền DVTN và XLNT:			
Thuế GTGT đối với DVTN và XLNT 8%:			
Thuế GTGT đối với DVTN và XLNT 10%:			
Tiền DVTN:(2)			
Phí BVMT:(3)			
Tổng số tiền thanh toán:(1)+(2)+(3)			3.533.670

Số tiền viết bằng chữ: Ba triệu năm trăm ba mươi ba nghìn sáu trăm bảy mươi đồng

Người mua hàng

Người bán hàng

Signature valid

Ký bởi CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH ĐỊNH
Ký ngày 28/05/2024



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (TIỀN NƯỚC)

Ký hiệu: 1K24TQN

Số: 283069

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

Ngày 26 tháng 04 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH ĐỊNH

Địa chỉ: Số 146 đường Lý Thái Tổ, Phường Quang Trung, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

Điện thoại: 02563646062

Mã số thuế: 4100258955

Số tài khoản: 114000021190

Tại: Ngân hàng Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Định

Tên khách hàng: CÔNG TY TNHH HOÀNG HƯNG

Địa chỉ: Lô B27 KCN Phú Tài, P. Trần Quang Diệu, TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

Mã số thuế: 4100480974

Mã khách hàng: 061886

Khu vực: 37

Số ghi: 3702

Từ ngày: 25 -03 -2024

Đến ngày: 25 -04 -2024

Số điện thoại:

Kỳ hóa đơn	Tình trạng đồng hồ	Số hộ	Chỉ số cũ	Chỉ số tháo	Chỉ số lắp	Chỉ số mới	KL nước tiêu thụ (m³)
04/2024	Bình thường	1	12418	0	0	12663	245

Phân loại	Tiêu thụ (m³)	Đơn giá (đồng/m³)	Thành tiền (đồng)
Tiền nước SX 04/2024	245	15.800	3.871.000
Cộng tiền nước:			3.871.000
Thuế GTGT đối với nước 5%			193.550
Tiền nước:(1)			4.064.550
Tiền DVTN và XLNT:			
Thuế GTGT đối với DVTN và XLNT 8%:			
Thuế GTGT đối với DVTN và XLNT 10%:			
Tiền DVTN:(2)			
Phí BVMT:(3)			
Tổng số tiền thanh toán:(1)+(2)+(3)			4.064.550

Số tiền viết bằng chữ: Bốn triệu không trăm sáu mươi bốn nghìn năm trăm năm mươi đồng

Người mua hàng

Người bán hàng

Signature valid

Ký bởi CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH ĐỊNH
Ký ngày 26/04/2024



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (TIỀN NƯỚC)

Ký hiệu: 1K24TQN

Số: 436171

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

Ngày 26 tháng 06 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH ĐỊNH

Địa chỉ: Số 146 đường Lý Thái Tổ, Phường Quang Trung, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

Điện thoại: 02563646062

Mã số thuế: 4100258955

Số tài khoản: 114000021190

Tại: Ngân hàng Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Định

Tên khách hàng: Công ty TNHH Hoàng Hưng

Địa chỉ: Lô B27 KCN Phú Tài, P. Trần Quang Diệu, TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

Mã số thuế: 4100480974

Mã khách hàng: 061886

Khu vực: 37

Số ghi: 3702

Từ ngày: 25 -05 -2024

Đến ngày: 25 -06 -2024

Số điện thoại:

Kỳ hóa đơn	Tình trạng đồng hồ	Số hộ	Chỉ số cũ	Chỉ số tháo	Chỉ số lắp	Chỉ số mới	KL nước tiêu thụ (m³)
06/2024	Bình thường	1	15	0	0	257	242

Phân loại	Tiêu thụ (m³)	Đơn giá (đồng/m³)	Thành tiền (đồng)
Tiền nước SX 06/2024	242	15.800	3.823.600
Cộng tiền nước:			3.823.600
Thuế GTGT đối với nước 5%			191.180
Tiền nước:(1)			4.014.780
Tiền DVTN và XLNT:			
Thuế GTGT đối với DVTN và XLNT 8%:			
Thuế GTGT đối với DVTN và XLNT 10%:			
Tiền DVTN:(2)			
Phí BVMT:(3)			
Tổng số tiền thanh toán:(1)+(2)+(3)			4.014.780

Số tiền viết bằng chữ: Bốn triệu không trăm mười bốn nghìn bảy trăm tám mươi đồng

Người mua hàng

Người bán hàng

Signature valid

Ký bởi CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH ĐỊNH
Ký ngày 26/06/2024



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP
ĐIỆN TUY PHƯỚC BÌNH ĐỊNH
MST: 4100258916

HÓA ĐƠN TIỀN ĐIỆN GTGT

Ký hiệu: 1K24TAA
Số: 00000110

Kỳ: 1

Từ ngày: 01/01/2024

Đến ngày: 15/01/2024

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐIỆN TUY PHƯỚC BÌNH ĐỊNH

Địa chỉ: Số 02, Trần Phú, Thị trấn Tuy Phước, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

Điện thoại : 0256. 3834052, ĐT sửa chữa : 0256. 3834052

Tên khách hàng: Công ty TNHH Hoàng Hưng

Điện thoại: 02563741577

Số hộ:

Địa chỉ: Khu Công Nghiệp Phú Tài, Tp.Quy Nhơn, T. Bình Định .

Mã số thuế: 4100480974

Mã khách hàng: 52.1-481KCN

Số công tơ: 99789597

Chi số mới		Chi số cũ	Hệ số nhân	Điện tiêu thụ	Đơn giá	Thành tiền
BT	2.370,75	2.179,91	300	57.252	1.809	103.568.868
CD	790,7	730,31	300	18.117	3.314	60.039.738
TD	240,15	222,2	300	5.385	1.184	6.375.840
Ngày 17 tháng 01 năm 2024 Người bán hàng (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên) Signature Valid Ký bởi:CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐIỆN TUY PHƯỚC BÌNH ĐỊNH Ký ngày: 17/01/2024 07:47:04			Cộng		80.754	169.984.446
			Thuế xuất GTGT (8%) - Tiền thuế			13.598.756
			Tổng cộng tiền thanh toán			183.583.202
			Số tiền bằng chữ: Một trăm tám mươi ba triệu năm trăm tám mươi ba nghìn hai trăm			
			lẻ hai đồng chẵn.			

Tra cứu hóa đơn điện tử tại địa chỉ: <https://xaylapdientuyphuocbdh-tt78.vnpt-invoice.com.vn/>, Mã tra cứu:
Mã tra cứu : 696d81df02d249a58556c519ec0fc744



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP
ĐIỆN TUY PHƯỚC BÌNH ĐỊNH
MST: 4100258916

HÓA ĐƠN TIỀN ĐIỆN GTGT

Ký hiệu: 1K24TAA
Số: 00000570

Kỳ: 2

Từ ngày: 16/01/2024

Đến ngày: 31/01/2024

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐIỆN TUY PHƯỚC BÌNH ĐỊNH

Địa chỉ: Số 02, Trần Phú, Thị trấn Tuy Phước, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

Điện thoại : 0256. 3834052, ĐT sửa chữa : 0256. 3834052

Tên khách hàng: Công ty TNHH Hoàng Hưng

Điện thoại: 02563741577

Số hộ:

Địa chỉ: Khu Công Nghiệp Phú Tài, Tp.Quy Nhơn, T. Bình Định .

Mã số thuế: 4100480974

Mã khách hàng: 52.1-481KCN

Số công tơ: 99789597

Chi số mới		Chi số cũ	Hệ số nhân	Điện tiêu thụ	Đơn giá	Thành tiền
BT	2.588,39	2.370,75	300	65.292	1.809	118.113.228
CD	862,59	790,7	300	21.567	3.314	71.473.038
TD	259,04	240,15	300	5.667	1.184	6.709.728
Ngày 31 tháng 01 năm 2024 Người bán hàng (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên) Signature Valid Ký bởi:CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐIỆN TUY PHƯỚC BÌNH ĐỊNH Ký ngày: 31/01/2024 15:37:21						
			Cộng		92.526	196.295.994
			Thuế xuất GTGT (8%) - Tiền thuế			15.703.680
			Tổng cộng tiền thanh toán			211.999.674
			Số tiền bằng chữ: Hai trăm mười một triệu chín trăm chín mươi chín nghìn sáu trăm bảy mươi bốn đồng chẵn.			

Tra cứu hóa đơn điện tử tại địa chỉ: <https://xaylapdientuyphuocbdh-tt78.vnpt-invoice.com.vn/>, Mã tra cứu: 16e12c7daf8b488ab7ce0ca206412c9e



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP
ĐIỆN TUY PHƯỚC BÌNH ĐỊNH
MST: 4100258916

HÓA ĐƠN TIỀN ĐIỆN GTGT

Ký hiệu: 1K24TAA
Số: 00000695

Kỳ: 1

Từ ngày: 01/02/2024

Đến ngày: 15/02/2024

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐIỆN TUY PHƯỚC BÌNH ĐỊNH

Địa chỉ: Số 02, Trần Phú, Thị trấn Tuy Phước, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

Điện thoại : 0256. 3834052, ĐT sửa chữa : 0256. 3834052

Tên khách hàng: Công ty TNHH Hoàng Hưng

Điện thoại: 02563741577

Số hộ:

Địa chỉ: Khu Công Nghiệp Phú Tài, Tp.Quy Nhơn, T. Bình Định .

Mã số thuế: 4100480974

Mã khách hàng: 52.1-481KCN

Số công tơ: 99789597

Chi số mới		Chi số cũ	Hệ số nhân	Điện tiêu thụ	Đơn giá	Thành tiền
BT	2.681,88	2.588,39	300	28.047	1.809	50.737.023
CD	894,03	862,59	300	9.432	3.314	31.257.648
TD	274,65	259,04	300	4.683	1.184	5.544.672
Ngày 16 tháng 02 năm 2024						
Người bán hàng						
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)						
Signature Valid						
Ký bởi:CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP						
ĐIỆN TUY PHƯỚC BÌNH ĐỊNH						
Ký ngày: 16/02/2024 14:59:48						
			Cộng		42.162	87.539.343
			Thuế xuất GTGT (8%) - Tiền thuế			7.003.147
			Tổng cộng tiền thanh toán			94.542.490
			Số tiền bằng chữ: Chín mươi bốn triệu năm trăm bốn mươi hai nghìn bốn trăm chín mươi đồng chẵn.			

Tra cứu hóa đơn điện tử tại địa chỉ: <https://xaylapdientuyphuocbdh-tt78.vnpt-invoice.com.vn/>, Mã tra cứu: Mã tra cứu : 1c9f5e803a0a4e57a59fcbab469124b4



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP
ĐIỆN TUY PHƯỚC BÌNH ĐỊNH
MST: 4100258916

HÓA ĐƠN TIỀN ĐIỆN GTGT

Ký hiệu: 1K24TAA
Số: 00001150

Kỳ: 2

Từ ngày: 16/02/2024

Đến ngày: 29/02/2024

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐIỆN TUY PHƯỚC BÌNH ĐỊNH

Địa chỉ: Số 02, Trần Phú, Thị trấn Tuy Phước, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định, Việt Nam
Điện thoại : 0256. 3834052, ĐT sửa chữa : 0256. 3834052

Tên khách hàng: Công ty TNHH Hoàng Hưng

Điện thoại: 02563741577

Số hộ:

Địa chỉ: Khu Công Nghiệp Phú Tài, Tp.Quy Nhơn, T. Bình Định .

Mã số thuế: 4100480974

Mã khách hàng: 52.1-481KCN

Số công tơ: 99789597

Chi số mới		Chi số cũ	Hệ số nhân	Điện tiêu thụ	Đơn giá	Thành tiền
BT	2.817,32	2.681,88	300	40.632	1.809	73.503.288
CD	937,35	894,03	300	12.996	3.314	43.068.744
TD	287,75	274,65	300	3.930	1.184	4.653.120
Ngày 29 tháng 02 năm 2024 Người bán hàng (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên) Signature Valid Ký bởi:CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐIỆN TUY PHƯỚC BÌNH ĐỊNH Ký ngày: 29/02/2024 15:41:22			Cộng		57.558	121.225.152
			Thuế xuất GTGT (8%) - Tiền thuế			9.698.012
			Tổng cộng tiền thanh toán			130.923.164
			Số tiền bằng chữ: Một trăm ba mươi triệu chín trăm hai mươi ba nghìn một trăm sáu mươi bốn đồng chẵn.			

Tra cứu hóa đơn điện tử tại địa chỉ: <https://xaylapdientuyphuocbdh-tt78.vnpt-invoice.com.vn/>, Mã tra cứu: c9535722938b4de88e9bca14cb398ae6



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP
ĐIỆN TUY PHƯỚC BÌNH ĐỊNH
MST: 4100258916

HÓA ĐƠN TIỀN ĐIỆN GTGT

Ký hiệu: 1K24TAA
Số: 00001284

Kỳ: 1

Từ ngày: 01/03/2024

Đến ngày: 15/03/2024

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐIỆN TUY PHƯỚC BÌNH ĐỊNH

Địa chỉ: Số 02, Trần Phú, Thị trấn Tuy Phước, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

Điện thoại : 0256. 3834052, ĐT sửa chữa : 0256. 3834052

Tên khách hàng: Công ty TNHH Hoàng Hưng

Điện thoại: 02563741577

Số hộ:

Địa chỉ: Khu Công Nghiệp Phú Tài, Tp.Quy Nhơn, T. Bình Định .

Mã số thuế: 4100480974

Mã khách hàng: 52.1-481KCN

Số công tơ: 99789597

Chi số mới		Chi số cũ	Hệ số nhân	Điện tiêu thụ	Đơn giá	Thành tiền
BT	3.025,3	2.817,32	300	62.394	1.809	112.870.746
CD	1.015,26	937,35	300	23.373	3.314	77.458.122
TD	304,14	287,75	300	4.917	1.184	5.821.728
Ngày 16 tháng 03 năm 2024 Người bán hàng (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên) Signature Valid Ký bởi:CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐIỆN TUY PHƯỚC BÌNH ĐỊNH Ký ngày: 16/03/2024 14:30:50			Tiền phản kháng			2.196.887
			Cộng		90.684	198.347.483
			Thuế xuất GTGT (8%) - Tiền thuế			15.867.799
			Tổng cộng tiền thanh toán			214.215.282
			Số tiền bằng chữ: Hai trăm mười bốn triệu hai trăm mười lăm nghìn hai trăm tám mươi hai đồng chẵn.			

Tra cứu hóa đơn điện tử tại địa chỉ: <https://xaylapdientuyphuocbdh-tt78.vnpt-invoice.com.vn/>, Mã tra cứu: 5c5ca2675fdb413b859f8886e525dc87



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP
ĐIỆN TUY PHƯỚC BÌNH ĐỊNH
MST: 4100258916

HÓA ĐƠN TIỀN ĐIỆN GTGT

Ký hiệu: 1K24TAA
Số: 00001746

Kỳ: 2

Từ ngày: 16/03/2024

Đến ngày: 31/03/2024

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐIỆN TUY PHƯỚC BÌNH ĐỊNH

Địa chỉ: Số 02, Trần Phú, Thị trấn Tuy Phước, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định, Việt Nam
Điện thoại : 0256. 3834052, ĐT sửa chữa : 0256. 3834052

Tên khách hàng: Công ty TNHH Hoàng Hưng

Điện thoại: 02563741577

Số hộ:

Địa chỉ: Khu Công Nghiệp Phú Tài, Tp.Quy Nhơn, T. Bình Định .

Mã số thuế: 4100480974

Mã khách hàng: 52.1-481KCN

Số công tơ: 99789597

Chi số mới		Chi số cũ	Hệ số nhân	Điện tiêu thụ	Đơn giá	Thành tiền
BT	3.250,19	3.025,3	300	67.467	1.809	122.047.803
CĐ	1.102,32	1.015,26	300	26.118	3.314	86.555.052
TĐ	321,92	304,14	300	5.334	1.184	6.315.456
Ngày 31 tháng 03 năm 2024 Người bán hàng (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên) Signature Valid Ký bởi:CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐIỆN TUY PHƯỚC BÌNH ĐỊNH Ký ngày: 31/03/2024 15:00:28			Tiền phản kháng			2.407.085
			Cộng	98.919		217.325.396
			Thuế xuất GTGT (8%) - Tiền thuế			17.386.032
			Tổng cộng tiền thanh toán			234.711.428
			Số tiền bằng chữ: Hai trăm ba mươi bốn triệu bảy trăm mười một nghìn bốn trăm hai mươi tám đồng chẵn.			

Tra cứu hóa đơn điện tử tại địa chỉ: <https://xaylapdientuyphuocbdh-tt78.vnpt-invoice.com.vn/>, Mã tra cứu: Mã tra cứu : 1eedcb5401a64349840aec3e6e72519b



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP
ĐIỆN TUY PHƯỚC BÌNH ĐỊNH
MST: 4100258916

HÓA ĐƠN TIỀN ĐIỆN GTGT

Ký hiệu: 1K24TAA
Số: 00001879

Kỳ: 1

Từ ngày: 01/04/2024

Đến ngày: 15/04/2024

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐIỆN TUY PHƯỚC BÌNH ĐỊNH

Địa chỉ: Số 02, Trần Phú, Thị trấn Tuy Phước, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

Điện thoại : 0256. 3834052, ĐT sửa chữa : 0256. 3834052

Tên khách hàng: Công ty TNHH Hoàng Hưng

Điện thoại: 02563741577

Số hộ:

Địa chỉ: Khu Công Nghiệp Phú Tài, Tp.Quy Nhơn, T. Bình Định .

Mã số thuế: 4100480974

Mã khách hàng: 52.1-481KCN

Số công tơ: 99789597

Chi số mới			Chi số cũ	Hệ số nhân	Điện tiêu thụ	Đơn giá	Thành tiền	
BT	3.439,74	3.250,19	300	56.865	1.809	102.868.785		
CD	1.161,98	1.102,32	300	17.898	3.314	59.313.972		
TD	338,41	321,92	300	4.947	1.184	5.857.248		
Ngày 16 tháng 04 năm 2024 Người bán hàng (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên) Signature Valid Ký bởi:CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐIỆN TUY PHƯỚC BÌNH ĐỊNH Ký ngày: 16/04/2024 11:31:24								
				Cộng79.710168.040.005				
				Thuế xuất GTGT (8%) - Tiền thuế13.443.200				
				Tổng cộng tiền thanh toán181.483.205				
				Số tiền bằng chữ: Một trăm tám mươi một triệu bốn trăm tám mươi ba nghìn hai trăm lẻ năm đồng chẵn.				

Tra cứu hóa đơn điện tử tại địa chỉ: <https://xaylapdientuyphuocbdh-tt78.vnpt-invoice.com.vn/>, Mã tra cứu: 50ec0d2f769246b28ab50ba230d7635d



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP
ĐIỆN TUY PHƯỚC BÌNH ĐỊNH
MST: 4100258916

HÓA ĐƠN TIỀN ĐIỆN GTGT

Ký hiệu: 1K24TAA
Số: 00002343

Kỳ: 2

Từ ngày: 16/04/2024

Đến ngày: 30/04/2024

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐIỆN TUY PHƯỚC BÌNH ĐỊNH

Địa chỉ: Số 02, Trần Phú, Thị trấn Tuy Phước, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

Điện thoại : 0256. 3834052, ĐT sửa chữa : 0256. 3834052

Tên khách hàng: Công ty TNHH Hoàng Hưng

Điện thoại: 02563741577

Số hộ:

Địa chỉ: Khu Công Nghiệp Phú Tài, Tp.Quy Nhơn, T. Bình Định .

Mã số thuế: 4100480974

Mã khách hàng: 52.2-481KCN

Số công tơ: 21130078

Chi số mới		Chi số cũ	Hệ số nhân	Điện tiêu thụ	Đơn giá	Thành tiền
BT	11.869,89	11.584,17	100	28.572	1.809	51.686.748
CD	3.643,77	3.575,39	100	6.838	3.314	22.661.132
TD	1.904,88	1.844,87	100	6.001	1.184	7.105.184
Ngày 30 tháng 04 năm 2024 Người bán hàng (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên) Signature Valid Ký bởi:CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐIỆN TUY PHƯỚC BÌNH ĐỊNH Ký ngày: 30/04/2024 14:34:07			Cộng		41.411	81.453.064
			Thuế xuất GTGT (8%) - Tiền thuế			6.516.245
			Tổng cộng tiền thanh toán			87.969.309
			Số tiền bằng chữ: Tám mươi bảy triệu chín trăm sáu mươi chín nghìn ba trăm lẻ chín đồng chẵn.			

Tra cứu hóa đơn điện tử tại địa chỉ: <https://xaylapdientuyphuocbdh-tt78.vnpt-invoice.com.vn/>, Mã tra cứu: 91bbdf93726941ad811e1c0f237a66c7



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP
ĐIỆN TUY PHƯỚC BÌNH ĐỊNH
MST: 4100258916

HÓA ĐƠN TIỀN ĐIỆN GTGT

Ký hiệu: 1K24TAA
Số: 00002477

Kỳ: 1

Từ ngày: 01/05/2024

Đến ngày: 15/05/2024

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐIỆN TUY PHƯỚC BÌNH ĐỊNH

Địa chỉ: Số 02, Trần Phú, Thị trấn Tuy Phước, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

Điện thoại : 0256. 3834052, ĐT sửa chữa : 0256. 3834052

Tên khách hàng: Công ty TNHH Hoàng Hưng

Điện thoại: 02563741577

Số hộ:

Địa chỉ: Khu Công Nghiệp Phú Tài, Tp.Quy Nhơn, T. Bình Định .

Mã số thuế: 4100480974

Mã khách hàng: 52.2-481KCN

Số công tơ: 21130078

Chi số mới		Chi số cũ	Hệ số nhân	Điện tiêu thụ	Đơn giá	Thành tiền
BT	12.121,02	11.869,89	100	25.113	1.809	45.429.417
CD	3.704,09	3.643,77	100	6.032	3.314	19.990.048
TD	1.958,83	1.904,88	100	5.395	1.184	6.387.680
Ngày 17 tháng 05 năm 2024 Người bán hàng (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên) Signature Valid Ký bởi:CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐIỆN TUY PHƯỚC BÌNH ĐỊNH Ký ngày: 17/05/2024 09:56:10						
			Cộng		36.540	71.807.145
			Thuế xuất GTGT (8%) - Tiền thuế			5.744.572
			Tổng cộng tiền thanh toán			77.551.717
			Số tiền bằng chữ: Bảy mươi bảy triệu năm trăm năm mươi một nghìn bảy trăm mười bảy đồng chẵn.			

Tra cứu hóa đơn điện tử tại địa chỉ: <https://xaylapdientuyphuocbdh-tt78.vnpt-invoice.com.vn/>, Mã tra cứu: 235e3aae58ef486090550379f709587c

Số/No: 1608.1022/QTPT

Quang Ngãi, 09/6/2022

**PHIẾU THỬ NGHIỆM
TEST REPORT**

- Đơn vị yêu cầu/Customer : **TRUNG TÂM TƯ VẤN XÂY DỰNG – MÔI TRƯỜNG K K T – CN CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH ĐỊNH**

- Loại mẫu/Type of sample : **Không Khí**

Kí hiệu/Sign	Tọa độ Coordinate	Ngày lấy mẫu Sampling date	Nguồn gốc/Source
K 152/4/7	X: 1524304 Y: 596294	01/06/2022	Khu vực ruộng trồng, phun sơn - Công ty TNHH Hoàng Hưng, Lô B27 - KCN Phú Tài, TP.Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
K 152/4/8	X: 1524504 Y: 596320	01/06/2022	Khu vực phân xưởng gia công - Công ty TNHH Hoàng Hưng, Lô B18 - KCN Phú Tài, TP.Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

- PP lấy mẫu/Sampling method : Theo phương pháp thử
- Ngày thí nghiệm/Testing date : 01/06/2022 - 06/06/2022

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Test Results**

STT No	Các thông số Parameters	Phương pháp thử Test methods	Đơn vị Units	Kết quả/Results		Ghi chú Note
				K 132/4/7	K 152/4/8	
I	KHÔNG KHÍ					
1 ^(a)	Bụi lơ lửng (TSP)	TCVN 5067:1995	mg/m ³	2,74	2,54	
2 ^(a)	Carbon monoxit (CO)	SQP-K7/EMC	mg/m ³	6,25	5,44	
3 ^(a)	Lưu huỳnh đioxit (SO ₂)	TCVN 5971:1995	mg/m ³	0,32	0,28	
4 ^(a)	Nitơ đioxit (NO ₂)	TCVN 6137:2009	mg/m ³	0,24	0,21	
II	TIẾNG ỒN					
5 ^(a)	Mức âm (Leq)-HT	TCVN 7878-2:2010	dBA	77	83	

Ghi chú/Note:

Dữ liệu được cấp chứng nhận VIMCERTS 029. Recognized by VIMCERTS certificate



VILAS 273
Hồ Minh Tuấn

KT.GIÁM ĐỐC/PHÓ GIÁM ĐỐC
VP-Director/Vice Director



- Kết quả chỉ có giá trị nếu mẫu thử tại thời điểm lấy mẫu. The result is only valid to the test sample at the sampling time.
- Không được vi phạm một phần nếu chưa có ý kiến của EMC bằng văn bản. Any deviation of this test result are not allowed in any way without opinion of EMC by official document.
- Hết thời hạn lưu mẫu. Phải tiến hành phân tích ngay sau khi lấy mẫu. After sampling time of the sample, 225, days and after 225 days - analysis of the test result.



TRUNG TÂM KỸ THUẬT QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Environmental Monitoring Technical Center (EMC)

Địa chỉ: Khu Đô thị mới Vạn Tường- Bình Trị- Bình Sơn- Quảng Ngãi

Tel: (0255)3610704-3612206 ; Fax: (0255)3610704

Web: Dungquatemc.com.vn; Email: emcdungquat@gmail.com



VILAS 273; VIMCERTS 029; LAS-XD350; 505/TN-TDL; 029/TN-QTMT; ISO 9001

Số/No: 3902.2022 /QTPT

Quang Ngãi, 24/11/2022

PHIẾU THỬ NGHIỆM TEST REPORT

- Đơn vị yêu cầu/Customer : TRUNG TÂM TƯ VẤN XÂY DỰNG - MÔI TRƯỜNG K K T - CN CÔNG TY
CÓ PHÂN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH ĐỊNH

- Loại mẫu/Type of sample : Không Khí

Kí hiệu/Sign	Toạ độ Coordinate	Ngày lấy mẫu Sampling date	Nguồn gốc/Source
K 320/5/1	X: 1524304 Y: 596294	16/11/2022	Khu vực nhúng tấm, phun sơn - Công ty TNHH Hoàng Hưng, Lô B27 - KCN Phú Tài, TP.Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
K 320/5/2	X: 1524504 Y: 596320	16/11/2022	Khu vực phân xưởng gia công - Công ty TNHH Hoàng Hưng, Lô B18 - KCN Phú Tài, TP.Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

- PP lấy mẫu/Sampling method : Theo phương pháp thử
- Ngày thí nghiệm/Testing date : 16/11/2022 - 19/11/2022

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM Test Results

Test Results						
STT No	Các thông số Parameters	Phương pháp thử Test methods	Đơn vị Units	Kết quả/Results		Ghi chú Note
				K 320/5/1	K 320/5/2	
I	KHÔNG KHÍ					
1 ^(a)	Bụi lơ lửng (TSP)	TCVN 5067:1995	mg/m ³	2,94	2,76	
2 ^(a)	Carbon monoxit (CO)	SOP-K7/EMC	mg/m ³	5,36	5,72	
3 ^(a)	Lưu huỳnh đioxit (SO ₂)	TCVN 5971:1995	mg/m ³	0,28	0,22	
4 ^(a)	Nitơ đioxit (NO ₂)	TCVN 6137:2009	mg/m ³	0,22	0,18	
II	TIẾNG ÒN					
5 ^(a)	Mức âm (Loq)-HT	TCVN 7878-2:2010	dBA	75	81	

Ghi chú/Note:

(a) Các thông số được thử nghiệm và được công nhận bởi VILAS 273. The parameters has been accredited VILAS273
(b) Các thông số được thử nghiệm và được công nhận bởi VIMCERTS 029. Recognized by VIMCERTS certificate
(c) Các thông số đo đạc tại địa điểm thử nghiệm. The parameters measure at location



KT.GIÁM ĐỐC/PHÓ GIÁM ĐỐC
PP.Director/Vice Director



Hồ Minh Tuấn

Lê Anh Trà

Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử tại thời điểm lấy mẫu. The result is only valid to the test sample at the sampling time.

Chúng được sao chép một phần nếu chưa có ý kiến của EMC. Không cần báo. Any data of this test result are not allowed to copy without opinion of EMC. No official document
Hết thời hạn làm việc EMC không gửi người tiêu dùng và không có trách nhiệm về kết quả thử nghiệm. After expiry time of the sample, EMC will not send any comparison about this test result.



TRUNG TÂM KỸ THUẬT QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Environmental Monitoring Technical Center (EMC)

Địa chỉ: Khu Đô thị mới Vạn Tường- Bình Trị- Bình Sơn- Quảng Ngãi

Tel: (0255)3610704-3612206 ; Fax: (0255)3610704

Web: Dungquatemc.com.vn; Email: emcdungquat@gmail.com



VIMCERTS 029

VILAS 273; VIMCERTS 029; LAS-XD350; 505/TN-TDL; 029/TN-QTMT; ISO 9001

VILAS 273

Số/Nr: 3389/2023/QIPT

Quảng Ngãi, 23/12/2023

PHIẾU THỬ NGHIỆM TEST REPORT

- Đơn vị yêu cầu/Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BÌNH ĐỊNH
- Loại mẫu/Type of sample : Khí làm việc

Kí hiệu/Sign	Tọa độ Coordinate	Ngày lấy mẫu Sampling date	Nguồn gốc/Source
K 354/12/3	X: 1524304 Y: 596294	20/12/2023	Khu vực nhúng tấm, phun sơn - Công ty TNHH Hoàng Hưng, Lô B27 - KCN Phú Tài, TP.Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
K 354/12/4	X: 1524504 Y: 596320	20/12/2023	Khu vực phần xương gia công - Công ty TNHH Hoàng Hưng, Lô B18 - KCN Phú Tài, TP.Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

- PP lấy mẫu/Sampling method : Theo phương pháp thử
- Ngày thí nghiệm/Testing date : 20/12/2023 - 23/12/2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM Test Results

STT No	Các thông số Parameters	Phương pháp thử Test methods	Đơn vị Units	Kết quả/Results		Ghi chú Note
				K 354/12/3	K 354/12/4	
I	KHÍ LÀM VIỆC					
1	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	TCVN 5067:1995	mg/m ³	2,35	2,14	
2	Carbon monoxit (CO)	SOP-K7/EMC	mg/m ³	5,48	4,79	
3	Lưu huỳnh đioxit (SO ₂)	TCVN 5971:1995	mg/m ³	0,29	0,24	
4	Nitơ đioxit (NO ₂)	TCVN 6137:2009	mg/m ³	0,18	0,16	
II	TIẾNG ÒN					
5	Mức âm (Leq)-HT	TCVN 7878-2:2010	dBA	74	82	

Ghi chú/Note

HT: những thông số đo đạc tại hiện trường / HT: The parameters measure at location

TRƯỞNG PHÒNG
Manager

Hồ Minh Tuấn

KT.GIÁM ĐỐC/PHÓ GIÁM ĐỐC
Director/Vice Director



Đỗ Tiến Lợi

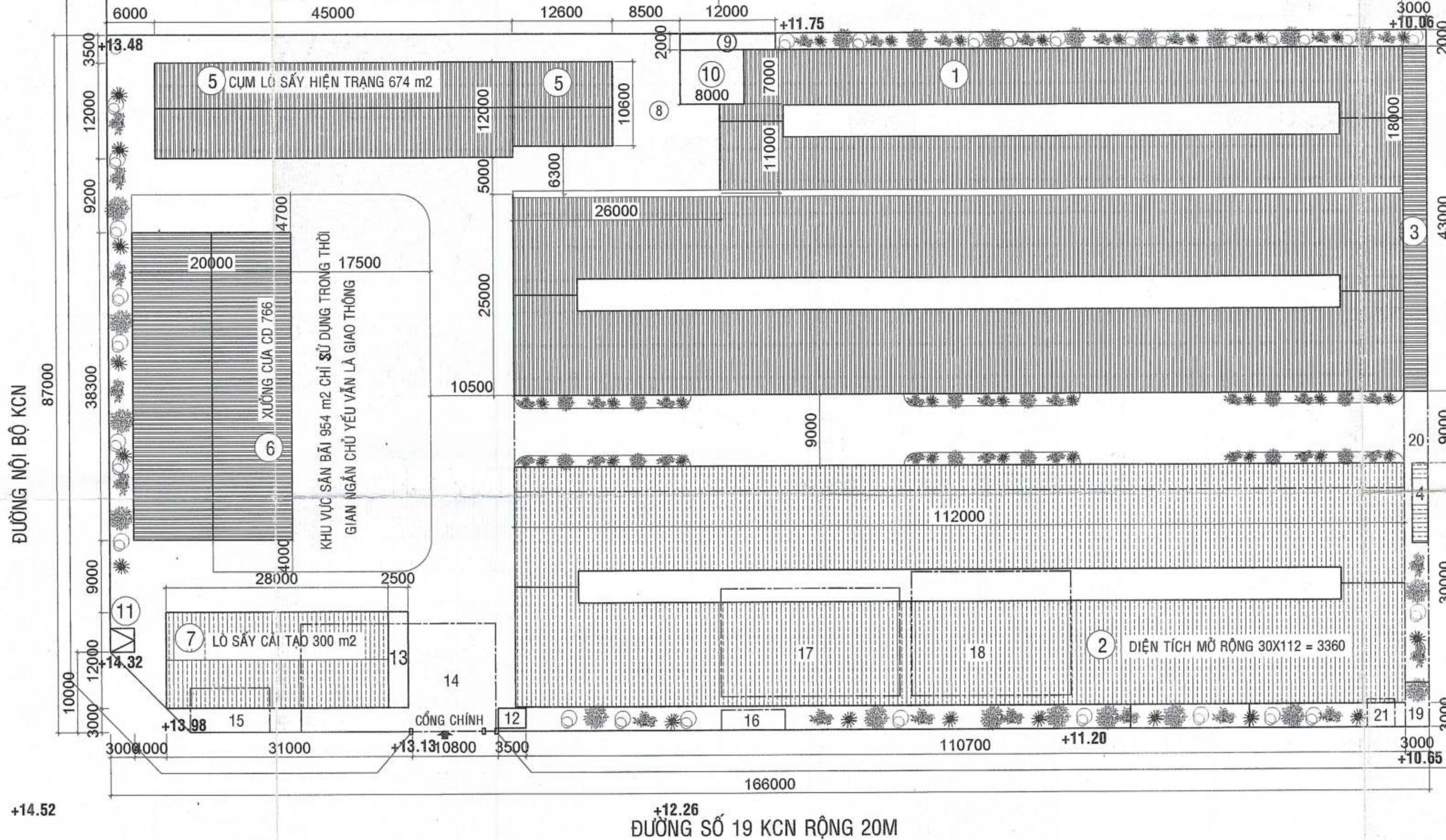
CÔNG TY TNHH HOÀNG HƯNG
MẶT BẰNG TỔNG THỂ LÔ A9 (ĐIỀU CHỈNH) TL: 1/500



CÔNG TY TNHH ÁNH VY

166000

86000



PHÊ DUYỆT

BQL KHU KINH TẾ TỈNH BÌNH ĐỊNH
KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ: 343 /QĐ-BQL
NGÀY 11 THÁNG 3 NĂM 2010
THAY THẾ CHO BẢN VẼ ĐÃ THỎA THUẬN NGÀY 14/7/1999

KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN
Cô Ngọc Chính

CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY TNHH HOÀNG HƯNG
NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2010
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
HOÀNG HƯNG
Lê Minh Thiện

THUYẾT MINH:

- XUỐNG SẢN XUẤT HIỆN TRẠNG: 4077 m2
- XUỐNG SẢN XUẤT XÂY DỰNG MỚI: 3360 m2
- KHU VỰC NGHỈ GIỮA CA: 129 m2
- NHÀ VỆ SINH CÔNG NHÂN: 20 m2
- CỤM LÒ SẤY HIỆN TRẠNG: 674 m2
- XUỐNG CỬA CD: 766 m2
- CỤM LÒ SẤY CẢI TẠO: 300m2
- ĐÀI NƯỚC CỬA HÒA 1 : 8m2 (10m3)
- NHÀ VỆ SINH CÔNG NHÂN: 24m2
- NHÀ HÚT BỤI: 56m2
- TRẠM BIẾN ÁP: 6 m2
- NHÀ BẢO VỆ: 9 m2
- BỂ NƯỚC CỬA HÒA 2: 30m2 (45m3)
- CỤM LÒ SẤY THẢO DỒ MỘT PHẦN:
- NHÀ TRỤC LÒ SẤY, CỬA CD THẢO DỒ: 55m2
- BỂ NƯỚC CỬA HÒA THẢO DỒ: 30 m3
- NHÀ ĂN NGHỈ CA CÔNG NHÂN THẢO DỒ: 303,7m2
- KHO VÂN PHÒNG THẢO DỒ: 310 m2
- KHO NGUYÊN LIỆU THẢO DỒ: 15m2
- NHÀ ĐỂ XE THẢO DỒ: 108 m2
- NHÀ BẢO VỆ THẢO DỒ: 12,5m2

KÝ HIỆU:

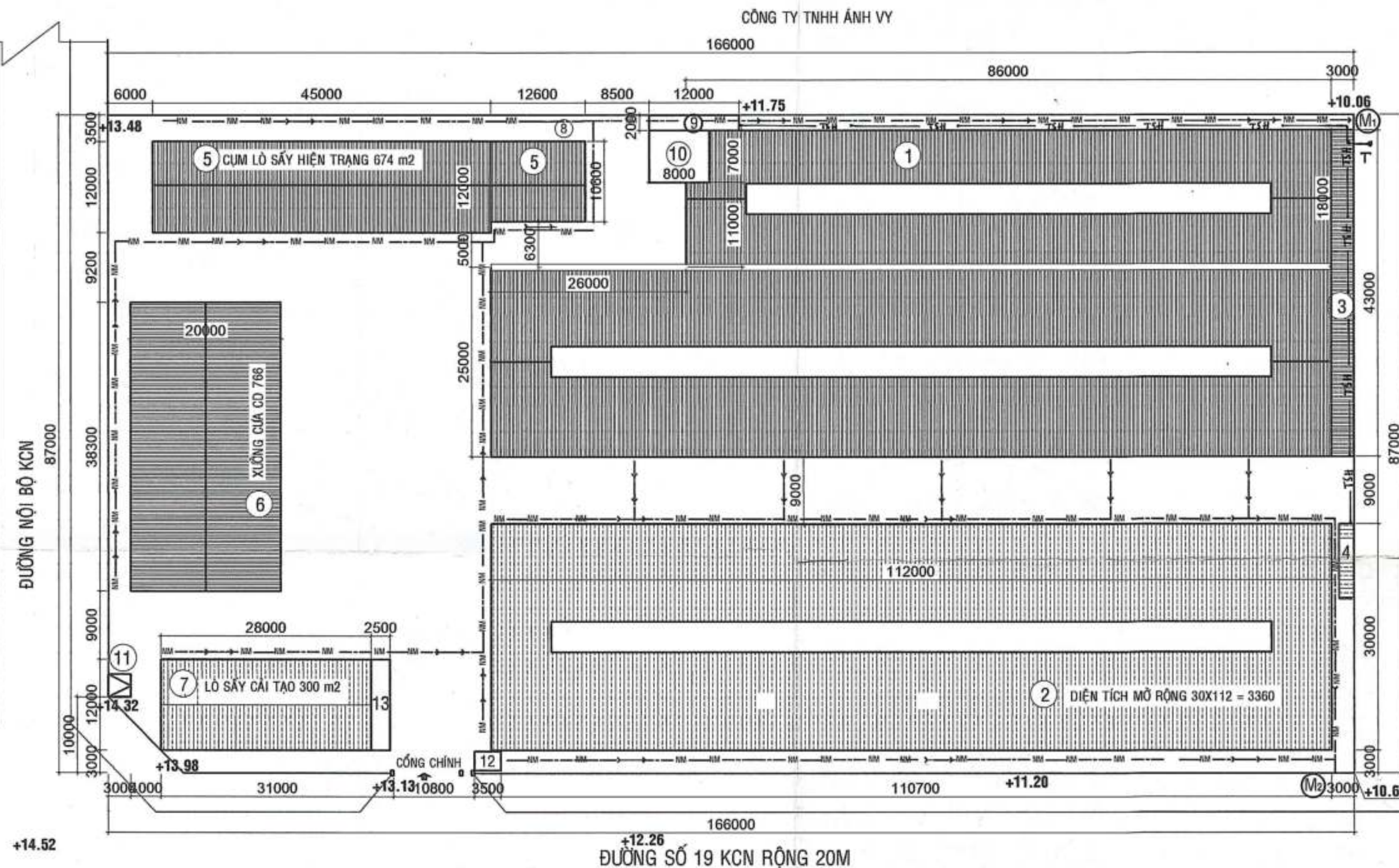
- HẠNG MỤC ĐÃ XÂY DỰNG
- HẠNG MỤC XÂY DỰNG MỚI, CẢI TẠO
- HẠNG MỤC CT THẢO DỒ

*** TỔNG DIỆN TÍCH LÔ ĐẤT: 14.392m2**

- TỔNG DIỆN TÍCH XD CÔNG TRÌNH: DT = 9.465m2 CHIẾM 65,75%
- ĐẤT TRỒNG CÂY XANH :DT = 1.438m2 CHIẾM 10%
- ĐẤT SÂN BÃ: DT = 954 m2 CHIẾM 6,6%
- ĐẤT HÀNH LANG AN TOÀN PCCC & GIAO THÔNG NỘI BỘ:
DT= 2.535m2 CHIẾM 17,65%

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIẾN TRÚC A.R.T 72C TRẦN CAO VÂN-TP. QUY NHƠN	CÔNG TRÌNH	CÔNG TY TNHH HOÀNG HƯNG NHÀ MÁY CHẾ BIẾN LÂM SẢN XUẤT KHẨU VÀ TIÊU THỤ NỘI ĐỊA	H. THÀNH 01/2010
	HẠNG MỤC	QUY HOẠCH MẶT BẰNG TỔNG THỂ	BẢN VẼ
	QH. ĐIỀU CHỈNH MB. LÔ A9		KT
			01 04
	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	THIẾT KẾ - VẼ	
	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	
KTS. NGUYỄN PHAN HOÀNG	KTS. NGUYỄN HỮU TẤT ĐẠT	VÔ ĐÌNH SANG	

CÔNG TY TNHH HOÀNG HƯNG
MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC MẶT LÔ A9 (ĐIỀU CHỈNH) TL: 1/500



PHÊ DUYỆT
BQL KHU KINH TẾ TỈNH BÌNH ĐỊNH
KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ: 100-BQL
NGÀY: THÁNG: NĂM 2010
THAY THẾ CHO BẢN VẼ ĐÃ THỎA THUẬN NGÀY 14/7/1999

CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY TNHH HOÀNG HƯNG
NGÀY: THÁNG 01 NĂM 2010
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
HOÀNG HƯNG
Lê Minh Thiện

THUYẾT MINH:

- | | |
|--|---|
| 1. XƯỞNG SẢN XUẤT HIỆN TRẠNG: 4077 m ² | 9. NHÀ VỆ SINH CÔNG NHÂN: 24m ² |
| 2. XƯỞNG SẢN XUẤT XÂY DỰNG MỚI: 3360 m ² | 10. NHÀ HÚT BỤI: 56m ² |
| 3. KHU VỰC NGHỈ GIỮA CA: 129 m ² | 11. TRẠM BIẾN ÁP: 6 m ² |
| 4. NHÀ VỆ SINH CÔNG NHÂN: 20 m ² | 12. NHÀ BẢO VỆ: 9 m ² |
| 5. CỤM LÒ SẤY HIỆN TRẠNG: 674 m ² | 13. BỂ NƯỚC CỬA HÒA 2: 30m ² (45m ³) |
| 6. XƯỞNG CỬA CD: 766 m ² | |
| 7. CỤM LÒ SẤY CẢI TẠO: 300m ² | |
| 8. ĐÀI NƯỚC CỬA HÒA 1: 8m ² (10m ³) | |

- HỆ THỐNG THU ĐÓN NƯỚC MƯA NỘI BỘ CỦA DOANH NGHIỆP ĐƯỢC XÂY DỰNG BẰNG MƯƠNG XÂY ĐÁ CHÈ 400 X 600 NẤP ĐẠN BẰNG BÊ TÔNG CỐT THÉP DÀY 50, CÁC ĐOẠN QUA ĐƯỜNG ĐẠN DÀY 100

- HỆ THỐNG MƯƠNG THU NƯỚC XÂY DỰNG THEO HƯỚNG DỐC TỰ CHẢY THEO ĐỘ DỐC CỦA MẶT BẰNG HIỆN CÓ

- DOANH NGHIỆP CỐ BỔ SUNG XÂY DỰNG 1 SỐ HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH TỰ NHIÊN MẶT BẰNG DOANH NGHIỆP VẮN ĐẢM BẢO THU ĐÓN NƯỚC MƯA CHO CẢ MẶT BẰNG DO ĐÓ HỆ THỐNG MƯƠNG CHÍNH CỦA DOANH NGHIỆP KHÔNG PHẢI ĐÁU TƯ MỞ RỘNG MƯƠNG MÀ CHỈ XÂY DỰNG HỆ THỐNG THU GOM CỦA CÁC HẠNG MỤC ĐẤU NỐI VÀO TỰ NHIÊN MẶT BẰNG DOANH NGHIỆP

- NƯỚC SAU KHI THU GOM KẾ CẢ BỂ TỰ HOẠI KHU VỆ SINH ĐƯỢC ĐẤU NỐI VÀO HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC CHUNG CỦA KCN TẠI ĐIỂM M1 VÀ ĐIỂM M2

KÝ HIỆU:

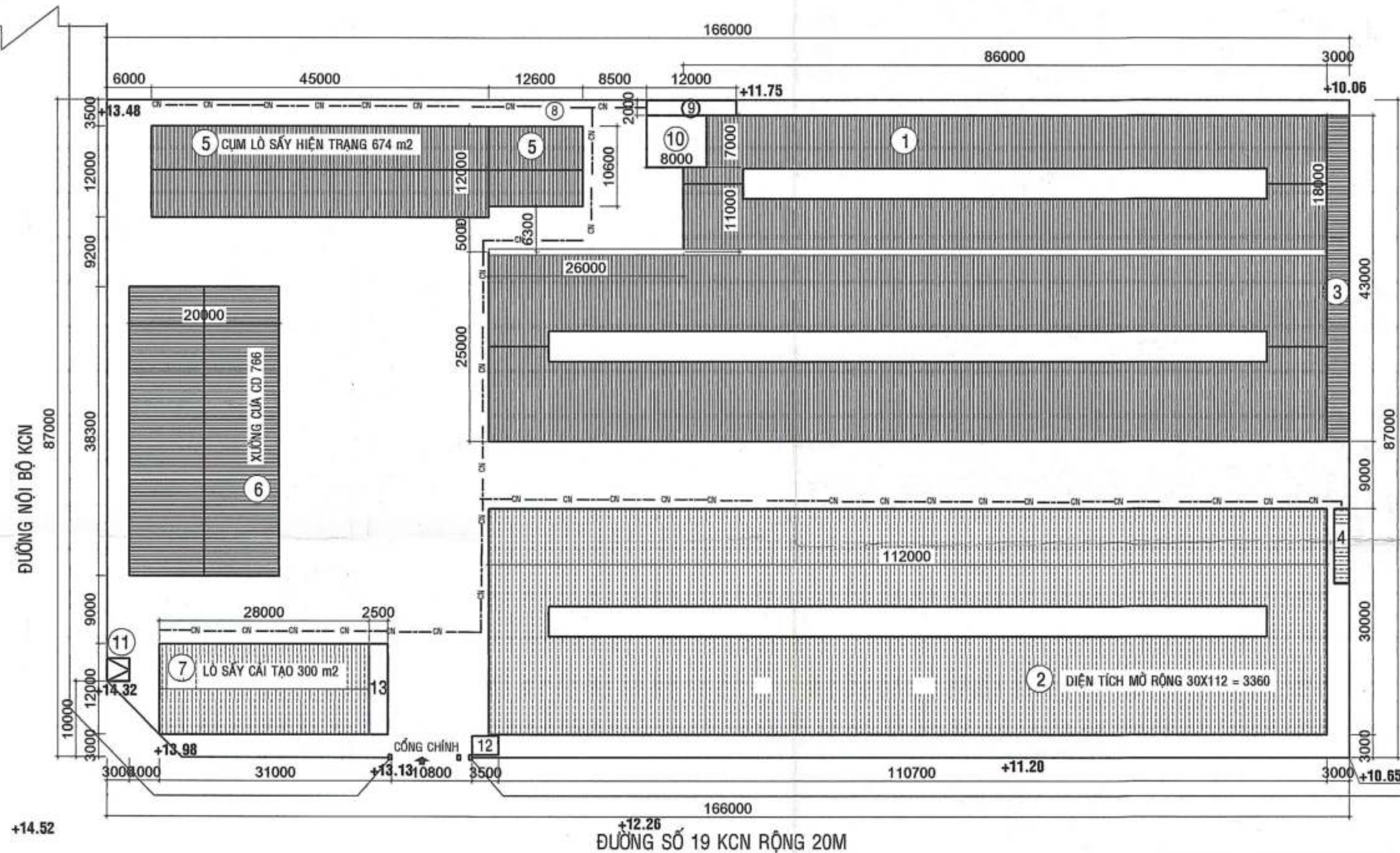
HẠNG MỤC ĐÃ XÂY DỰNG

HẠNG MỤC XÂY DỰNG MỚI, CẢI TẠO

NM → NM HƯỚNG THOÁT NƯỚC

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIẾN TRÚC A.R.T TRẦN CAO VÂN-TP. QUY NHƠN	CÔNG TRÌNH	CÔNG TY TNHH HOÀNG HƯNG NHÀ MÁY CHẾ BIẾN LÂM SẢN XUẤT KHẨU VÀ TIÊU THỤ NỘI ĐỊA	H. THÀNH 01/2010
	HẠNG MỤC	QUY HOẠCH MẶT BẰNG TỔNG THỂ	BẢN VẼ
GIÁM ĐỐC	MB. THOÁT NƯỚC MẶT LÔ A9		KT 02/04
	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	THIẾT KẾ - VẼ	
KTS. NGUYỄN PHAN HOÀNG	KTS. NGUYỄN HỮU TẤT ĐẠT	VÕ ĐÌNH SANG	

CÔNG TY TNHH HOÀNG HƯNG
MẶT BẰNG CẤP NƯỚC LÔ A9 (ĐIỀU CHỈNH) TL: 1/500



PHÊ DUYỆT
BQL KHU KINH TẾ TỈNH BÌNH ĐỊNH
KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ: /QB-BQL
NGÀY: THÁNG: NĂM 2010
THAY THẾ CHO BẢN VẼ ĐÃ THỎA THUẬN NGÀY 14/7/1999

CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY TNHH HOÀNG HƯNG
NGÀY: THÁNG: NĂM 2010
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
HOÀNG HƯNG
Lê Minh Thiện

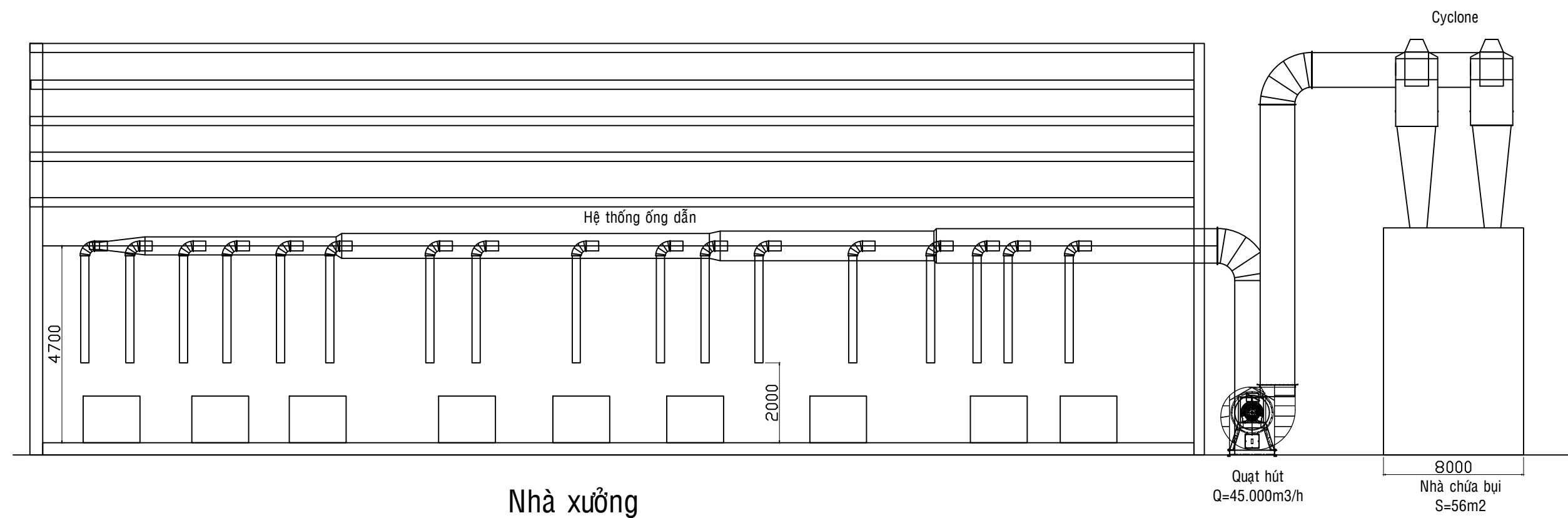
THUYẾT MINH:

- XUỞNG SẢN XUẤT HIỆN TRẠNG: 4077 m²
- XUỞNG SẢN XUẤT XÂY DỰNG MỚI: 3360 m²
- KHU VỰC NGHỈ GIỮA CA: 129 m²
- NHÀ VỆ SINH CÔNG NHÂN: 20 m²
- CỤM LÒ SẤY HIỆN TRẠNG: 674 m²
- XUỞNG CỬA CỎ: 766 m²
- CỤM LÒ SẤY CẢI TẠO: 300 m²
- ĐÀI NƯỚC CỬA HÒA 1: 8 m² (10 m³)
- NHÀ VỆ SINH CÔNG NHÂN: 24 m²
- NHÀ HÚT BỤI: 56 m²
- TRẠM BIẾN ÁP: 6 m²
- NHÀ BẢO VỆ: 9 m²
- BỂ NƯỚC CỬA HÒA 2: 30 m² (45 m³)

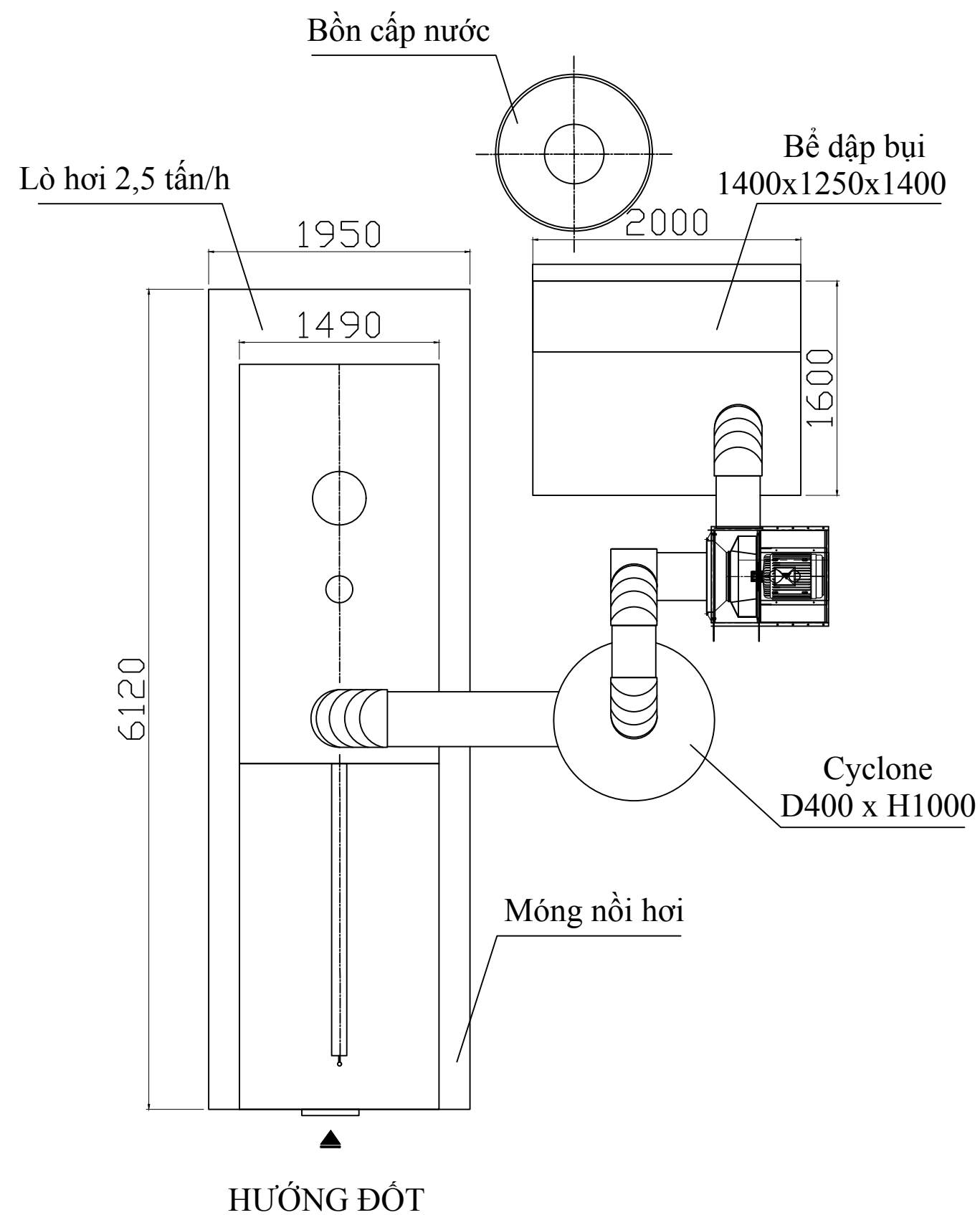
- NGUỒN NƯỚC CẤP SINH HOẠT CỦA NHÀ MÁY DOANH NGHIỆP SỬ DỤNG GIẾNG KHOAN BƠM LÊN DÀI NƯỚC (8) SAU ĐÓ CUNG CẤP CHO CÁC PHẦN XUỞNG VÀ NHÀ VỆ SINH
- HỆ THỐNG ỚNG CUNG CẤP NƯỚC SỬ DỤNG ỚNG NHỰA PVC, NHỮNG ĐOẠN QUA ĐƯỜNG LỒNG QUA ỚNG THÉP, NƯỚC CẤP SỬ DỤNG ÁP LỰC TỪ DÀI NƯỚC KIỂU TỰ CHẢY
- RIÊNG HẠNG MỤC SỐ 02 VÀ SỐ 04 XÂY MỜI TẬN DỤNG HỆ THỐNG ĐƯỜNG ỚNG ĐÃ CÓ TRƯỚC ĐÂY CẤP NỐI TIẾP CUNG CẤP CHO HẠNG MỤC NÀY

KÝ HIỆU: HẠNG MỤC ĐÃ XÂY DỰNG
 HẠNG MỤC XÂY DỰNG MỚI, CẢI TẠO
CN — CN TUYẾN ỚNG CẤP NƯỚC

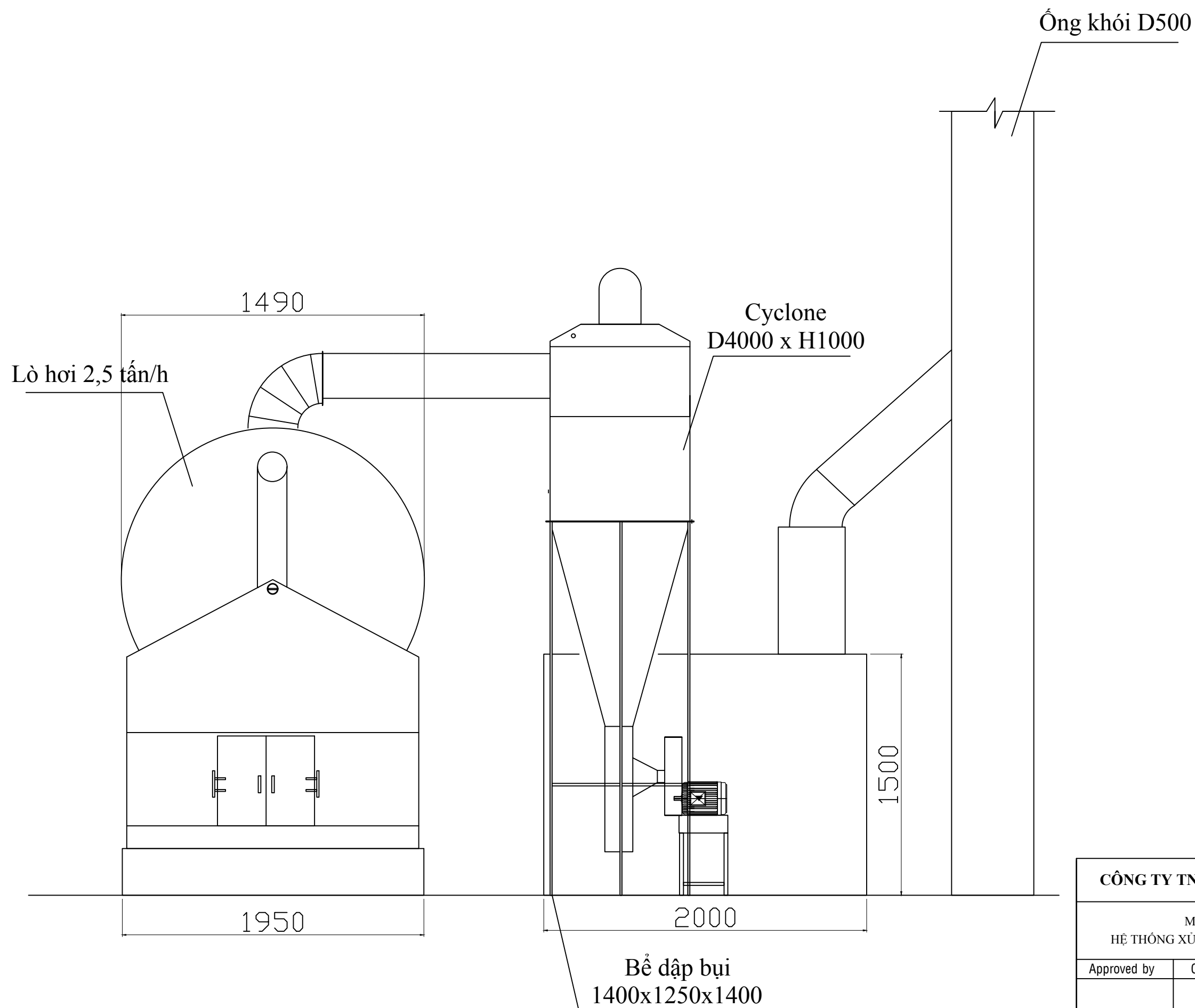
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIẾN TRÚC A.R.T TRẦN CAO VĂN-TP. QUY NHƠN	CÔNG TRÌNH	CÔNG TY TNHH HOÀNG HƯNG NHÀ MÁY CHẾ BIẾN LÂM SẢN XUẤT KHẨU VÀ TIÊU THỤ NỘI ĐỊA	H. THÀNH 01/2010
	HẠNG MỤC	QUY HOẠCH MẶT BẰNG TỔNG THỂ	BẢN VẼ
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIẾN TRÚC A.R.T KTS. NGUYỄN PHAN HOÀNG	MẶT BẰNG CẤP NƯỚC LÔ A9		KT 04 04
	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	THIẾT KẾ - VẼ	
	<i>Jah</i>	<i>Sm</i>	
	KTS. NGUYỄN HỮU TẤT ĐẠT	VÕ ĐÌNH SANG	



CÔNG TY TNHH HOÀNG HƯNG			Date :
HỆ THỐNG HÚT BỤI NHÀ XƯỞNG			HTB-01
			Drawing No :
			Sheet No :
Approved by	Checked by	Designed by	Draw by



CÔNG TY TNHH HOÀNG HƯNG			Date :
MẶT BẰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÓI THẢI Lò HƠI			HTK-01
			Drawing No :
			Sheet No :
Approved by	Checked by	Designed by	Draw by



CÔNG TY TNHH HOÀNG HƯNG			Date :
MẶT ĐÚNG HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÓI THẢI Lò HƠI			HTK-03
			Drawing No :
			Sheet No :
Approved by	Checked by	Designed by	Draw by